

Tác Giả và Tác Phẩm

Vũ Trọng Phụng (II)

Tiểu sử & Tác phẩm

(Xem *Vài hàng về tác giả I & II*)



tranh họa sĩ Côn Sinh

Mục Lục

Vài hàng về tác giả I & II - 2

Vũ Trọng Phụng và một lớp người thành thị...- Vương Trí Nhàn – 3

Tết ăn mày – 9

Nhà văn Vũ Trọng Phụng dưới bút danh Ngọa Triều – Lại Nguyên Ân – 14

Vũ Trọng Phụng: Cái nhìn bảo thủ...- Vương Trí Nhàn - 21

Lấy vợ xấu – 27

Hà Nội những năm 1930 nhìn từ cầu Long Biên – Lại Nguyên Ân – 31

Một phương diện của trào phúng Vũ Trọng Phụng - Hoàng Ngọc Hiến – 33

Phụ đính

Giới thiệu Vẽ nhọ bôi hề, sưu tập tác phẩm...- Lại Nguyên Ân – 37

Hồ sê lúu hồ lúu sê sang – 40

Vũ Trọng Phụng và vụ án văn chương – Lại Nguyên Ân – 42

Cái ghen đàn ông – 45

Dấu ấn Vũ Trọng Phụng - Phong Lê – 50

Một cái chết - 54

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả II



Vũ Trọng Phụng sinh năm 1912, quê ở làng Hào (Bản Yên Nhân), huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nhưng ông sinh ra, lớn lên và mất ở Hà Nội.

Mồ côi cha từ thuở ấu thơ, gia đình nghèo, Vũ Trọng Phụng được bà mẹ tần tảo nuôi cho ăn học. Ông viết văn và có truyện đăng báo từ 1930. Vũ Trọng Phụng viết nhiều thể loại nhưng nổi tiếng trên hai lĩnh vực phóng sự và tiểu thuyết.

Vào những năm 30 của thế kỷ này, với sự phát triển mạnh mẽ của báo chí, một thể văn mới ra đời: thể phóng sự. Hàng loạt tên tuổi được chú ý nhờ gắn bó với thể văn này: Tam Lang, Vũ Trọng Phụng, Trọng Lang, Vũ Bằng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Đình Lạp, Phi Vân... (Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân cũng có viết phóng sự). Trong số những cây bút ấy, nổi trội hẳn lên là Vũ Trọng Phụng. Vì thế công chúng đương thời đã tặng ông danh hiệu: Ông vua phóng sự đất Bắc.

Những tác phẩm chính:

+ Phóng sự: Cạm bẫy người (1933), viết về cờ bạc bịp ở Hà Nội; Kỹ nghệ lấy Tây (1934), viết về cái nghề lấy Tây để nuôi thân; Cơm thầy cơm cô (1936), viết về cảnh đời những người đi ở.
+ Tiểu thuyết: Giông Tố (1936), Vỡ Đê (1936), Trúng Số Độc Đắc (1938)... trong đó tiểu thuyết trào phúng Số Đỏ là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và đặc sắc hơn cả.

Vũ Trọng Phụng có lối thuật kể thật là hóm hỉnh và có duyên. Nhưng tiếng cười vừa dứt, dư vị để lại sao mà cay đắng, chua chát! Vì sao mà những người đàn bà vốn lương thiện, thậm chí từng có một thời thanh xuân đầy mộng ước kia lại đến nông nỗi phải làm cái 'nghề' mà chính họ cũng thấy là đáng khinh, là bỏ đi này. Thực chất đây là một thứ mồi dâm mạt hạng: làm 'điểm' kiêm đầy tớ có thời hạn cho những tên lính viễn chinh dâm ô, hung dữ, liều lĩnh và thường là nhưng con sâu rọu thô bỉ. Mà cái 'nghề' này có thể làm mãi được sao Lại còn những đứa con lai để ra một cách bất đắc dĩ? Cho nên đằng sau cái 'kỹ nghệ' quái thai kia là biết bao cuộc đời lỡ dở, biết bao tâm trạng tủi nhục, biết bao số phận tối tăm của những người đàn bà một nước thuộc địa bị đẩy tới bước đường cùng.

Trong 'Cơm thầy cơm cô', Vũ Trọng Phụng viết: 'người phu xe biết hết mọi sự độc ác của loài người hơn là một học giả', 'một kẻ đi ở (...) biết rõ những tính tình của loài người hơn là một văn sĩ tả chân'. Ngòi bút phóng sự Vũ Trọng Phụng chính là đã quan sát, đã thuật kể bằng con mắt và tấm lòng của những người phu xe ấy, của những người đi ở ấy.

Tuy nổi tiếng, nhưng ngòi bút Vũ Trọng Phụng không đủ nuôi gia đình. Ngày 18 tháng 10 năm 1939, Vũ Trọng Phụng mất trong cảnh túng quẫn vì bệnh lao phổi quá nặng, lúc mới 27 tuổi.

Vũ Trọng Phụng và một lớp người thành thị, một nền văn chương đô thị Vương Trí Nhàn

Nhìn vào tấm ảnh Vũ Trọng Phụng còn sót lại và in ở tập I của *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng* hôm nay, khó lòng có ai nghĩ rằng con người đó mất đi khi mới 27 tuổi.

Cái gì là thần thái chính hiện lên trên khuôn mặt đó? Một chút chán chường hoài nghi về thể thái nhân sinh toát ra sau cặp mắt mệt mỏi. Mà cái nhìn chậm rãi pha chút mệt mỏi ở đây lại như một điều cả quyết - không, sự chán chường của tôi là không thể nào cứu vãn được. Nó là kết luận tôi buộc phải rút ra từ cả cuộc sống sôi nổi với cái thể “day tay mồm miệng” quyết liệt của mình. Tôi đã định từ chối mà không sao từ chối nổi. Vậy tôi bằng lòng chấp nhận nó. Sống ngắn ngủi thế cũng đã đủ rồi. Ra đi không có gì phải nuối tiếc nữa. Dẫu sao cũng còn hơn chán vụn kiếp sống thiếu lực nhợt nhèo khác.

Và Vũ Trọng Phụng đã toại nguyện.

Từ tác phẩm của Vũ Trọng Phụng người ta cũng bắt gặp một cái nhìn cuộc sống tương tự như vậy - một cái nhìn đã ổn định, đã vững vàng, đã đủ cay đắng chua xót, cả hăm hở lẫn chán chường rồi, nên cũng coi như đã trọn vẹn và tất cả là không thể sửa chữa được nữa.

Một điều người ta thường ngạc nhiên mỗi khi nghĩ tới những trang văn của Vũ Trọng Phụng là sao con người này có thể biết nhiều đến thế. Chữ từng trái đối với ông hình như không hợp, phải nói là ông biết lắng nghe, biết tổng hợp, biết từ một cuộc sống hữu hạn của mình thu góp lấy tinh hoa của bao cuộc sống khác, nên mới có sự thông thuộc, sự thành thạo đối với nhiều mảng sống khác nhau vậy. Từ lễ phát chẩn đông hàng ngàn người trước cổng một nhà triệu phú đến một buổi tối sáng trăng, mấy người nhà quê ngồi bóc lột lược gấu chuyen; từ những đám bạc, những đám hút xách, cảnh chơi bời của đám nhà giàu và công chức Hà thành, tới một buổi việc làng, một bữa cơm chạy lụt... tất cả bấy nhiêu khung cảnh, sự việc rồi là lời lẽ của con người, những chi tiết trong trang phục, thoáng lo lắng chột hiện ra trong tâm tư một bà mẹ già... hầu như cái gì Vũ Trọng Phụng cũng biết, cũng mô tả một cách rành mạch. Stéfan Zweig nói rằng trong Balzac “có cả một thời đại, cả một vũ trụ, cả một thể hệ”. Đôi lúc đọc những *Cơm thầy cơm cô*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Số đỏ*, *Giông tố*... người đọc bất chợt nghĩ rằng cũng có thể nói về Vũ Trọng Phụng bằng một câu tương tự.

Ta sẽ ngạc nhiên hơn, nếu như nhớ rằng mặc dù trải rộng ra như vậy nhưng cũng như ở nhiều nhà văn lớn, thế giới của Vũ Trọng Phụng là một thế giới định hướng rõ rệt. Tác giả biết nhuốm cho cái nhân gian do ông vẽ ra một sắc thái chỉ riêng ông có. Trong khi chiếm lĩnh khách quan, văn chương của ông vẫn chủ quan đến từng chi tiết. Dù viết về cái gì ông cũng tìm ra được lý do để mang được cách giải thích nhân sinh của mình vào đó, và tạo ra đủ cơ để cho người ta phê phán ông là định mệnh, cay nghiệt, hoài nghi, và cả khiêu dâm nữa.

Dù viết về cái gì, ông cũng để lại dấu ấn con người mình, cách nghĩ mình, cả tính mình. Từ các trang sách, ông mỉm cười với hậu thế:

- Tôi là thể đấy. Tôi độc đáo và không lặp lại như một hiện tượng thiên nhiên. Tôi luôn luôn mời gọi người tới lý giải!

*

Nghị Hách và Xuân Tóc Đỏ, ông đồ Uẩn và cụ Cố Hồng, người tù chính trị được tha có tên là giáo Minh và ông già Hải Vân hành tung bí mật dám làm đủ chuyện ám muội. Rồi bà Phó Đoan, thị Mịch, Tuyết, Loan, cụ Cừ, chị Tuất v.v... và v.v... Thế giới nhân vật của Vũ Trọng Phụng khá đông và thuộc nhiều giới khác nhau. Khi được nâng lên đến mức điển hình, một số người trong họ là tài liệu quý, giúp đỡ đắc lực cho những ai muốn nghiên cứu về xã hội hoặc tìm hiểu tài nghệ ngôi bút Vũ Trọng Phụng. Nhưng còn như để hiểu tâm sự người viết, cái phức tạp đa đoan của chính tác giả, thì có những nhân vật chỉ đóng vai phụ, hoặc có vẻ không tiêu biểu gì, thật ra lại là một thứ chìa khoá khá tốt, mà người nghiên cứu không có quyền xao nhãng.

Ý chúng tôi muốn nói tới nhân vật Long trong *Giông tố*.

Vốn có một cuộc sống cơ cực, tủ nhục (đặc biệt về mặt tinh thần), lại tiếp thu được một ít kiến thức, và có lúc có cả triết lý nữa, nhân vật này giống như một thứ chất hỗn hợp. Chỉ có điều đáng tiếc là quá trình hỗn hợp ở đó đang dang dở, chưa hoàn thành. Khi lẫn lộn ở “dưới đáy” xã hội, Long không tiếp thu được phần khoẻ mạnh của cuộc sống lao động. Còn như sự học của Long thì cũng nửa vời chấp vá nốt. Bởi vậy, càng cố dịp tiếp xúc rộng - nay ở ấp Tiểu Vạn Trường Thành, mai xuống Cảng, ngày kia ra ngõ Sầm Công... - Long càng chán chường, hoang mang, không tìm ra cuộc đời với cái nghĩa lý thật của nó.

“ - Thưa ông, hiện nay tôi có một điều khổ tâm không thể tả được. Tôi khổ lắm, tôi giận thân, giận đời lắm, tôi muốn liều lĩnh làm một điều gì xằng bậy, một điều gì càn rỡ, chỉ cốt được hả giận mà thôi (...)

- Tư tưởng phá hoại lạ.

- Vâng, chính thế. Tôi chỉ muốn được khổ sở cho nó bỏ một thế.

- Ông Long, ông điên mất rồi.

- Thưa ông, chẳng phải tôi không biết như thế là điên đâu. Nhưng không hiểu vì sao tôi muốn điên lắm, không thì không chịu được nữa. Trời ơi, nếu ông có là tôi, thì ông mới hiểu được những nỗi đau đớn của tôi”

Nội dung cả đoạn đối đáp rõ, riêng câu cuối cùng của Long có một ý nghĩa đặc biệt. Nó hé ra cho thấy rằng ở Long cái ý thức về cá nhân đã lên đến cực điểm. Long mạnh, Long khác người vì phần ý thức ấy, nhưng Long cũng lại là nạn nhân của phần ý thức ấy.

Ở chỗ này, Long rất gần Vũ Trọng Phụng.

Có những ngôi bút như Vũ Trọng Phụng trong văn chương vì có không biết bao nhiêu Long trong đời sống. Những điều như Vũ viết ra, như Long nói ra, là cái phần tự ý thức của một lớp người hỗn tạp, tấp nham, đau đớn, ê chề, nhưng lại biết suy nghĩ và khổ vì sự bế tắc không lối thoát của mình: lớp dân nghèo thành thị.

*

Do những đặc điểm lịch sử, sự phát triển của chế độ phong kiến ở Việt Nam trải qua nhiều khuất khúc và không thể gọi là mang tính chất điển hình. Ngay vào thuở cực thịnh của chế độ đó, các yếu tố thị dân vẫn là một cái gì phát triển không bình thường. Những người thành thị được gọi bằng cái tên không mấy cảm tình, *dân kẻ chợ* (và xách mé hơn mà cũng đúng thực chất hơn, *dân tứ chiếng*). Trong văn học Việt Nam thời phong kiến, và rộng hơn, trong tâm lý phổ biến ở xã hội, trong đời sống tinh thần nói chung bao giờ cũng thấy đậm ám một tinh thần lạc quan nó là cái đặc tính cố hữu của những người sống gần thiên nhiên. Một yếu tố bao trùm khác là xu thế ca tụng cái thanh cao, cái trong sạch của cuộc sống nông thôn, ca tụng thú điền viên, bài bác khinh bỉ cuộc sống thành thị, cho là ở đó, nhân tình thế thái điên đảo, đồng tiền làm hư hỏng con người.

Nhưng muốn hay không muốn, thành thị cứ phát triển. Con người kẻ chợ cứ hiện ra rõ nét dần trong văn học, hơn thế nữa, cũng ngày một rõ hơn, mạnh dạn, tự tin hơn là những tiếng nói văn học đại diện cho nếp sống, nếp nghĩ của lớp người kẻ chợ đó. Trong *Cung oán ngâm khúc*, người ta bắt gặp một triết lý *bí quan* ở dạng cô đọng; sự kết hợp giữa cung đình và thành thị để ra lối nói kiêu sa pha chút nhục cảm, một thứ nhục cảm mới nảy nòi, nên còn thô vụng (*Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn - Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên...*). Với Hồ Xuân Hương, các yếu tố nhục cảm được sử dụng một cách khéo léo hơn, đủ sức trêu chọc, chòng ghẹo người ta hơn, nghĩa là được tác giả quan niệm một cách tự nhiên hơn. Cái lý tưởng điền viên kia không có nghĩa lý gì với Hồ Xuân Hương cả. Trong thơ ca của người nữ sĩ sống nhiều ở Hà thành này, nhân vật trữ tình luôn luôn chon von trong một thế đứng đơn độc, mặc dù đang ở giữa mọi người nhưng không sao tìm được sự thông cảm của con người, và nhìn cái gì cũng ra kỳ hình, dị dạng (*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom - Oán hận trông ra khắp mọi chòm - Mổ thẳm không khua mà cũng cốc - Chuông sầu chẳng đánh có sao om*). Sự cô đơn cá nhân đó cũng là chỗ gần gũi giữa Hồ Xuân Hương với một người như Trần Tế Xương. Tuy là sống cùng thời nhưng nếu thơ Nguyễn Khuyến đi sát cái nhịp hài hoà bình thản thôn dã và không hề phân vân trong việc tìm lại sự yên tĩnh đã mất thì thơ Tú Xương là tiếng nói trực tiếp của những con người thành thị, với tất cả sự trắng trợn có thể có của nó (*Vợ lăm le ở vú, Con tấp ténh đi bồi...*); tiếng nói ấy không ngại chua chát, cay nghiệt khi nói về một cuộc sống đã mất hẳn sự hoà điệu, sự thanh cao mà người ta hằng mong muốn.

Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương không phải những hiện tượng ngoại lệ. Làm nền cho họ là cả một dòng văn học liên tục. Từ dòng văn học đó, từ *Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*, từ *Hoàng Lê nhất thống chí* (nhân vật Tuần huyện Trang với câu nói nổi tiếng: - *Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình...*) qua các truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn thời kỳ *Nam phong...* Chúng ta có thể tổng hợp lại để nêu lên một số nét tiêu biểu của các nhân vật thành thị trong văn học Việt Nam: ở họ, mối quan hệ quân bình với hoàn cảnh mà ta thường bắt gặp trong cả các nhân vật văn nhân hiệp sĩ lẫn người nông dân, mối quan hệ ấy không còn nữa. Những phẩm chất mà người ta hay ca ngợi - một tấm lòng nhân hậu, một chữ tâm bền bỉ, một thái độ an bản lạc đạo... chỉ còn trong ký ức. Thay vào đó là một lối sống ích kỷ, một thái độ chính trị có khi hoạt đầu, một chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Dưới sự hướng dẫn của những nguyên lý ấy, họ có lối sống mạnh, gấp gáp. Họ không cần được tiếng khen là chừng mực, thanh nhã. Họ thích những gì mạnh, gắt, đập vào cân não. Điều kỳ lạ là bất chấp bao nhiêu những bài báo, chê bai từ phía các bậc trí giả, các nhân vật đó vẫn sống, dòng văn học này vẫn có những đại diện của mình và suy cho cùng, gom góp lại, vẫn mang tới cho đời sống văn học những sắc thái mới lạ, cả nền văn học cũng nhờ đó, có thêm sức sống.

Đến Vũ Trọng Phụng, thì cái chất thành thị ấy cũng trở nên đậm đặc, và có thêm những biểu hiện mới. Người ta có thể cắt nghĩa điều này một phần bằng cái hoàn cảnh mà Vũ Trọng Phụng trưởng thành.

Từ một ít phố xá bé nhỏ bao quanh các thành lũy quân sự trong thời phong kiến qua thời Pháp thuộc. Hà Nội nhanh chóng trở thành một thành phố với phố xá sầm uất hơn, nhà cửa khang trang hơn và nhất là dân cư đông đúc hơn. Đây chính là một thứ chỗ trũng, thu hút người ở nông thôn ra, trong số đó có những người nghèo không cam tâm chết mòn sau lũy tre xanh, những người bị đè nén bị oan ức, những người ngày hôm qua còn là những thầy đồ, thầy lang, thậm chí cả lý dịch nữa □¹□ vì những cơ nhỡ như thế nào đó, rơi tụt xuống cái miệt vực ghê gớm, là thành phố. Từ nông thôn ra Hà Nội, họ làm đủ nghề, từ con sen thẳng ở “cơm thầy cơm cô”, kéo xe, canh cửa, cho tới mở cửa hàng lật vật, dạy tư, làm thầy ký ở các hãng buôn. Và cả viết văn viết báo nữa! Nhà văn mà con nhà nghèo, lớn lên trong sự căm uất lớp

người giàu có; nhà văn mà chỉ học đến tiểu học đi làm thuê làm mướn rồi do những bất nhiên ngẫu nhiên như thế nào đó, phá ngang đi viết báo, viết văn - có lẽ không ở nước nào có đội ngũ nhà văn kỳ lạ như vậy. Nhưng đây là một sự thực. Chính từ một thực tế như thế, văn học Việt Nam trước 1945 có cái nét mặt bình dân với cả cái hay cái dở của nó, mà đến nay, chúng ta còn chưa gọi ra đầy đủ.

Ở trên, trong khi nói qua về Nguyễn Gia Thiều, chúng tôi đã lưu ý rằng ở tác giả *Cung oán ngâm khúc*, chất thành thị gắn liền với chất cung đình. Ở cả Hồ Xuân Hương, lẫn Trần Tế Xương, người ta cũng còn luôn luôn bắt gặp những vang bóng của một cuộc sống phong lưu ổn định - một thứ chất trí thức pha chút hiển quý. Còn Vũ Trọng Phụng? Chúng tôi không nhắc lại tiểu sử nhà văn ở đây. Chỉ biết rằng không thiếu những cây bút đương thời có hoàn cảnh xuất thân như tác giả *Số đỏ*: đó là những người làm nghề trí thức đời thứ nhất, trước họ, trong gia đình họ, chưa ai làm nghề này cả, và muốn hiểu họ, phải hiểu cả gốc gác xa xưa của gia đình họ nữa.

Do những điều kiện mà xã hội tư sản mới hình thành mở ra (trong đó có xu hướng dân chủ hoá không cưỡng lại nổi), đây là những dịp đầu tiên mà tầng lớp dân nghèo thành thị có được tiếng nói của mình trong văn học. Nhưng những con người thành thị mới một hai đời này cũng bộc lộ một sự không thuần nhất đến lộ liễu. *Rời khỏi nông thôn* họ có cái may mắn là cắt đứt khỏi sự trói buộc của hoàn cảnh quen thuộc, một hoàn cảnh vô cùng tù đọng, trì trệ. Cái ngưỡng tự do của họ được rộng mở. Với chút căn cốt của dân lao động vốn có, một số trong họ vẫn giữ được cái nhân hậu của con người, lòng yêu chính nghĩa, niềm tin và cả cái khoẻ mạnh trong ý nghĩ về cuộc sống (đương thời, Nguyễn Hồng chính là người phát ngôn của tầng lớp dân nghèo thành thị với cái phần căn cốt tốt đẹp đó). Nhưng ở rất nhiều người khác, thì sau những năm tháng bị dày ải ở nông thôn, những gì tốt đẹp hầu như thui chột, rụi rọ đi, thay vào đấy, là lòng căm ghét con người, cái nhìn ghen tị, thù hận - những phẩm chất gắn liền với cái mà người ta gọi là chất lưu manh. Lưu manh nghĩa là không bị ràng buộc bởi một chuẩn mực nào hết. Lưu manh trong ý muốn đập đổ tất cả.

Cũng phải công nhận rằng so với những người nông dân thì lớp dân nghèo thành thị ở chung quanh Hà Nội những năm trước Cách mạng 1945 được tiếp nhận một nền giáo dục đáng kể hơn nhiều. Nhưng kiến thức thì có mà căn bản văn hoá thì chưa. Những người có hiểu biết về nền giáo dục mà thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam trước đây đều biết rằng nó chỉ nhằm đào tạo ra những người thừa hành mà không hề muốn làm công việc mở mang trí tuệ như thực chất của giáo dục đòi hỏi. Ngay ở bậc cao học, kiến thức được truyền thụ cũng mang tính chất *primaire*, nghĩa là sơ đẳng, thực dụng. Còn nói chi việc học ở các bậc tiểu học là cái trình độ mà nhiều nhà văn của chúng ta được nhận! Để bù lại, sau này vào nghề văn, một người như Vũ Trọng Phụng đã học thêm rất nhiều (ai đó kể rằng ông thường có mặt sớm nhất bên những chuyến tàu chở hàng từ Pháp sang để đón sách báo). Nhưng nhìn chung, làm sao mà tránh khỏi chấp vạ, què quặt? Nhiều lần trong các văn phẩm của mình, Vũ Trọng Phụng đã nhắc tới học thuyết Freud. Đúng ra, phải nói ông đã mang tiếng là tuyên truyền cho nó. Nhưng từ góc độ của ngày hôm nay mà xét, phải nhận cách giải thích về Freud của tác giả *Số đỏ*, *Giông tố*... nông nổi và mang màu sắc dung tục. Là một phát minh vĩ đại của thế kỷ này, phân tâm học của Freud và những người kế tục như (C.G. Jung) phong phú hơn, sâu sắc hơn, khoa học hơn và cũng ... cận nhân tính hơn nhiều. Cách tiếp nhận Freud của Vũ Trọng Phụng chỉ là một ví dụ về khả năng tiếp nhận các vấn đề khoa học - tự nhiên cũng như xã hội - của nhiều người dân thành thị đương thời, kể cả những người hành nghề trí thức.

Người ta thường vẫn lấy làm lạ khi thấy một ngòi bút sáng suốt như Vũ Trọng Phụng lại mê tín và công khai trình bày sự mê tín của mình trên nhiều trang sách. Nhưng chẳng phải là chính đặc điểm đó lại thông báo chính xác hơn hết cái phương diện tinh thần ở Vũ Trọng Phụng và

chỉ ra đầy đủ gốc rễ mà cũng là đặc điểm của tài năng văn học này: Ông là dân nghèo thành thị từ đầu đến chân. Với tầng lớp dân nghèo đó, khi ông gần gũi, khi ông căm ghét, nhưng bao giờ ông cũng vẫn là họ, chơi vui và bế tắc, không tìm đâu ra lối thoát như phần lớn bọn họ.

*

Theo một con số thống kê đưa ra trong cuốn *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam tập 5* (bản in 1978), thì riêng năm 1937, ở Việt Nam có 110 nhật báo (gần như tất cả là báo tư), 159 tập kỷ yếu và các tạp chí. Trong các năm 1938-1939, số nhật báo sẽ lên tới 128, còn con số kỷ yếu tạp chí cũng tăng lên ít nhiều.

Khi báo đã nhiều như vậy, thì nghề làm báo cũng phát triển. Mỗi tờ báo trên thực tế, chỉ do vài người viết giúp. Những người này nếu viết được văn thì càng tốt. Bởi lẽ ngoài phần tin tức và quảng cáo vốn là lý do để tờ báo có bộ mặt một cơ quan thông tin đại chúng, báo còn thường cùng lúc đăng nhiều tiểu thuyết, ngày nọ tiếp ngày kia (thường gọi là phôi-ơ-tông) lấy việc cần phải theo dõi liên tục câu chuyện để kéo độc giả.

Từ một trường làm báo này, đã hình thành những cây bút vừa viết văn vừa viết báo, những nhà báo kiêm nhà văn có sức làm việc đều đều, và tay nghề vững chãi.

Chẳng những Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Tam Lang, Vũ Trọng Phụng mà Nhất Linh, Xuân Diệu, Thạch Lam... đều đã trưởng thành từ môi trường báo chí ấy. Đương thời, có lúc cũng một số báo *Phong hoá* đăng theo kiểu phôi-ơ-tông mấy tiểu thuyết của Khái Hưng. Bản thân Thạch Lam cũng từng làm thư ký toà soạn *Ngày nay* một thời, từ đó, viết nên *Hà Nội ba sáu phố phường* và nhiều tiểu luận văn học có giá trị.

Cổ nhiên, đây chỉ là một sự giống nhau bề ngoài, nó là đặc điểm của những người làm nghề cùng thời (sau Cách mạng, không thấy cách tồn tại của các nhà văn như vậy nữa)

Còn trong thực tế, chỗ khác nhau giữa họ rất nhiều. Tất cả bắt đầu ngay từ câu hỏi đơn giản: Tại sao họ cầm bút?

Ở chỗ này thì trường hợp một trí thức như Nhất Linh có ý nghĩa một bằng cứ để so sánh.

Đi du học về, rồi thấy cần phải mở mang dân trí nên Nhất Linh viết văn. Cùng với Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam v.v... ông lập ra nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Họ vừa viết, vừa làm chủ tờ báo và nhà xuất bản. Viết xong, đã có cơ quan in ngay tác phẩm của mình. Lỗi lỗi không cần lắm. Đã có những nguồn lợi tức khác bảo đảm sinh kế cho họ và gia đình.

Khi không phải lo chạy ăn từng bữa, người ta tha hồ ngồi nghĩ đủ việc, cả việc lông bông lẫn việc lớn!

Trước đây, với lối nghĩ dung tục đã thành nếp, một số nhà nghiên cứu văn học ở ta thường bảo những nhà văn đó chỉ viết để phục vụ cho bọn trường giả, không được việc gì cho dân cho nước mà dễ dàng làm tay sai cho đế quốc phong kiến. Ngày nay rõ ràng không thể nghĩ hóm hĩnh vô lối như thế được nữa. Ngày nay chúng ta nói rằng sự bảo đảm vật chất cũng là một điều kiện quan trọng để nhà văn có thể tạo ra những tác phẩm có giá trị, còn cái căn bản trí thức thì thật cần, nó tạo cho người viết văn một cái phong vững vàng để chạy đường trường.

Chỉ có điều đáng tiếc là số nhà văn kiểu ấy trước Cách mạng đếm không đầy mười đầu ngón tay.

Về mặt chủng loại mà xét, đặt bên cạnh Nhất Linh, Khái Hưng, kiểu nhà văn như Vũ Trọng Phụng phổ biến hơn nhiều.

Trong số này, có người là nhà nho lỡ thời, không thi cử nữa, xoay ra viết giúp cho tờ báo nào đó, sống độ nhật. Có người trước cũng giàu có, nay thất cơ lỡ vận, thù đời mà đi viết văn. Lại có chàng trai quê, ngơ ngơ ngác ngác, trước chỉ lêu lổng rượu chè rồi làm thơ cảm khái, hoặc thơ... chộc ghẹo mấy cô hàng xóm, nay nhận ra rằng hình như những điều gọi là tâm sự của mình đó, có người mua, thế là mang bán; mới đầu bán rẻ, sau khôn hơn, bán đắt hơn, đủ sống và có thể nhận cả đơn đặt hàng nữa. Thế là thành nhà thơ nhà văn.

Chỗ bi đát thứ nhất của lớp người viết văn kiểu này là họ buộc phải *sinh nhai* bằng ngòi bút. Qua những điều mà chính họ kể lại, cuộc săn tìm miếng cơm manh áo cho mình và gia đình mình lắm khi hiện ra như một quang cảnh vừa buồn cười, vừa ứa nước mắt. Bản thân những kỷ niệm mà các bạn văn của Vũ Trọng Phụng kể lại khi ông vừa nằm xuống đã chứng minh cho điều ấy.

Nhưng thực tế đời sống còn bi đát hơn ở chỗ mặc dù luôn luôn bị cái hàng ngày kéo xuống như vậy, các ông vẫn phải làm nhà văn, với tất cả những yêu cầu cao cả mà nghề nghiệp này đòi hỏi.

Thật vậy, cái trớ trêu của nghề văn là ở chỗ nó không biết đến điều kiện cụ thể của người viết và điều này có vẻ như đánh thẳng vào lớp nhà văn dân nghèo thành thị. Với cái vốn sơ học yếu lược khi vào nghề, họ phải luôn luôn nghĩ rằng những (A. France), (R. Rolland), (L. Tolstoi), (Dostoievski) là đồng nghiệp của mình. *Trong những căn phòng tranh tối tranh sáng, hoặc là lúc nào cũng ồn lên tiếng chửi nhau đánh nhau...* họ phải *nói tới lương tâm chính nghĩa*. Họ đã khổ, nhưng còn có lớp dân quê và những phu phen, thợ thuyền bên hàng xóm, còn khổ hơn, lúc nào cũng tính chuyện nhờ họ giải bày niềm oan uổng. Trong khi những chuyện mè nheo hàng ngày không ngừng giày vò họ, họ vẫn phải nghĩ rộng tới người khác, phải nghĩ mình có trách nhiệm chấn hưng phong hoá, giáo huấn người đời, và kín đáo tố cáo chế độ thuộc địa cũng là thức tỉnh lòng yêu nước, nếu có thể.

Trên đôi vai bé nhỏ của các nhà văn ấy chồng chất tầng tầng gánh nặng mà ở các nước, chỉ bọn trí thức no đủ mới làm nổi.

Biết bao nhiêu nhà văn nhà báo loại này đã đầu hàng, đã nhần nhục coi công việc viết lách như một nghề kiếm sống thuần tuý, đã viết nhanh, viết ẩu, viết theo thời thượng, cốt cho các ông chủ báo bằng lòng, rồi lại chán chường khinh bỉ công việc của mình. Một ngòi bút như Vũ Trọng Phụng không xa lạ với những đồng nghiệp như vậy. Nhưng Vũ Trọng Phụng đã đi xa hơn họ. Đồng thời với việc làm nghề thành thạo, Vũ Trọng Phụng biết mang lại cho nghề văn một chút ý nghĩa mà nó thường có ở mọi thời và mọi nước:

Văn học là tiếng kêu khải khoải của con người trước một thực tế đời sống không bao giờ họ cảm thấy bằng lòng và sự thật là không bao giờ hiểu hết.

*

Nếu biết nhìn kỹ thì mỗi một hiện tượng riêng lẻ đều mang những đặc điểm chung của chủng loại, nghĩa là đều có ý nghĩa tiêu biểu. Chỉ riêng nó thôi, cá nhân nào cũng mang sẵn trong nó chất điển hình rồi, điển hình ấy chỉ chờ ta đến khám phá.

Cái chân lý sơ giản ấy đã đúng cho mọi người thì cũng đúng cho các nhà văn. Một lúc nào đó, tôi ngờ rằng trong một cuốn từ điển làm riêng về văn học Việt Nam, người ta sẽ gọi Vũ Trọng

Phụng là một nhà văn tiêu biểu của thế kỷ XX. Nhà văn này xuất thân từ một tầng lớp đã cung cấp cho văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ đến 1945 nhiều cây bút nổi tiếng. Như một giống cây khoẻ, trong khi vươn lên mãnh liệt, tài năng của Vũ Trọng Phụng vẫn bắt rễ rất sâu vào cái khu vực tranh tối tranh sáng là cuộc sống lớp dân nghèo thành thị đã sản sinh ra ông. Và ông khai thác nó một cách triệt để. Với tất cả vẻ chua chát, phũ phàng, cay đắng hẳn học khiến người ta vừa thích vừa ngại, giọng văn Vũ Trọng Phụng tưởng là xa lạ, thực ra là sự tiếp tục ở giai đoạn mới cái dòng văn học thành thị trong văn học Việt Nam, cái dòng văn học được làm nên bởi những tên tuổi như Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương và bao người khác.

Chẳng những thế, hiện tượng Vũ Trọng Phụng còn có ý nghĩa tiêu biểu ở một phương diện khác: qua ông người ta hiểu tâm tình, hoàn cảnh, lối làm việc, chỗ mạnh chỗ yếu của số đông những người cầm bút Việt Nam. Phần lớn họ sống lầm lụi giữa nhân dân lao động (cái điều người ta thường chê trách rằng họ sống xa nhân dân chẳng qua là một câu chuyện bịa đặt); bản thân việc cầm bút của họ trước tiên cũng là một thứ lao động cật lực. Nếu như đôi lúc, sau những trang văn phần lớn do sinh kế thúc ép mà phải viết vội ấy, họ có hiện ra như những người hăm hồ, lảm lờ, nói quá nhiều chuyện tầm phào, thuyết minh cả những điều mình chưa biết cặn kẽ, để rồi sau đó lại chán ngán, buông xuôi, kêu to lên tiếng kêu bất lực, v.v... và v.v... thì ngẫm cho kỹ, tất cả đều đáng thông cảm. Và chẳng mặc dù, lẫn vào bao nhiêu trấu sạn và cả rác rưởi nữa, cái phần tinh hoa tốt đẹp của mỗi người vẫn là không gì thay thế được. Ít nhiều công việc mà những người cầm bút như Vũ Trọng Phụng đã làm đều có gắn với hồn thiêng đất nước và cái mong mỗi khôn cùng là mong cho xã hội ngày một văn minh tấn tới. Đây cũng là lý do khiến tác phẩm của họ sẽ còn lại mãi với lịch sử.

1989 - Đã in Tạp chí văn học 1990, số 2

Tết ăn mày!

*(Một truyện ngắn mới tìm
thấy của Vũ Trọng Phụng)*

Lời dẫn của người sưu tầm.

Truyện ngắn sau đây của Vũ Trọng Phụng tuy chẳng hoặc có được nhắc đến trong một số bài nghiên cứu từ khoảng những năm 1950 trở lại đây, nhưng chắc chắn là bạn đọc không thể thấy văn bản tác phẩm này trong các sưu tập, tuyển tập Vũ Trọng Phụng xuất bản trong thời gian trên.

Có lẽ sau lần đăng báo duy nhất, năm 1936, truyện này chưa hề được in lại.

Truyện không chỉ cho nghe tiếng thở dài về thế tình đen bạc, một cảm hứng thường gặp trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng, mà còn đáng chú ý với đời nay ở sự miêu tả sinh hoạt ca trù tại đô thị VN đầu thế kỷ 20.

Gần đây do tìm lại được văn bản phóng sự Vẽ nhọ bôi hề, ta biết thêm rằng nhà văn rất quan tâm đến trạng thái nghệ thuật và đời sống người nghệ sĩ trong xã hội đương thời ông. Truyện ngắn này xác nhận thêm điều đó.

Để có thể giới thiệu tác phẩm này với bạn đọc hôm nay, tôi phải cảm ơn Peter Zinoman và Nguyễn Nguyệt Cẩm, chính hai bạn đã gửi từ Berkeley (California, Hoa Kỳ) về cho tôi bản chụp truyện ngắn này.

Lại Nguyên Ân

Giống người thật là một giống hay khoe. Hôm nay, một tiểu thư thấy, nhà trước cửa, cô kia mới may một bộ áo tân thời. Ba hôm sau, cô này cũng phải may một bộ áo tân thời lại tân thời hơn cả của cô kia. Cho nên thấy một quan viên ngoáp và nói: “Chết chữa, bỏ mẹ thật, 25 tết rồi!” thì cô đào cũng ủa nhau nói chuyện tết. Họ cũng khoe. Họ lại khoe cả những cái “vỡ lọ cổ” nữa. Cái đó cũng không lạ gì mấy vì chưng đối với Cúc Nương, chúng tôi đã vẽ râu, đã bạt râu năm lần bảy lượt, đã có phen có anh phải để râu như râu Trương Phi, và rồi lại cạo được cho nhẵn nhụi như mặt anh Mã Giám Sinh. Cúc Nương đã nói đến nhân tình thế thái trong những ngày tết.

*Ngày tết của cô đào.
Những khi lên voi.
Và những lúc xuống chó.*

Cúc Nương đã nhắc đến những ngày thịnh thời của nghề đàn phách, những ngày mà ả đào còn ở phố Hàng Giầy, Thái Hà ấp. Thời ấy, không phải là ai cũng đi hát được. Một châu chày điểm một ít lê táo, vài chai sâm banh của khách làng chơi đem đến, lại không một ai ngủ lại (điều đó can hệ lắm), khách chỉ cho ít nhất cũng hai chục đồng. Đi hát là một cái vinh dự, vì đi hát thì phải biết đánh trống. Thời ấy người ta đi ả đào thì thấy sung sướng như chàng đa tình đi qua một cửa hiệu tạp hóa, phải lòng mê một cô bán hàng mà rồi được phép vào chuyện trò thân mật với người yêu. Cô đào giữ được nhân phẩm của mình, làng chơi cũng không dám giở những thủ đoạn gậy gach.

23 tháng chạp.

Mua mấy con cá chép nhỏ làm ngựa ông Táo, tiễn ông Táo lên châu Trời rồi, chị em cũng như những gia đình nền nếp, tấp nập đi giục thợ may, đi sắm thợ kim hoàn, đi sắm cành đào, thủy tiên. Hơn những gia đình trường giả, ngoài việc sắm chè, mứt, mọi thứ cao lương mỹ vị, chị em còn xuống Gò Đa ký những giấy “li-ve-rông” rượu sâm banh từng hòm. Pháo cũng nhiều, vì đốt pháo tức là đốt cho tan nát lưng khách làng chơi. Ông Thổ Công mang những chuyện ấy lên khoe với Trời và không dám tâu nộp những chuyện như bần gi khác. Buổi chiều mồng một, Cúc Nương đã từng thấy những chiếc xe hơi đến đỗ trước nhà mình như trước dinh một bà quan to. Có lẽ người ta đã ký văn tự 30 phân với Tây đen, song những cái ấy, chị em không phải lo hộ. Muốn có tình thì phải có tiền. Hồi đó, ái tình trên cái thị trường son phấn còn bán được bằng giá rất cao. Quan viên thi nhau diện xe hơi đến nhà. Quan viên uống nước chè, cắn vài hạt dưa. Quan viên mở rượu sâm banh. Quan viên nói bông lơn vài câu. Rồi quan viên phong bao cho ba chục bạc, năm chục, hay gọn một “cái đỉnh”(+) . Và, vì lẽ đời nó thế, con gà tức nhau tiếng gáy, quan viên mở hàng như vậy mà lại còn hối hận, còn sợ có thằng khác phong bao oai hơn mình. Hồi đó đi hát cô đào thì sẽ bán nhà. Nhưng mà không mắc bệnh hoa liễu.

Cúc Nương thở dài, chép miệng:
- Cứ tiền pháo khi xưa cũng bằng mấy cái tết bây giờ!

Bây giờ Cúc Nương đã đến lúc danh vọng về chiều.
Đó là nạn khủng hoảng. Đó là nạn nhân mãn. Đó là nạn ế chồng. Đó là nạn lẳng mạn. Đó là cái nạn nhà đăng xing.

Khách hàng không hỏi mua giọng hát nữa. Làng chơi đã đổi hẳn thị dục. Làng chơi cần cái đẹp, cái mới, cái dễ. Cho nên đáng lẽ cùng với mấy cô em danh ca cũng xong, nay Cúc Nương phải mộ thêm một ít cô tân thời biết uống rượu, biết vấn tóc trần cho đẹp, biết đánh răng cho trắng nõn, biết ca mấy câu Trường tương tư, Văn thiên tường, biết khiêu dâm. Cô đầu “xách đèn” và không biết trò chuyện “đếch gì” cả. Và, thêm vào số ấy, lại phải có độ hai món hàng “chanh cốm” thì mới thật là đầy đủ. Cái số nhân viên trong “sở” đã phải mượn đồng đến như thế thì có phải bà chủ không thể lo tết cho người làm nữa không? Ai lo phận người ấy.

- Anh ơi, tết nhất đến nơi, anh nhớ để em xơ xác ra thế này à?

- Anh ơi, anh đã làm gì để tỏ lòng yêu em hay là chưa?

- Việc lo ăn lo mặc cho em là việc của bà chủ chứ?

- Vẫn biết thế, khổn nhưng em không có lắm nhân tình! Nếu em có vài người nhân tình luôn luôn đến hát thì em đã chả phải nhờ anh.

Chị xịu mặt nói thế. Anh, muốn chừng nghe cũng có lý, không nói gì nữa. Chị đưa thêm một mũi kiếm:

- Nếu em giả dối với anh thì em đã chẳng xơ xác như thế này, anh ạ.

- Được rồi, để anh nghĩ đã.

- Anh cứ sắm cho em đi, em sẽ trả sau.

Quan viên hiểu ngầm cái nghĩa chữ ấy lắm. Đêm ấy người ta cho nhau ái tình. Sáng hôm sau, quan hện đến 26 xuống hát tất niên sẽ có quà tết một thể. Quan viên lại còn kêu như thế thì càng khỏi phải xông đất đầu năm, lợi hơn. Chị em nghĩ thật, tưởng bỏ nữa. Ngày một ngày hai, chị em cứ chờ: Hôm nay người ta rao cá ông Táo. Mai người ta vác cành đào nghêu ngặn qua đường. Ngày kia, người ta vênh váo ngồi xe với những chậu cúc tương. Ngày kia, người ta rao lá giông gói bánh chưng. Ngồi thực tay vào lòng dưới ánh đèn măngxông, chờ những khách làng chơi tưởng tượng, chị Lan thấy cái quần nhiễu trắng của mình vẫn là cái quần nói hai lần cạp, cái khăn san vẫn là cái khăn san có ba lỗ thủng bằng ba đồng xu. Vậy mà chị Tình, chị Hiền, chị Mai thì được bà chủ sắm cho nào áo mới giày mới khăn mới. Các chị ấy là cô đầu có “mặt hàng”. Mỗi chị ít ra cũng có một số nhân tình là năm bảy ông.

Ngoáp dài một cái, chị Lan xúc cảm “kể chuyện” một câu:

- Chém cha... cái số... chung ư ư ư tình!

Thật đặc giọng nhà thổ ế.

Hai giờ chiều mồng một.

Năm quan viên vào chúc mừng nhặng cả lên, ăn uống choáng cả lên, hôn hít rầm cả lên. Cuộc đời như vậy thật là: vui vẻ, trẻ trung, tân tiến, hoạt động, trào phúng, và xã hội nữa. Một quan hô:

- Đầu năm thiên thủ, chúng mày ơi, phải có sâmbanh cho nó hùng.

Một quan khác:

- Hùng gì? Bà chủ chỉ đốt mừng chúng mình có một ngón tay pháo.

Một quan khác nữa:

- Thế thì chúng ta mỗi thằng chỉ làm một hén sâmbanh thôi.

- Nhưng mà có sâmbanh không? Có không?

Bà chủ dịu dàng:

- Sao lại không? Đối với các anh là làng chơi đi xe hơi xuống xông đất thì chẳng phải đòi chúng tôi cũng phải đề cỗ xuống mà mời sâmbanh.

Cả bọn nhao nhao lên:

- Thế thì đề đi! Thế thì đề đi! Còn chờ gì nữa?

Bốp, bốp, nút chai bắn vọt lên trần nhà. Tiếng sáng tê ồm tỏi. Các quan loạn choạng đi ra. Một quan đã bắc ghế lên mắc vào cái đinh ở cửa hai thước tây pháo. Năm quan ra ngoài đường. Cô đầu ở trong nhà cả. Một quan đánh diêm. Quan khác lấy ma-ni-ven vặn máy xe. Tạch tạch tạch tạch! Pháo cứ nổ ran lên! Khói cứ um cả nhà! Năm quan lên cả xe. Xe chạy. Trong cơn biến loạn, có người kêu: “Trời ơi! Họ quên không mở hàng! Họ chưa mở hàng!”. Nhưng mà làm thế nào? Cái cửa bằng cái lỗ mũi, tròng pháo lại đương nổ. Khói cứ um lên. Cô đầu tối mắt, ngạt mũi, còn bận bụng mồm ho sù sụ như sặc thuốc Lào vậy.

Năm phút sau bà chủ kêu:

- Đồ chó!

Hai chị em bệnh nhân tình:

- Không, chắc là các anh ấy quên.

Đến chiều tối, lại một bọn khác. Lại những sự xã giao như lúc hai giờ. Rồi thì, trước khi ra đi, một quan để trên coi giầu một phong giấy đỏ. Mười phút sau, bà chủ giờ ra thấy một tá chinh Bảo Đại. Với một cái thư nữa.

Trong thư, sự tử tế của loài người đã nói:

“Cái giá trị của các chị chỉ đáng có thế. Các chị thử nghĩ lại xem, đã tử tế với chúng ta như thế nào. Nhớ lại xem!”.

Cúc Nương nhớ lại những châu hát cũ. Một lần, nàng đã nhằm chót để cho hai cô em vào tiếp hai chú Chiệc ở gác trong. Một hôm khác, ba quan ngủ lại, chẳng may có ba cô em lại cùng “đại tang” cả.

- Ngày xưa quan viên tìm cô đầu.

- Bây giờ cô đầu hạ mình quá với quan viên.

- Cô đầu không thành cô đầu, quan viên không thành quan viên.

- Nói tóm lại thì quan viên cũng chó mà cô đầu cũng chó!

Cúc Nương nói thế thì một người hỏi đùa:

- Chó ở những lúc ngủ với nhau ấy à?

Tiếng cười rầm một hồi. Rồi Cúc Nương nói:

- Chán bỏ mẹ! Thời buổi này cái gì cũng hồng! Tết nhất lắm chỉ như đồ ăn mày!

Hỡi cô gái giang hồ! Đây là ngày tết. Ngày hôm nay là ngày thiên hạ tung bừng đón chào xuân mới. Trước ban thờ khói trầm nghi ngút, đèn nền sáng trưng, cô gái ngồi với tráp giầu, sửa soạn chè nước tiếp khách và sẵn sàng đỏ mặt lên nhận những câu chúc đất chồng, vào dịp xuân sang.

Cô gái giang hồ có biết những cái dĩ vãng tốt đẹp ấy chẳng? Hay cô mê mết vào cuộc truy hoan để chờ khi thấy mặt ta thì lại làm cho ta bồi hồi và giật mình bằng những câu như: “Nay mai anh xuống hát cho một châu tất niên để em kiếm cái tết nhé!”.

Vũ Trọng Phụng: 27 năm và 90 năm Nguyễn Khắc Phê

Cho đến tháng 10 này, nếu thoát được cửa tử thần mà một trong "tứ chứng nan y" đã chụp xuống cuộc đời đầy bất hạnh của ông thì có thể nhà văn Vũ Trọng Phụng đã được mừng đại thọ 90 tuổi! Vậy mà số phận lại bắt ông xa lìa cõi đời này lúc chỉ mới 27 tuổi! (Vũ Trọng Phụng sinh ngày 20/10/1912 tại Hà Nội và mất vì bệnh lao ngày 13/10/1939). Cũng là một "nút"

số 9 nhưng đâu phải là điềm may mắn. Chợt nghĩ: Giá như ông còn sống đến hôm nay... Chẳng phải là điều quá viễn vông. Vẫn đang có những người cầm bút cùng thế hệ với ông sống thọ 80-90 tuổi đấy thôi...

Nhưng với nhà văn, có lẽ điều quan trọng hơn là tác phẩm "thọ" được bao lâu với đời. Mặc cho sóng gió cuộc đời nhiều phen muốn vui đập ông, mặc cho các tác phẩm của ông từng bị cấm đoán vì những ngộ nhận và ấu trĩ, đến hôm nay, Vũ Trọng Phụng vẫn đang sống và càng tỏ ra có sức sống bền lâu. Từ ngày đất nước đổi mới, các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng liên tục được tái bản. Nhiều con đường ở các thành phố lớn đã mang tên ông. Nhiều công trình nghiên cứu về ông tiếp tục được công bố. Một số tác phẩm của ông chìm khuất trong các kho lưu trữ hơn nửa thế kỷ qua đã đến tay độc giả qua tập "Về nhọ bơi hề" bao gồm 25 tác phẩm do Peter Zinoman sưu tầm, Lại Nguyên Ân biên soạn và giới thiệu (NXB Hội Nhà văn, 2000). Đặc biệt, tiểu thuyết "Số đỏ" - tác phẩm đặc sắc nhất của Vũ Trọng Phụng, vừa vượt qua "biên giới" đến với độc giả nhiều nước trên thế giới nhờ bản dịch sang tiếng Anh của Tiến sĩ sử học Peter Zinoman, vừa được xuất bản tại Mỹ.

Không hẹn mà nên, "Số đỏ" cũng vừa được dựng thành kịch tại Sài Gòn. Thì ra nhân loại vẫn cần tiếng cười; hơn thế, cuộc sống hiện đại luôn căng thẳng càng cần tiếng cười. Tất nhiên, tiếng cười trong "Số đỏ" không chỉ có giá trị như là một liều thuốc thư giãn về mặt tâm lý. Từ ngày "Số đỏ" ra đời, 66 năm đã qua mà nay ta vẫn gặp những kẻ mang dáng dấp Xuân tóc đỏ, bà Phó Đoan, những trò bịp bợm và những kẻ trúng "số đỏ" thăng tiến như điều gặp gió, trở nên tỷ phú dễ như trở bàn tay. Cả đến "cái dâm" trong không ít tác phẩm của nhà văn họ Vũ từng bị nhiều nhà phê bình lên án là "tự nhiên chủ nghĩa", "bị ảnh hưởng của Freud khi miêu tả sự dâm ô..." (*Từ điển Văn học* tập 2, NXB Khoa học xã hội 1984, trang 567) đến nay vẫn là vấn đề "sôi nổi" trong dư luận xã hội.

Nhân đây tưởng cũng nên giới thiệu quan điểm của chính Vũ Trọng Phụng về vấn đề đang là chuyện "thời sự" này qua bài trả lời phỏng vấn đăng trên báo "Bắc Hà" số ra ngày 1/4/1937 (tài liệu do giáo sư Peter Zinoman cung cấp cho nhà nghiên cứu Văn Tâm):

...

- *Viết văn, ông không có ý để khiêu dâm độc giả?*

- Khiêu dâm thế nào được độc giả! Độc giả của tôi có phải những người ngu muội đại dột hay trẻ con gì để cho tôi khiêu?

- *Tiểu thuyết của ông là phản ảnh của xã hội, cái đó là một điều hay, nhưng người ta công kích ông là công kích những đoạn văn tả chân mà người ta cho là khiêu dâm?*

- Không thể gọi là những đoạn văn khiêu dâm được! Nói là những đoạn văn tả những cảnh dâm đăng thì đúng hơn. Nhưng ông bảo không tả những cảnh ấy làm sao được! Văn của tôi là văn tả chân, mà những cảnh ấy là cảnh có thực, những cảnh có khi tôi đã được mục kích; ông thử về những tỉnh như Tuyên Quang viết bài, ông sẽ biết những chuyện khốn nạn bằng trăm bằng vạn những chuyện tôi kể... Tôi có ba công việc phải làm, công việc mà tôi gọi là công việc xã hội: tả những cái dâm đăng ...trong sự phú quý, thí dụ cái dâm của Nghị Hách. Một người đã 11 vợ mà còn đi hiếp một cô bé nhà quê, đeo cái hại vào mấy gia đình, gây cái nhục cho bao nhiêu người. Việc thứ hai là tả cái dâm của người con gái dậy thì mà không được giáo dục đầy đủ, tức là chuyện *Làm đĩ*, tôi viết tiểu thuyết này sau khi đọc một bản dịch của một quyển sách của Đức... trong sách này tác giả sưu tập những lời thú tội của những học sinh lúc còn nhỏ tuổi. Đọc xong quyển sách khoa học can đảm ấy tôi tưởng như bao nhiêu trẻ con thời bấy giờ đều có thể vì tuổi dậy thì mà thủ dâm, mà hư hỏng, tôi cảm thấy sự cần phải giáo dục trẻ con về sự dâm... Nếu sau này người ta quên rồi thì những danh từ mà từ xưa đến nay người ta cho là bẩn thỉu sẽ không bẩn thỉu nữa. Công việc thứ ba là tả những nỗi thống khổ do sự nghèo đói gây nên, tức là cái nạn mãi dâm tả trong phóng sự "*Lục sĩ*"... Tôi là nhà văn phải hy sinh thứ nhất

trong những nhà văn; ông tính, lẩn lóc sáu, bảy năm giò trong làng văn, há tôi lại không thể tìm được một nghệ thuật dễ hơn, một nghệ thuật mà nếu tôi không đi đến được thì dẫu người ta không khen tôi, người ta cũng không công kích? Tội gì tôi lại đi vào con đường nguy hiểm mà tôi đang đi để người ta cho là thế nọ, thế kia. Tha hồ cho bọn người tầm thường vu cáo bằng những phương pháp cũng tầm thường...

Cuộc phỏng vấn cách đây 65 năm mà tưởng như Vũ Trọng Phụng vừa nói cho chúng ta nghe. Thì chẳng phải các nhà giáo dục vẫn đang tranh cãi việc có nên đưa nội dung giáo dục giới tính vào trường học hay không là gì! Và không chỉ về chuyện "khó nói" này, nhiều vấn đề khác trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng vẫn đang là chuyện của thời hiện tại. Nhà văn biết đề cập những vấn đề muôn thuở của nhân loại như nó vốn có - nghĩa là cả mặt xấu và tốt, cả bản năng thấp hèn và khuynh hướng vươn lên cái cao cả, nên dù ông phải xa lìa cõi trần từ năm 27 tuổi, tác phẩm của ông vẫn trường thọ, vẫn sống giữa cuộc đời đầy biến động hôm nay.

Trường An - Huế Tháng 10/2002

Nhà văn Vũ Trọng Phụng dưới bút danh Ngọa Triều Lại Nguyên Ân

Những năm trước đây, qua một vài hồi ký hồi ức về đời sống văn chương báo chí trước năm 1945, được gọi là thời "tiền chiến", người ta có thể nghe thoáng nói đến bút danh Ngọa Triều mà Vũ Trọng Phụng có lúc đã dùng. Điều đó nghe qua có thể tin hoặc nghi ngờ. Nhưng khi tìm đến bài vở đăng dưới bút danh đó, cụ thể là trên tờ *Hà Nội Báo*, 1936-37, mọi ngờ vực sẽ hầu như không còn.

Trong năm 1936, Vũ Trọng Phụng có quá nhiều thứ để kể: 2 tiểu thuyết *Giông tố* và *Số đỏ* đăng trên *Hà Nội Báo*, tiểu thuyết *Làm đĩ* đăng một phần trên tuần báo *Sông Hương* (Huế), tiểu thuyết *Vỡ đê* đăng báo *Tương lai*, bản dịch vở kịch *Giết mẹ* của Victor Hugo in thành sách riêng (tủ sách dịch thuật của nhà Lê Cường); ngay trên *Hà Nội Báo* ông cũng công bố thiên phóng sự đặc sắc *Cơm thầy cơm cô*, và một loạt truyện ngắn: *Mơ ngày Tết*; *Tết ăn mày*; *Lỡ lời*; *Bộ răng vàng*; *Hồ sê lúu hồ lúu sê sàng*... Thế nhưng ngòi bút ông vẫn còn dành cho loại bài thực sự mang tính báo chí, gắn với đời sống văn hóa xã hội đương thời.

Thật ra thì từ lúc ra mắt (01/01/1936), *Hà Nội Báo* đã có một số trang mang tính báo chí, nhưng các bài nghị luận chỉ chiếm một vài trang đó hầu như do một mình chủ bút Lê Tràng Kiều đảm nhiệm. Nội dung những trang đó thường là những dư âm còn lại của cuộc tranh luận "nghệ thuật vị nghệ thuật – nghệ thuật vị nhân sinh" mà vài người chủ trì *Hà Nội Báo* (Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư) từng dính dấp; hoặc những lời qua tiếng lại thường xuyên với văn đoàn Tự Lực, – kẻ cạnh tranh mạnh nhất trên thị trường văn chương cùng thời, v.v... Tất cả những nội dung ấy chỉ chiếm vài ba trang mỗi số, còn lại là phần của những tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, thơ, kịch của những tác giả chủ chốt: Vũ Trọng Phụng, Lưu Trọng Lư, Thái Can, Huy Thông, Nguyễn Văn Kiện, Đỗ Huy Nhiệm, v. v. ...

Chỉ đến khoảng gần cuối năm, khi phong trào Đông Dương đại hội nổi lên, *Hà Nội Báo* mới có những thay đổi đáng kể trong cấu tạo trang mục.

Như thế, đây là kết quả ảnh hưởng thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp: sau thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp (tháng 5/1936), Mặt trận bình dân Pháp lên cầm quyền, chính phủ của thủ tướng Léon Blum thi hành một số chính sách mang tính cởi mở đối với các thuộc địa (ví

dụ ở Đông Dương là giải tán sở kiểm duyệt từ đầu năm 1935, thả tù nhân chính trị vào giữa năm 1936,...), một phái bộ điều tra được cử đến Đông Dương; các lực lượng xã hội chính trị ở Đông Dương đề xuất một “Đông Dương đại hội” nhằm tập hợp nguyện vọng dân chúng Đông Dương đề đạt với phái bộ điều tra... Chính quyền Pháp ở thuộc địa lại giữ khoảng cách đối với các chính sách cấp tiến ở chính quốc, thực hiện những biện pháp trấn áp và phá hoại nhất định đối với các vận động dân chủ, v.v... điều này tạo ra những sắc thái phản ứng khác nhau của các giới xã hội trong nước.

Trở lại chuyện ở *Hà Nội Báo*. Trước tình thế mới, tòa soạn quyết định kể từ số 38 (ra ngày 23/9/1936) “sẽ có thêm 8 trang, thêm phần chính trị-xã hội và trào phúng” (thông tin tòa soạn, s. 37), lại cũng tăng giá bán mỗi số từ 3 xu lên 4 xu. Lượng bài xã hội-chính trị tăng lên, được thể hiện trong các mục thường xuyên: các mục xã thuyết, thời sự, rồi những mục mang tên “Hà nội hà ngoại” do Lê Tràng Kiều viết; mục “Gió cuốn bụi đời” ký Lưu Thần (Lưu Trọng Lư) thiên về điểm thời sự quốc tế; mục “Đếm xỉa, người và vật” ký Ngọa Triều (Vũ Trọng Phụng) thiên về thời sự văn hóa xã hội trong nước; ngoài ra còn mục “Hà Nội 100%” ký tên một số nữ ký giả.

Tổng số trang thời sự xã hội ký bút danh Ngọa Triều trên *Hà Nội Báo* không nhiều (*Hà Nội Báo* bị đóng cửa sau số 55, ngày 20/1/1937). Nhưng đây là những trang báo đáng kể, không chỉ khiến cho những ai muốn tìm hiểu kỹ và sâu về thái độ xã hội chính trị của tác gia Vũ Trọng Phụng sẽ có thêm những chứng cứ sáng rõ, mà còn cho độc giả vốn chỉ biết nhà văn họ Vũ qua một số phóng sự và tiểu thuyết sẽ được biết thêm ở Vũ Trọng Phụng những dòng viết nhiệt thành của một nhà báo tranh đấu cho tiến bộ xã hội, cho nguyên lý nhân đạo của các quan hệ con người. Qua những trang tạp văn này người ta cũng thấy nhà văn Vũ Trọng Phụng nhất quán và công khai bảo vệ quan niệm văn học của mình trước các đối thủ cùng giới cầm bút, bảo vệ quan niệm văn học tả chân.

Huỳnh Tịnh Paulus Của (1834-1907) trong *Đại Nam quốc âm tự vị* (1895-96) cho biết hai từ “đếm” và “xỉa” đi liền với nhau và gắn với việc kiểm đếm tiền kẽm xưa kia: đếm thì phải xỉa từng “doi” (từng hàng, từng loạt) tiền; “đếm” tức là kể thành số (1, 2, 3,...), “xỉa” tức là chỉ tay vào chỗ đếm. Đó là nói nghĩa đen. Còn nghĩa rộng, nghĩa bóng, “đếm xỉa” tức là kể đến, tính đến. Tuy vậy, từ thời cận đại sang thời hiện đại, từ này càng ngày càng ít được dùng, thậm chí đã thu hẹp ngữ nghĩa: *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ, bản in lần 12, năm 2006) cho biết, “đếm xỉa” chỉ còn dùng trong câu có ý phủ định.

Như thế, dùng “đếm xỉa” (Vũ Trọng Phụng viết “xỉa” thành “sỉa”; - tình trạng viết sai chính tả là chung ở khá nhiều nhà văn nhà báo miền Bắc đương thời ông) đặt tên chuyên mục mình sẽ viết, Vũ Trọng Phụng ý thức rõ thái độ trào phúng, châm biếm của các bài trong mục ấy.

Có lẽ không ngẫu nhiên mục này ra mắt trên cùng số *Hà Nội Báo* với bài phê bình ký tên Vũ Trọng Phụng: *Thư ngỏ cho ông Thái Phỉ, chủ báo “Tin văn” về bài “Văn chương dâm uế”*.

Những bài nhỏ trong mục “Đếm xỉa... người và vật” này thường chứa mũi nhọn vào các cây bút vốn là “địch thủ” tiềm tàng của chính Vũ Trọng Phụng và của những nhà văn gần gũi. Đó là những người kinh doanh báo chí như Bùi Xuân Học, những yếu nhân của văn đoàn Tự Lực (Thế Lữ, Nhất Linh, Hoàng Đạo, ...), những nhà văn khác biệt về lối sống lối viết như Phan Trần Chúc, Lê

Công Đắc, những nhà báo dị ứng với lối văn tả chân, tiêu biểu là Thái Phỉ.

Có thể nói Vũ Trọng Phụng dưới bút danh Ngọa Triều đã truy kích Thái Phỉ đến kỳ cùng: ông vạch vôi việc Thái Phỉ dưới bút danh Bạch Đình đã từng viết xã thuyết trên báo *Loa cổ lệ* sự vui vẻ trẻ trung; ông kê thành “bệnh Thái Phỉ” mà theo ông thực chất là thói đạo đức giả trong phê bình.

Tuy vậy, đề tài châm chọc lẫn nhau giữa các văn phái đối thủ rất dễ trở nên quần quanh, nhạt nhẽo. Chỉ qua một vài kỳ viết với đề tài như vậy, Ngọ Triều, tuy đôi lúc vẫn có vài dòng hý hước về những đối thủ ấy, nhưng phần lớn sự quan tâm của ông dần dần chuyển hướng sang đề tài xã hội chính trị đang nóng dần lên trong đời sống đương thời.

Chuyển biến này đưa tới những biến đổi thú vị: một chuyên mục mang tính châm biếm hoạt kê dần dần chuyển thành một chuyên mục với những tin tức và bình luận xã hội chính trị, nghiêng hẳn sang văn phong chính luận; cái tên chuyên mục đặt ra ban đầu dần dà trở nên chật chội, thậm chí tuồng như trái hẳn với màu vẽ những nội dung mới được đưa vào bên trong nó. Đối với sự viết (dù viết văn hay viết báo), điều này là cực kỳ thú vị: cái khung thể tài trở nên chật hẹp, những “cái được viết” sẽ phá dần cái khung ấy, chuyển dịch thể tài sang chính luận thay vì cái quy ước chỉ là hoạt kê châm biếm hồi đầu.

Ta sẽ dừng lại kỹ hơn ở các nội dung được Ngọ Triều (Vũ Trọng Phụng) đề cập.

Sự kiện luật lao động được Toàn quyền Đông Dương ký ban hành được Ngọ Triều viết như một bản tin báo chí – ngay trong mục “Đếm xĩa...” vốn là mục trào lộng – với những nội dung cụ thể (1/ ngày làm việc: từ 1936 không quá 10 giờ, từ 1937 không quá 9 giờ, từ 1938 không quá 8 giờ; 2/ cấm bắt lao động nữ làm đêm; 3/ các ngày lễ được nghỉ vẫn lĩnh lương: từ 1937 ít nhất 5 ngày, từ 1938 ít nhất 10 ngày), và đưa ra bình luận:

“Còn nhớ độ trước, đạo luật lao động mới ban bố ở bên Pháp, bên này chính phủ có họp những nhà tư bản và mấy ông dân biểu lại, để tìm cách châm chước cho thi hành luật lao động ở Đông Dương. Có vài ông tư bản dấy nẩy lên, và nhất định không chịu, viện lẽ rằng tình thế Đông Dương khác, tình thế nước Pháp khác. Người ta đã tưởng rằng luật lao động bị những sức tiền bạc cản trở như thế, thì khó lòng mà thi hành được ở Đông Dương.

Nhưng không! Cái mãnh lực của tiền bạc lần này không thắng nổi lẽ phải. Lẽ phải đã đem lại cho ta bởi nội các bình dân; nội các bình dân đã không có vì mấy ông lăm tiền kêu ca mà cứ cho lao nhân Đông Dương được hưởng luật lao động. Luật lao động được thi hành ở Đông Dương là một cơ cho ta nên tín nhiệm ở nội các bình dân Pháp. Ta nên tin ở ông Moutet [bộ trưởng Thuộc địa trong chính phủ bình dân – LNA ghi chú], ta nên tin ở phái bộ điều tra mà ông sẽ phái qua đây”

(*Hà Nội Báo*, s. 42, ngày 21.10.1936)

Những tác động chính trị của chính phủ bình dân Pháp đến Đông Dương được Vũ Trọng Phụng theo dõi sát sao và nêu ra một loạt hiện tượng đặc thù.

Một ông dân biểu kêu gọi các dân biểu khác yêu cầu Thống sứ Bắc Kỳ hủy bỏ thi hành quy định thời gian làm việc 40 – 48 giờ / tuần cho các loại thợ, với lý do: quy định ấy thiệt cho các dân biểu, vốn hầu hết đều là chủ ruộng như mình! (*Dân biểu Nguyễn Hữu Tiệp, một kiểu mẫu dân biểu Việt Nam // H.N.B.*, s. 41, ngày 14.10.1936).

Một tờ nhật báo, – tờ *Trung Bắc* – thì cố tình dịch câu trong thư của bộ trưởng Moutet “*Ta được tin cuộc vận động sôi nổi một ngày một tăng...*” (trong nguyên văn chữ Pháp “*J’appréhends que campagne d’agitation s’intensifie...*”) thành “*Ta được tin cuộc phiến động càng ngày càng tăng...*”, là vì báo ấy – tờ *Trung Bắc* – muốn tô đậm nguy cơ làm rối cuộc trị an do những cuộc hội họp lấy ý kiến đưa tới phái bộ điều tra từ Pháp sang. Vũ Trọng Phụng vạch rõ phái Lục – Thăng (Phạm Huy Lục, Lê Thăng) đứng sau lưng báo *Trung Bắc*, đang muốn chủ trì việc thảo dân nguyện, đã bị phái tả, gồm những tờ như *Le Travail*, *Khỏe*, *Hồn trẻ* công kích... (“*Trung Bắc*” – *journal de déformation // H.N.B.*, s. 41, ngày 14.10.1936).

Vũ Trọng Phụng lên án báo *Trung Bắc* khi đưa tin về việc một số thợ xẻ đình công đòi chủ tăng lương, đã cho rằng đó là một vụ “đình công có tổ chức” khiến sở Liêm phóng mở điều tra; người ta tìm thấy trong túi áo bác thợ Cả Bản một mảnh giấy có mấy câu về khuyên anh em thợ nên đồng lòng với nhau để việc xin tăng lương thành công. Bị buộc phải khai ai là tác giả bài về kia, nhưng người ấy đã bỏ trốn, bác thợ bèn thất cổ tự vẫn!

Vũ Trọng Phụng, dưới bút danh Ngọ Triều, phản nộ:

“Sao báo *Trung Bắc* cả gan gọi một bài về là một sự tổ chức đến nỗi công chúng phải ngộ nhận là một vụ rối loạn, một việc rất thường?

Báo ấy có ý buộc tội cho phái người phản đối ông Phạm Huy Lục mà báo ấy gọi là cộng sản, là quá khích, để họ vào tù chẳng? Nếu quả đã có sự tổ chức của một đảng nào thì sự “tổ chức” lại bằng một bài về điệu Tống Trân-Cúc Hoa được ư?

Dù sao nữa, ta chỉ biết rằng, giữa lúc chính phủ Bình dân ban hành những luật lao động mới, giữa lúc người trong nước ai cũng nói đến chánh kiến với nguyện vọng, thì một người thợ xẻ đã thiệt mạng, đã phải tự tử, chỉ bởi cái lỗi dám kêu xin các ông chủ thí cho mình mỗi ngày thêm vài xu, nuôi vợ và nuôi con.

Cái sự thực khốn nạn là như thế.

Cái tâm địa của phái chủ nhân ông đối với thợ thuyền thật đã rõ rệt.

Chúng tôi muốn biết: ai sẽ có trách nhiệm về cái chết kia?

Chúng tôi muốn hiểu: *làm rối loạn trật tự* là bọn chủ hay bọn thợ thuyền?”

(*Tội ác của báo “Trung Bắc”* // H.N. B., s. 43, ngày 28.10.1936)

Trong không khí của những sinh hoạt xã hội chính trị chợt bùng lên sôi nổi, mấy nghị viện ở ba miền cũng ít nhiều có sinh khí hơn.

Ngọ Triều ghi nhận tin tức từ viện Dân biểu Trung Kỳ với 91 bản thỉnh cầu gửi lên viên Khâm sứ, nêu nhiều việc bất cập của sở Đoan, của Tòa án,...

Ngọ Triều tường thuật các phiên họp của viện Dân biểu Bắc Kỳ như những màn hài kịch: một dân biểu hỏi sở lục lộ vì sao để vỡ đê, viên chánh kỹ sư Lục lộ im lặng không chịu giải đáp, viên đồng lý thay mặt Thống sứ trả lời thay rằng đê vỡ là tại trời mưa, tại nước, tại sông! Một ông nghị khác hỏi vụ một viên chánh lục lộ tỉnh nọ ăn hối lộ, bị đổi đi nơi khác rồi lại thôi; viên chánh kỹ sư lục lộ phủ nhận việc ấy, nhưng lại đe dân biểu nọ hãy liệu chừng sự trả đũa của viên chánh lục lộ kia! Dẫu có những màn kịch... hề như vậy, Ngọ Triều vẫn ghi nhận:

“Dân viện năm nay xem ra tranh biện có vẻ kịch liệt hơn mọi năm nhiều. Người ta tranh luận về việc cho tự do mở trường tư, xin giảm thuế, về thái độ kiên cường của ông chánh kỹ sư Lục lộ, v.v...”

Chẳng biết rằng những cuộc tranh luận kịch liệt này có thể ảnh hưởng cho những điều yêu cầu được chút nào không? – nghĩa là không biết những điều yêu cầu có sẽ vì những cuộc tranh luận kịch liệt này mà không đến nỗi bỏ xó như những điều yêu cầu của mọi năm không. – Nhưng nó đã đủ tỏ ra rằng ngày nay viện Dân biểu đã đỡ “gật”, viện đã chú trọng đến chính trị trong nước hơn trước. Viện Dân biểu Trung Kỳ, cũng như viện Dân biểu Bắc Kỳ năm nay, ở trong cái tình thế và hoàn cảnh hiện thời, mà làm được hăng hái như thế, kể cũng là trọn bốn phần vậy.

Ta phải nên nhớ rằng đây là một cái ảnh hưởng tốt của cuộc vận động về Đông Dương đại hội. Những cuộc họp và tranh luận công khai rất tốt cho sự huấn luyện cái “óc chính trị” không những của dân viện mà của cả dân nữa.”

(*Từ Dân viện Trung kỳ... đến Dân viện Bắc Kỳ // H.N.B.*, s. 43, ngày 28.10.1936)

Trong khi đó, tại hội đồng quản hạt Nam Kỳ sự náo nhiệt lại diễn ra theo cách khác: viên Thống đốc trình dự án đánh thuế hoa lợi để giảm thuế thân, có lợi cho dân nghèo (vì mức thuế thân là ngang nhau dù người giàu hay người nghèo) nhưng bất lợi cho người giàu nên bị phản đối; các ông hội đồng phản đối; thống đốc bèn thuyết giảng rằng các vị dân biểu kia là ích kỷ và dọa sẽ thi hành dự án bất chấp ý kiến Hội đồng quản hạt!

Tổng thuật sự kiện này, Ngọ Triều lưu ý người đọc hãy tự nhận xét về “xu hướng chính trị của chính phủ Bảo hộ Pháp hiện giờ” (*Không khí chính trị náo nhiệt ở Hội đồng quản hạt Nam Kỳ // H.N.B.*, s. 45, ngày 11.11.1936).

Về những sự việc trong nước do không khí chính trị cởi mở, Ngọ Triều vui mừng ghi nhận sự kiện một số đông chính trị phạm được tha, đồng thời cũng “kêu” giúp họ vì sự quản thúc gây cản trở họ làm ăn sinh sống. (*Chính trị phạm được tha // H.N.B.*, s. 44, ngày 4.11.1936). Ông ghi nhận sự tích cực của việc mở trường tự do. Ông không quên ghi việc nhân tài về nước nhân Hoàng Xuân Hãn trở về với tấm bằng agrégé (thạc sĩ), ... Tất nhiên, ngòi bút châm biếm dưới bút danh Ngọ Triều không thể bỏ qua những hiện tượng phản cảm, từ việc viên thượng thư bộ Lại ra lệnh cấm sách ngay khi có lời rao nham đề cuốn sách ấy trên báo, mặc dù nó còn chưa hề được viết ra (*Cấm, cấm và cấm // H.N.B.*, s. 44, ngày 4.11.1936), đến việc Đốc lý Hà Nội Virgiti tính toán luẩn quẩn: định lấp hồ Bảy Mẫu để làm nhà ở vì dân cư Hà Nội đông, nhưng để có tiền san lấp lại toan đánh thuế cư trú, thứ thuế sẽ đuổi cư dân khỏi Hà Nội (*Ông Đốc lý Virgiti trù với tính // H.N.B.*, s. 50, ngày 16.12.1936), rồi chuyện đội sắp cảnh sát Hà Nội phạt vạ và hành hung vô lý (*Đội sắp làm sảng // H.N.B.*, s. 45, ngày 11.11.1936), giám thị nhà máy sợi Nam Định đánh trụy thai một lao động nữ (*Nhà máy sợi // H.N.B.*, s. 45, ngày 11.11.1936), nạn đầu cơ tăng giá hàng hóa (*Bọn đầu cơ tăng giá hóa phẩm nhất là giá sợi // H.N.B.*, s. 45, ngày 11.11.1936), v.v...

Thời sự ngoài nước tuy có vẻ là đề tài mà tòa soạn dành cho Lưu Thần (Lưu Trọng Lư), nhưng sự phân công chỉ là tương đối; Ngọ Triều cũng đề cập tin nước ngoài. Ông đưa lại tin của báo *Le Travail* về việc đảng cộng sản được thành lập và hoạt động công khai ở Senegal:

“...ở Sénégal, thuộc địa của Pháp tại Phi châu, đảng cộng sản đã chính thức thành lập. Gồm cả dân Pháp lẫn dân bản xứ, đảng cộng sản đã được tự do tuyên truyền, hội họp, yết thị, ngôn luận như ở Pháp.

Cùng với chiến tuyến Bình dân, đảng cộng sản bên đó đã thảo những nguyện vọng cần thiết mong cho quần chúng da đen được hưởng những điều tự do.

Coi vậy đủ biết dưới chính quyền chính phủ Bình dân, những sự người ta không dám tưởng đến, đã lần lượt hiện ra sự thực cả”.

(*Có đảng cộng sản chính thức thành lập ở Sénégal, thuộc địa Phi châu của Pháp // H.N.B.*, s. 45, ngày 11.11.1936)

Điều đặc biệt đáng kể là Ngọ Triều dám chất vấn nhà báo kỳ cựu người Pháp Ernest Babut (1878-1962), nhà hoạt động nhân quyền, ra báo chữ Pháp ở Đông Dương để bênh vực dân thuộc địa; điều Ngọ Triều muốn hỏi ông chủ nhiệm tờ *Pháp-Việt tạp chí* (*Revue Franco-Annamite*) là: ông là đảng viên xã hội, vậy vì sao ông lại gián tiếp bài xích phong trào Đông Dương đại hội qua việc bài xích tất cả những tờ báo cơ quan của phong trào này, trong khi chi nhánh đảng xã hội Pháp ở Nam Kỳ lại hết sức tán thành Đông Dương đại hội? (*Ông Ernest Babut cũng trong đảng xã hội đấy! // H.N.B.*, s. 41, ngày 14.10.1936).

Cuộc “chất vấn” này không có kết thúc, tuy E. Babut có lời đáp, nhưng chỉ là một câu hỏi bằng quơ đối với tờ báo chữ Việt mà ông coi là “nhỏ”; có lẽ đằng sau chuyện này là những khoảng cách khá lớn đương thời giữa 2 làng báo Pháp và Việt, giữa quan niệm và hành động của những nhóm đảng viên xã hội khác nhau, v.v... mà nhà văn trẻ tuổi Vũ Trọng Phụng (năm ấy ông 24 tuổi) còn chưa thấy ra những uẩn khúc của nó.

Ở mấy số *Hà Nội Báo* đầu năm 1937, Vũ Trọng Phụng có 2 bài chính luận đặc sắc, “tổng kết” thời sự năm 1936 và bình thuật cuộc tiếp đón Justin Godart, đại biểu chính phủ Bình dân Pháp, của dân Sài Gòn.

Thế giới năm 1936 được Ngọạ Triều mô tả trong 2 nét chính: chiến tranh (nước Ý của Mussolini đánh chiếm Abyssinia tức Éthiopie; nội chiến Tây-ban-nha) và xung đột 2 phe (phát-xít, cộng sản); nước Pháp năm 1936 được Ngọạ Triều nêu trong vài nét: chính phủ bình dân của thủ tướng Léon Blum vượt qua được sóng gió; đồng franc được phá giá đã xoay chuyển và cứu vãn kinh tế Pháp; bộ trưởng thuộc địa Moutet được hoan nghênh vì những chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với các thuộc địa. Đông Dương năm 1936, theo Ngọạ Triều, do ảnh hưởng đồng franc hạ giá, nên giá nông sản tăng, tiền bạc dồi dào hơn, người giàu được lợi, người nghèo cũng phần nào đỡ khổ; luật lao động mới khiến người lao động bớt lam lũ; việc tha tù chính trị được ông xem là đem lại niềm vui đầm ấm cho mỗi gia đình; tóm lại, lạc quan là nét mô tả cho đời sống trong nước từ 1936 bước sang 1937. (*1936 đã qua // H.N.B.*, s. 53, ngày 6.1.1937)

Có thể nói, kết quả một năm cực kỳ sung mãn trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng đã phần nào truyền niềm vui sang cái nhìn của chính ông về đời sống xã hội chính trị đương thời.

Bài tổng thuật việc dân Sài Gòn đi đón Justin Godart, đại biểu chính phủ bình dân cử sang công cán thuộc địa, là bài chính luận cuối cùng ký Ngọạ Triều trên *Hà Nội Báo*. Chỉ sau đó một kỳ nữa, tuần báo này sẽ bị cấm hẳn.

Lấy tài liệu từ một số tờ báo chữ Việt và chữ Pháp ở Sài Gòn như *Đuốc nhà Nam*, *Populaire d'Indochine*, Ngọạ Triều cho độc giả miền Bắc biết về toàn bộ chuyến công cán của Justin Godart do chính phủ bình dân Pháp cử sang Viễn Đông để giải quyết một số vấn đề về lao động và nhân đạo cấp bách.

“Vì rằng quần chúng lao khổ ở thuộc địa đã lao khổ đến tột bậc, lao khổ đến nỗi cái thân thể đã hầu như không còn là thân thể con người nữa, đã gần thành ra như con vật. Khổ sở như con vật, là lẽ tất nhiên. Mà đã đến hung dữ, là tất nhiên nguy hiểm.

Chính phủ Bình dân Pháp, vì thế, phải phái một người sang thay mặt chính phủ mà ngăn ngừa cái hiểm tượng ấy. Ông Thượng thư Justin Godard được phái sang”.

...

“— *Tôi sang đây để nâng cao giá trị con người!*

Nhưng cái giá trị con người ở đây không phải chỉ thợ thuyền mới chịu thấp kém. Bất cứ hạng người nào, cho đến cả hạng trí thức nữa, cũng chẳng có chút quyền lợi gì. Ai cũng vậy, hãy tự vấn mình xem, thì hãy thấy đời mình bị bó buộc, áp bức là thế nào. Cho nên, vì thợ thuyền mà ông Godard sang đây, nhưng mà ông sẽ có ích cho tất cả mọi người bị áp bức.

Tỷ như ông đã rất chú ý đến những việc nhiều tờ báo bị cấm một cách độc đoán, vô lý, và những việc ông Diệp Văn Kỳ, Bùi Thế Mỹ bị trục xuất, và hứa sẽ can thiệp, thì đủ cho ta thấy rõ. Bởi vậy, bất cứ ai cũng nên nhìn sự ông Godard qua đây là quan trọng”. (*Một vạn người đã đi đón ông Godard // H.N.B.*, s. 54, ngày 13.1.1937)

Sau hai tháng công cán ở Ấn Độ (có lẽ là ở khu vực thuộc địa của Pháp) – đây là nội dung tiếp theo trong bài báo của Ngọ Triều – Godard đã làm được một việc “tối quan trọng cho lao dân Ấn Độ: là ông tư về chính phủ bình dân xin cho thợ thuyền được tự do lập nghiệp đoàn”, – chỗ dựa để tranh đấu với giới chủ về quyền lợi của thợ thuyền.

Theo Ngọ Triều, chính vì dân chúng Đông Dương, trực tiếp là dân lao động ở Sài Gòn hy vọng phái viên Godard cũng sẽ đòi cho thợ thuyền Đông Dương quyền tự do lập nghiệp đoàn, nên họ đã tổ chức cuộc đón rước ông “như đón một vị Phúc Tinh” khi con tàu chở ông cập bến Sài Gòn ngày 1/1/1937. Hơn một vạn người, trong đó có 600 phụ nữ, đã đi đón Godard.

Lấy lại ở báo chí Sài Gòn chi tiết có người đã khóc trước cảnh đón tiếp “rực rỡ, nhiệt liệt” ấy, Ngọ Triều bình luận:

“Những giọt nước mắt ấy thực có nhiều nghĩa:

– Nó nhỏ vì cảm động trước mỗi đồng tâm hàng vạn *đồng bào*, mỗi đồng tâm nó làm cho ta thấy rằng cái tinh thần dân tộc ta chưa mất.

– Nó nhỏ vì cảm động trước mỗi đồng tâm của hàng vạn *đồng bào cơ khổ*, chỉ nguyên Sài Gòn mà số người cơ khổ đã đến thế, thì cái dân tộc này cơ khổ đến bao nhiêu!

– Nhưng có lẽ cái lẽ chính đáng hơn hết là nó nhỏ vì *lòng nhân đạo*. Ông Godard sang đây để mà cứu những kẻ khổ, vỗ về những vết thương đau. Cảm động vì cái tình nhân đạo ấy, hàng vạn người đứng dưới trời nắng chang chang để hoan hô ông. Thì cái lòng cảm động của hàng vạn người ấy cũng đáng để cho ta cảm động mà khóc lên được”.

(*Một vạn người đã đi đón ông Godard // H.N.B.*, s. 54, ngày 13.1.1937)

Là người viết phóng sự bậc thầy, Vũ Trọng Phụng, dưới bút danh Ngọ Triều, dù phải dùng tài liệu gián tiếp, vẫn gắng tìm lấy những chi tiết căn bản nhất, ấn tượng nhất.

“Lúc ông Godard xuống tàu đi tới chỗ công chúng thì một số đông kiệu nhau lên rồi căng lên mấy tấm *băng-đơ-rôn* hoan hô ông và Chiến tuyến Bình dân. Những *băng-đơ-rôn* ấy mang những câu: “*Đại biểu chiến tuyến Bình dân vạn tuế!*”, “*Tự do lập nghiệp đoàn!*”, “*Tất cả các sự tự do của nước Cộng Hòa!*”

Ta hãy nhớ rằng, mãi đến lúc ông Godard xuống gần gần họ, bọn người ấy mới dám giơ những *băng dẫu* ở trong túi ra, rồi tự lấy người làm cột mà dựng nó lên. Pháo dẫu diêm thế, chắc hẳn là vì sợ bị tịch thu.

Thế mà cũng không xong. Tức thị một nhóm cảnh sát đến phá ngay những cái “cột người”, tịch thu lấy những *băng* và bắt bốn người trong bọn họ”.

“Những cái *băng-đơ-rôn* bị tịch thu nhưng không ai có thể thu được miệng hàng vạn người. Vì hàng vạn người cùng giơ tay lối chiến tuyến Bình dân chào ông Godard và hoan hô không dứt “Chiến tuyến Bình dân!”, “Ông Godard đại biểu Chiến tuyến Bình dân vạn tuế!” – Tiếng reo không ngớt, nhưng... cùng với lúc reo ấy, nhạc nhà binh đã cử xong bài *Marseillaise* rồi lại cử nữa, tiếng kèn trống lấp cả tiếng reo của dân chúng.”

(*Một vạn người đã đi đón ông Godard // H.N.B.*, s. 54, ngày 13.1.1937)

Thuật lại những việc ông Godard làm trong vài ngày đầu tiên ở Sài Gòn, Ngọ Triều ghi những lời ông hứa, sẽ xin chính phủ bình dân cho thợ thuyền tự do lập nghiệp đoàn, sẽ can thiệp việc cấm đoán báo chí một cách vô lý, sẽ can thiệp việc một số nhà báo như Diệp Văn Kỳ, Bùi Thế Mỹ bị trục xuất, những vụ thợ bị đuổi việc, v.v...

Kết thúc bài tổng thuật, Ngọ Triều nhấn với công chúng đất Bắc:

“Ông Godard sang đây thực là một dịp rất tốt, cho ta tỏ bày những điều uất ức của ta, nhất là khi ông lại là một tấm lòng rất tốt. – Ông sang đây vì thợ thuyền, nhưng xem như công việc ông đã làm ở Sài Gòn đó thì đủ biết ông sang đây không những vì thợ thuyền. Ta có thể nói ông là bạn chung của hết thầy những người bị ức hiếp!

Nào những thợ thuyền!

Nào những người thấy mình bị oan khổ!

Nào những người vì lòng nhân đạo muốn cứu những người khác khỏi lầm than, oan khổ!

Đến ngày ông Godard ra Bắc đây, ta hãy đi đón ông để mà hoan hô ông đi!

Đi cho đông, và cho có trật tự”.

(*Một vạ người đã đi đón ông Godard // H.N.B., s. 54, ngày 13.1.1937*)

Tờ *Hà Nội Báo* bị cấm sau số 55 (20/1/1937) đã khiến dòng văn chính luận đang có đà mạnh mẽ này bỗng nhiên bị chững lại. Nhưng chừng đó cũng đã đủ để thấy cả khuynh hướng lẫn sự nhiệt thành của nhà văn Vũ Trọng Phụng đối với các vấn đề xã hội đang sôi động đương thời. Ta cũng đừng quên, chùm văn báo chí này được viết và công bố ngay sau khi tiểu thuyết *Giông tố* và phóng sự *Cơm thầy cơm cô* vừa đăng xong, và tiểu thuyết hoạt kê *Số đỏ* thì đang xuất hiện từng chương trên *Hà Nội Báo*, cùng với chùm bài này.

Nó chẳng những cho thấy dòng văn nghệ thuật ở một cây bút như Vũ Trọng Phụng có thể đồng hành với dòng văn báo chí chính luận, mà còn cho thấy người đang sáng tạo những giá trị nghệ thuật sẽ còn lại muôn đời cũng là người không quên lên tiếng tranh đấu cho những lợi ích sống còn trước mắt của đồng bào, đồng loại, trước hết là những người bị thiệt thòi, những người lao động, những người đau khổ.

10/10/2012

Vũ Trọng Phụng: Cái nhìn bảo thủ ở một ngòi bút ghi chép lịch sử Vương Trí Nhàn

Hai bộ mặt của quá trình hiện đại hoá xã hội

Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX trong tiểu thuyết *Số đỏ*

Ấn tượng sâu sắc nhất mà có lẽ tất cả bạn đọc đều chia sẻ khi đọc *Số đỏ*, ấy là cái sự nhỏ nhằng nhảm nhí của đời sống được nhà văn phác hoạ theo lối châm biếm. Nói như Lưu Trọng Lư, ngòi bút Vũ Trọng Phụng đã “chế nhạo tất cả những cái rởm cái xấu cái bần tiện cái đòi bại của một hạng người một thời đại”. Trong con mắt của ông, xã hội đương thời là hoàn cảnh lý tưởng cho những kẻ tầm thường nhưng lại đầy tham vọng. Cái phần luân thường đạo lý mà các thế hệ đi trước dày công vun đắp đã phai nhạt, người nào người nấy xoay xoà kiếm sống và khao khát hưởng thụ. Cả kẻ vô học như Xuân lẫn bọn có học như Văn Minh đều sống bằng lừa bịp, ai giỏi lừa người đó thắng. Và cuộc sống của xã hội hiện đại đồng nghĩa với sự tàn phá nhân cách, làm hỏng con người. Thiếu hẳn những kẻ có tài năng cũng như có tấm lòng, tức cũng là thiếu hẳn những con người xứng đáng để chúng ta kính trọng.

Như nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định, bức tranh mà Vũ Trọng Phụng vẽ nên đó là sự phản ánh trung thực xã hội đương thời đồng thời có tính cách khái quát một phần bản chất cuộc sống. Thời nào, và nói cho đầy đủ hơn, ở bất cứ xã hội nào, thì trong tấn kịch nhân gian cũng cảnh những hồi, ở đó cuộc đời hiện ra như một thứ hội hoá trang mà tác giả đã miêu tả.

Thế nhưng liệu đã có thể nói đó là tất cả cái cuộc sống trên đường hiện đại hoá được nói tới trong *Số đỏ*? Có phải xã hội đương thời chỉ có tàn lụi mục nát vô phương cứu vãn hay thực ra nó đang vận động theo một phương hướng đầy triển vọng và chính ngài bút Vũ Trọng Phụng cũng đã tham gia vào việc ghi chép lại cái quá trình đổi khác đó --- một việc chắc chắn là chính ông cũng không ngờ tới ?

Hiện đại hoá là gì và ý nghĩa lịch sử của nó

Đặt xã hội VN nửa đầu thế kỷ XX trong toàn bộ sự vận động chung của lịch sử dân tộc, chúng ta thấy nó là một bước rẽ ngoặt mà nội dung căn bản là hình thành nên một xã hội kiểu mới khác hẳn xã hội VN từ đó về trước. Trong cả sử học lẫn các bộ môn khác của khoa học xã hội, trong đó có lịch sử văn học, người ta thường gọi đó là quá trình hiện đại hoá.

Trong bài viết *Tìm nghĩa khái niệm hiện đại* in ở phần trên, chúng tôi đã có dịp trình bày cách hiểu về quá trình này, dưới đây là mấy nét tóm tắt:

-- Đó là sự chuyển biến từ kiểu xã hội phong kiến trung đại sang một xã hội công nghiệp hoá, có đô thị phát triển. Bắt đầu từ cơ sở kinh tế, cuộc chuyển biến này kéo theo hàng loạt biến động, nhiều quan niệm của con người về bản thân mình cũng như về thế giới có thay đổi. Đồng thời với sự trưởng thành của ý thức xã hội thì con người cá nhân trong họ cũng được giải phóng.

-- Bởi đây là sự chuyển biến từ một xã hội theo kiểu phương Đông sang một xã hội xây dựng theo mẫu hình phương Tây lúc ấy, nên người ta còn gọi nó là Âu hoá. Thực chất của *hiện đại hoá trong điều kiện lịch sử đầu thế kỷ XX chính là Âu hoá*. Không chỉ ở VN mà ở Trung quốc và ở nhiều nước châu Á khác, hiện đại hoá đều được sử dụng với nghĩa cụ thể như vậy. (Còn tới cuối thế kỷ XX nó vẫn được dùng nhưng có hàm nghĩa mới thì đó lại là chuyện khác.)

-- Muốn hay không muốn cũng phải xem đây là một bước tiến bộ. Tính đến hoàn cảnh đương thời, thì đây là *công thức duy nhất có thể đưa xã hội ra khỏi điểm chết mà sự vận động của lịch sử trước đó đẩy tới*. Không phải hiện đại hoá hoàn toàn đối lập lại quyền lợi chính đáng của dân tộc. Ngược lại, chính trong hoàn cảnh hiện đại hoá mà ý thức dân tộc, vốn có từ trong quá khứ, bắt đầu mang một nội dung mới thích hợp hơn do đó trở nên hoàn thiện và có sức thúc đẩy lịch sử tiến tới. Đặc biệt với công cuộc công nghiệp hoá, ý thức dân chủ có dịp nảy nở mạnh mẽ.

Một trong những tư tưởng cơ bản được trình bày trong *Văn minh tân học sách* của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thực (tổ chức tập hợp những bậc trí giả thức thời hồi đầu thế kỷ XX), đó là tình trạng lạc hậu cổ hủ của xã hội VN trước khi tiếp xúc với văn minh Tây phương. Đến một nhà yêu nước như Phan Chu Trinh thì tư tưởng đó là cả một ám ảnh. Theo Phan Chu Trinh, sự lạc hậu nếu không được nhận thức và được khắc phục thì mọi nỗ lực dành lại độc lập đều vô nghĩa. Trong *Thư gửi chính phủ Pháp*, ông viết "Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức.. Trong một làng một ấp cũng cấu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống vẫn coi nhau như thù hằn ; có dầu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giá phỏng Chính phủ (đây là chính phủ thực dân Pháp --- VTN chú) cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở, không thêm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chẳng qua vài năm nếu không báo thù lẫn nhau thì cũng tranh giành địa vị với nhau, nếu không cướp đoạt tiền tài thì cũng giành giật tước vị, tự chém gết nhau đến chết hết mới thôi (...)"[1]

Có thể nói sự sáng suốt của những người vừa yêu nước thương nòi vừa nhìn xa trông rộng và có tư tưởng canh tân xã hội trên đây đã có sức chi phối đối với sự phát triển của xã hội VN mà quá trình hiện đại hoá nói ở đây là bằng chứng. Dù công cuộc hiện đại hoá đó tiến hành dưới sự kiểm soát của bộ máy thực dân, song vẫn phải ghi nhận một sự thật *đầu sao quá trình đó đã xảy ra*. Không có quá trình hiện đại hoá này thì không có xã hội VN nửa đầu thế kỷ XX như chúng ta đã thấy, không những không có đô thị, nhà trường kiểu mới, đường sắt, bưu điện, báo chí ..., mà cũng không có sự tiếp xúc bình thường giữa VN và thế giới. Nói cho hết lẽ, phải thấy không có quá trình hiện đại hoá thì không có luôn cả sự phân hoá giai cấp như các nhà nghiên cứu lịch sử thường phân tích, không có giai cấp công nhân và một bộ phận trí thức kiểu mới, không có sự du nhập của ý thức hệ Mác Lê- nin, dẫn đến những biến động có tính chất bước ngoặt từ sau Tháng Tám 1945.

Hiện đại hoá đã tự phát có mặt trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng như thế nào?

Hãy bắt đầu bằng một chi tiết nhỏ trong chương II của *Số đỏ*, cái đoạn tả cảnh xảy ra tại một bóp cảnh sát khi một viên quân ngồi than thở sự đời với một thầy cảnh sát dưới quyền, thầy *min đơ* (1002):

---*Thầy có tiếc cái thời buổi ngày xưa, cách đây mười năm không ?*

- --- *Tiếc lắm! Mười năm trước đây, dân ta còn ngu..*

--- Ngày nay dân ta văn minh mất rồi rõ lắm hại! Thầy phải biết là xưa kia, xã hội tinh những du côn với nặc nô, tinh những người bất lịch sự chỗ nào cũng phóng uế, cũng đánh nhau. Hồi ấy có khi bốn người ngồi một xe! Họ chửi nhau hàng nửa giờ, đánh nhau vỡ đầu, nhà cửa của họ thì rác rưởi, nước cống nước rãnh tung toé, ngập lụt. Chó của họ cũng chạy ra ngoài đường không nhong... Xe đi đèo, hay không đèn là nhan nhản. Bây giờ mọi sự đã thay đổi cả (tr. 22)[2]

Điều bất ngờ là ở chỗ đằng sau câu chuyện mà tác giả thuật lại để chế giễu tự nó có một ý nghĩa khác. Không gì khác, cái thời buổi ngày xưa mà hai nhân vật nói ở đây chính là xã hội VN trước hiện đại hoá, với một nếp sống phải nói là lạc hậu và chẳng có gì là đáng ước ao, nếu không nói rằng đáng từ bỏ. Còn thay thế nó lại là xã hội nền nếp quy củ. Và sự thay đổi mà các viên cảnh sát than phiền là hồng là đáng chê trách thì *theo lương tri thông thường*, lại là một sự thay đổi theo hướng tiến bộ hợp với tinh thần của nhân văn và đạo lý.

Nếu tiếp tục khảo sát tác phẩm theo hướng này, người ta sẽ thấy *Số đỏ* vô hình trung đã phác hoạ một khuôn mặt khác của xã hội trong một giai đoạn lịch sử có những đảo lộn hàng trăm năm chưa từng có. Từ đầu thế kỷ XX trong lòng xã hội phong kiến, những nhân tố của một xã hội theo kiểu phương Tây đã nảy sinh và tới những năm ba mươi có thể nói cái nền nếp mới ấy đã trở nên ổn định thay cho nền nếp xưa *"thế là hết nhẩn nhụi"* (tr 22). Đóng vai trò đầu tàu cho lịch sử là những đô thị mới vừa hình thành. Trong kiến trúc trong đường xá cầu cống trong kiểu ăn ở đi lại.. của con người, chúng khác hẳn so với cái gọi là đô thị thời trung đại. Phân công lao động trong xã hội đã khá cao, nhiều nghề mới nảy sinh, không phải chỉ có me tây đi điểm như nhiều người thích đùa, mà quan trọng hơn có người đi du học, có luật sư bác sĩ, có các loại cửa hàng và khách sạn đầy đủ tiện nghi, có cả các loại sân thể thao được xây riêng trong từng gia đình và thầy dạy đánh quần vợt. Đặc biệt ý thức công cộng của mỗi thành viên trong xã hội được nâng lên một bước. Đằng sau cái câu nói đơn sơ *"Lúc này đến cả thằng phu xe cũng biết luật"* (tr 22) là một sự thật: xã hội đã vượt qua giai đoạn tự phát mạnh ai nấy sống. Làm gì người ta cũng phải chú ý xem phản ứng xã hội với mình là như thế nào. Báo chí có mặt ở mọi nơi mọi chỗ.

Cũng nên lưu ý thêm là theo sự miêu tả của tác giả thì Xuân tóc đỏ có lúc ăn vận theo kiểu hê Charlot để gây chú ý (tr 75), cũng như ông Joseph Thiết có nhắc đến Léon Daudet (tr 78), ấy là

không kể có cả một buổi hội thảo không chính thức về học thuyết của Freud (đoạn đầu chương XIII). Những mẫu hình của văn hoá hiện đại đã xuất hiện để thay thế cho những khuôn vàng thước ngọc dẫn lại từ thời Nghiêu Thuấn mà mọi người đều đã ngán đến tận cổ!

Ở trên chúng ta đã nói rằng con người trong *Số đỏ* hiện ra với nhiều nét khó coi, ồn ào học đòi, tham lam dâm dăng. Song suy cho cùng những thói xấu ấy vẫn là bề ngoài. Nếu không xem các tiêu chuẩn đạo đức vốn có từ thời phong kiến là bất biến mà xét kỹ cái *trình độ sống của con người, nhất là văn hoá chung sống của những con người đó, cái ý thức của họ về sự tiến bộ chung của xã hội*, chúng ta thấy gì? Rõ ràng, đặt bên cạnh những con người đơn giản, sống cầm chừng, chậm rãi rời rạc của xã hội trung đại, thì con người lúc này luôn hiện ra với vẻ gấp gáp linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với mọi biến chuyển lúc nào cũng có thể xảy ra. Mọi người, từ Xuân đến bà phó Đoan, từ vợ chồng Văn Minh đến ông Tipphờn ... và cả mấy người già như cụ cố Hồng đều có ý thức về cuộc đời mà họ đang sống, muốn sống theo những tiêu chuẩn mới mẻ mà họ tin tưởng chứ không phải thế nào cũng được muốn đến đâu thì đến.

Đây là lời bà Văn Minh giảng giải cho một khách hàng về ý nghĩa của cửa hàng Âu hoá do hai vợ chồng bà ta chủ trương:

--- *Thưa bà chúng tôi chỉ tiến theo luật tiến hoá chung của xã hội. Giữa buổi canh tân này cái gì là bảo thủ thì bị đào thải đi. Bà có biết rằng từ khi chúng tôi mở cửa hiệu này ra thì đã bao nhiêu người vợ được cứu vớt, tìm thấy lòng yêu của chồng, lại được hưởng hạnh phúc gia đình rồi đó không?* (tr 46)

Còn đây, cái quan niệm về ăn mặc mà cửa hàng của bà ta noi theo:

--- *Thưa bà, những nguyên tắc về y phục đã thay đổi. Chúng tôi mà có chế ra kiểu này cũng là vì theo cái quan niệm y phục của các nhà thợ may lớn ở Tây phương. Quần áo để tô điểm, để làm tăng sắc đẹp chứ không phải để che đậy ...* (tr 48)

Đặt trong mạch chung của tác phẩm thì đây có vẻ như lời lẽ mòn sáo của một kẻ học đòi. Nhưng thử tách nó ra như một văn bản độc lập, chúng ta thấy đây là những ý tưởng nghiêm chỉnh (một số điều đến nay chúng ta cũng đang áp dụng). Con người bấy giờ đặc biệt có ý thức về *một cuộc sống khác với những gì họ sẵn có* chứ không một chiều nệ cổ. Họ đã nhìn rộng ra cả thế giới chứ không chỉ chăm chăm quay đầu về cái sân nhà mình hoặc cái làng con con của mình. Họ lại đã có được ý thức đúng đắn về thời gian và mối quan hệ giữa thời gian và bản thân mình. “*Nó cảm thấy đời nó từ nay mà đi để thường đã vào một kỷ nguyên mới.*” (tr.29) – Không nên một chiều cười giễu cái câu tự nhủ ấy của Xuân tóc đỏ, ngược lại nên ghi nhận ở nhân vật cả cái ý chí lập nghiệp lẫn một sự tiên cảm chính xác về tương lai.

Số đỏ kết thúc bằng việc Xuân nhường chức vô địch quần vợt cho đối thủ người Xiêm La. Câu chuyện có vẻ hoàn toàn bịa đặt song đằng sau nó cần phải ghi nhận một điều: một cá nhân như Xuân đã biết làm chủ hành động của mình, và sự tính toán ở đây là khá chính xác.

Trong khi làm lại cuộc sống, cố nhiên, trong tiềm thức, con người VN nửa đầu thế kỷ XX tự hiểu rằng mình có một quá khứ hết sức nặng nề. Trên mọi phương diện, họ đều nhận ra một sự đối đầu giữa *cũ và mới* (tr 136), giữa *lối cổ và lối kim* (tr.34). Nếu như thường xuyên chúng ta bắt gặp ở họ cái vẻ huyênh hoang thì chẳng qua cũng chỉ là một cách nói to lên những điều lớn lao để tự động viên mình. Sự thay đổi quá nhanh không khỏi dẫn tới những sự vội vã ép uống, những nét kịch cỡm, nhưng không phải vì thế mà đáng sợ tất cả.

Có hai con người trong một Vũ Trọng Phụng

Ấu hoá không chỉ là tên gọi của cái cửa hàng thợ may nơi nhân vật Xuân trong *Số đỏ* đến học việc và bắt đầu một cuộc tiến thân. Ấu hoá cũng chính là nội dung của quá trình chuyển biến của cái xã hội nho nhỏ mà tất cả các nhân vật của cuốn tiểu thuyết này – từ những nhà cải cách xã hội như vợ chồng Văn Minh, các trí thức như ông Josef Thiết, ông đốc tờ Trục Ngôn... đến lớp người mặt hàng như Xuân cùng mấy ông thầy bói mấy cô bán hàng mấy chị vú em – bị cuốn hút theo.

Suy rộng ra, để ước đoán là qua cuốn tiểu thuyết, tác giả muốn làm một cuộc tổng kết cơ bản, khái quát cả quá trình chuyển biến của xã hội VN nửa đầu thế kỷ XX.

Đã rõ là có hai tầng hiện thực khác nhau được ghi nhận trong các trang sách của nhà văn họ Vũ: một tầng là cái đời sống ở cái vẻ nó đập ngay vào mắt mọi người ; và một tầng nữa là cái đời sống ở bề sâu, cái phần ẩn giấu và chỉ bộc lộ ra một cách tự phát, người đọc cũng dễ bỏ qua.

Thái độ của tác giả với hai mảng hiện thực ấy cũng khác nhau rõ rệt. Có vẻ như với Vũ Trọng Phụng, cái phần xấu xa của đời sống đương thời là đáng quan tâm hơn cả. Ông tố cáo. Ông lên án. Toàn bộ kiệt tác *Số đỏ* của ông được xây dựng trên cảm hứng phê phán đó. Ngược lại, cái mảng hiện thực thứ hai có vẻ nằm ngoài ý thức của ông. Ông chỉ nhân tiện mà nói tới. Sự chênh lệch của ông với cái phần đời sống này rõ rệt đến mức mà người ta chỉ nắm được nó bằng cách tách sự việc đứng riêng ra, để chúng độc lập bên cạnh cái nhìn của các nhân vật vốn là nhân vật phản diện, thậm chí độc lập với tác giả.

Có điều không phải vì thế mà nó cái đời sống ở bề sâu ấy không hiện ra một cách rõ rệt. *Bây giờ mọi sự đã thay đổi cả* (tr 22). Một câu như vậy quả đã thu tóm được quá trình biến đổi của xã hội, và ở chỗ này có thể bảo Vũ Trọng Phụng là một *người chép sử trung thành*, mặc dù ông không có ý thức đầy đủ khi làm công việc ghi chép quan trọng ấy.

Đọc các nhà văn cổ điển cỡ như Balzac, người ta đã được chứng kiến không ít trường hợp trong con người nhà văn có sự đối lập, trong khi thái độ ông ta đối với thực tế thế này thì bức tranh xã hội được ông vẽ ra lại có ý nghĩa khác hẳn.

Trường hợp Vũ Trọng Phụng ở đây cũng có gì na ná như vậy.

Thử giải thích cái nhìn và thái độ của Vũ Trọng Phụng: yếu tố chủ quan.....

Các nhà viết tiểu sử đã sớm ghi nhận Vũ Trọng Phụng thuộc loại dân nghèo mới từ bỏ làng quê để nhập tịch vào đô thị. Nhưng lên với Hà Nội ông và gia đình vẫn sống rất thanh bạch. Thay cho cái nghèo chân chất của người nông dân là cái nghèo nhếch nhác luộm thuộm của đám người nằm ở dưới đáy của Hà Nội băm sáu phố phường.

Có những người nghèo song cam phận, nhẫn nhục, có cái nhìn nhân hậu đối với sự đời, song lại có những người do nghèo mà sinh ra cay nghiệt hẳn học chỉ muốn đập phá hết cả. Vũ Trọng Phụng chính là thuộc típ người thứ hai. Dù đã nhọc lòng đi tìm sự thay đổi, song ông và những người như ông vẫn không tìm thấy miền đất hứa để có thể tạm bằng lòng với số phận mà sống trong thanh thản. Bởi vậy, ông nhìn mọi biến thiên xảy ra trong xã hội như là những chuyện vô lý. Sự đối mặt thường xuyên với mọi loại sa ngã hư hỏng bất công giả dối khiến ông đón đầu căm uất.

Nói cách khác, nhà văn thân yêu của chúng ta không thoát khỏi mình để có một cách nhìn khách quan với xã hội và xem tiến bộ xã hội như một tiêu chuẩn đánh giá đời sống. Khách quan mà xét phải nói rằng ông bảo thủ.[3]

Qua các hồi ức của những người quen biết riêng với Vũ Trọng Phụng, từ lâu người ta đã biết rằng tác giả *Số đỏ* là một người, trong sinh hoạt hàng ngày, có nhiều phần nệ cổ chứ không mô-đéc như những người bạn của ông mà Nguyễn Tuân là một ví dụ. Tối đây chúng ta lại thấy ông nệ cổ cả trong cách nhìn đời nói chung. Từ sự bảo thủ trong quan niệm đạo đức tới bảo thủ trong quan niệm xã hội, kể ra cũng là một bước đi tự nhiên, không thể thì mới là chuyện lạ.

..... và yếu tố khách quan

Đặc điểm của hiện đại hoá ở VN là nó diễn ra không bình thường. Nó không nảy sinh như một sự phát triển nội tại mà là từ bên ngoài ấn vào. Mà yếu tố bên ngoài đây lại là nước Pháp thực dân, lúc đó đang đóng vai trò của một thế lực đi xâm lược. Một thời gian dài, với người Việt Nam, chấp nhận hiện đại hoá tức là chấp nhận hành động đồng hoá của bọn xâm lược. Điều đó trái với tinh thần quật cường chống ngoại xâm (bằng bất cứ giá nào đẩy các thế lực ngoại nhập ra khỏi đất nước) đã thành một truyền thống của lịch sử dân tộc.

Chẳng những thế, trong thực tế, công cuộc hiện đại hoá diễn ra trong máu và nước mắt. Xã hội VN cuối thế kỷ XIX đã quá trì trệ và con người quen lặn ngụp trong sự lạc hậu rất ngại thay đổi. Đổi mới đối với họ thường khi là một việc làm quá sức.

Bởi vậy (kết hợp cả hai yếu tố trên), người ta không ngạc nhiên nhận thấy rằng ngay từ khi mới bắt đầu, hiện đại hoá đã không được người VN tiếp nhận một cách tích cực. Kể biết nhìn ra ý nghĩa tiến bộ của nó rất ít. Trong lòng mọi người, sự ngại ngần trở đi trở lại. Đủ thứ áo khoác mỹ miều được lôi ra sử dụng để che đậy cho sự thù ghét và sợ hãi cái mới.

Đọc lại văn học VN đầu thế kỷ XX, người ta thấy với Tú Xương rồi Tản Đà tiếp đó là các nhà văn xuôi như Trọng Khiêm, Đặng Trần Phát ..., hiện đại hoá đều được miêu tả như một quá trình gây ra đau khổ cho con người. Tiếp đó, nhiều ngòi bút cùng thời với Vũ Trọng Phụng, những Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Nguyên Hồng, Nam Cao ... đều miêu tả đời sống theo cái cách ít nhiều lên án hiện đại hoá. *Sự bảo thủ mà trên đây chúng tôi nói ở Vũ Trọng Phụng suy cho cùng cũng là nét bảo thủ của khá nhiều người, kể cả những người thuộc diện tinh hoa của xã hội.* Thậm chí còn có thể nói nó là một thứ vô thức tập thể đang chi phối cách nghĩ một thời. Trong trường hợp này, các nhà văn thực sự chỉ là công cụ của lịch sử.

Đoạn kết

Chẳng những sinh thời Vũ Trọng Phụng, quá trình hiện đại hoá xã hội VN nửa đầu thế kỷ XX được một số người xem là có ý nghĩa tiêu cực mà ở nhiều thế hệ tiếp theo, cho đến ngày hôm nay của chúng ta, lối nhìn nhận đó vẫn đóng vai trò chủ đạo. Có lẽ chính vì thế mà khi tiếp xúc với các tác phẩm ra đời trong thời kỳ này, người ta thường chỉ đọc ra cái phần có ý nghĩa phê phán, còn như cái phần mà ngòi bút chép sử của các nhà văn đã hoạt động một cách tự phát – như trong trường hợp của Vũ Trọng Phụng với *Số đỏ* – thì lại bị đẩy vào bóng tối quên lãng. Về phần mình, chúng tôi cho rằng nếu nhìn nhận về hiện đại hoá như trong bài này và trong một số bài viết trước đây chúng tôi đã thử đề nghị, thì ngay với Vũ Trọng Phụng người ta đã có thể đi tới những kết luận khác hẳn. Trong khi có vẻ làm giảm hào quang ở ngòi bút nhà văn họ Vũ do chỗ bộc lộ ở ông một ít yếu tố bảo thủ ---, thì đồng thời cách nhìn nhận và đánh giá này làm cho ông, trước mắt chúng ta, trở nên sâu sắc hơn và những trang văn của ông cũng trở nên nhiều tầng nhiều lớp phong phú hơn. *Dù không cố ý*, song nhà văn này đã làm được cái

thiên chức mà các nhà văn lớn của một thời đại thường được giao phó, đó là *phản ánh được một phần, theo cái cách riêng của mình, những phương diện cơ bản cùng là cái xu thế phát triển của thời đại* (xin hiểu thời đại nói ở đây là khái niệm *thời đại lớn* mà nhà nghiên cứu văn học người Nga đồng thời là nhà triết học M.M. Bakhtin đề nghị). Riêng đối với con người VN hôm nay, trong một giai đoạn mới của công việc hiện đại hoá -- trường hợp của Vũ Trọng Phụng vẫn đang là một bài học, ít nhất thì nó cũng có thể giúp chúng ta tham khảo rút kinh nghiệm để có được một cách nhìn đúng đắn đối với mọi biến thiên đang xảy ra trước mắt, phân biệt được những biểu hiện bề mặt vốn nhiều rác rưởi và cái xu thế lớn của lịch sử./.

2002 - Đã in *Tạp chí văn học*, 2003, số 2

[1]Dẫn theo *Tuyển tập Phan Chu Trinh*, Nguyễn Văn Dương biên soạn, NXB Đà Nẵng 1995.

[2]Các dẫn chứng trong bài có ghi số trang đều trích theo bản in *Số đỏ* trong *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng* ba tập, tập III, NXB Văn học, 1988.

[3]Thực ra đọc lại đoạn đối thoại giữa thầy quản và viên cảnh sát thì thấy những điều mà họ nói về thời đại trước Âu hoá tự nó với những người có lương tri bình thường đã thành một sự phê phán và lời than tiếc của họ "Cái thời tốt đẹp của các cụ nhà ta không còn nữa" cất lên có chút gì đó ngớ ngẩn và giống như một sự mai mỉa. Trong thực tế người đời dù có cổ hủ đến mấy chắc cũng không ai ăn nói như vậy. Liệu có thể nói rằng ý thức bảo thủ đã vào sâu trong Vũ Trọng Phụng tới mức nó khiến ông bất chấp cả sự thực và lô-gích thông thường

Lấy vợ xấu

Vì có "việc quan", bữa ấy tôi phải vào tòa xứ Hà Đông. Tôi bước chân vào công đường lúc 9 giờ sáng, phải ngồi khoanh tay đợi trên một chiếc ghế dài mãi cho đến 11 giờ. Cụ phán buồng giấy ấy, theo những thông lệ thiêng liêng của nước Việt Nam cổ hữu, đã tiếp tôi bằng sự nhăn nhó, sự gắt gỏng, để mà, sau cùng, bảo tôi đến chiều thì quay trở lại để cụ tiếp một lần nữa. Tôi đã vâng vâng dạ dạ như một người công dân hiểu rõ cái quyền hạn vô hạn của một quan phán đầu tòa là thế nào.

Khi ra khỏi vườn hoa của tòa sứ, tôi phải đành đi tìm một hàng cao lâu. Và, tại đó, tôi đã tình cờ được gặp anh Doãn, một người bạn đồng học cũ ở lớp nhất một trường sơ học.

Anh ta có bộ âu phục rất chải chuốt. Xưa kia, lúc còn cấp sách, anh ta cũng đã có tính làm đom như một cô con gái, và mãi cho đến bây giờ, tính ấy cũng không thay đổi, sau một chặng đường mà anh ta đã đi trong mười năm. Cái cổ áo không xộc xệch một tí, đôi mũi giày không có một hạt bụi, cái ca vát rất hợp thời trang, với cái khuy áo cài vào tử tế, đủ tỏ rằng anh thận trọng y phục lắm. Chính anh Doãn nhận được ra tôi là ai, và đã đến bên bàn tôi, giơ tay ra, kính cẩn như người ta muốn hỏi chuyện một khách lạ chưa quen biết một lần nào.

- Thưa ông, ông chắc còn nhớ tôi, tôi là Doãn, trường Sinh Từ...

- À à! Anh Doãn! Vẽ chuyện lắm! Việc gì còn xưng hô kiểu cách...

Mới có đến đây, một người đàn bà to lớn đã bước vào, ngơ ngác đứng sau lưng anh. Doãn bèn quay lại, giới thiệu tôi là bạn; giới thiệu người đàn bà là vợ. Sau khi kéo ghế ngồi rồi, vợ anh Doãn gọi ngay một ấm chè Long Tĩnh, thạo đời như một người đàn ông "cơm hàng cháo chợ, vợ cô đầu". Tôi nhìn người đàn bà ấy, thấy đó là một sự trái ngược với người bạn cũ. Thật vậy, đó không phải là một cặp vợ chồng tốt đôi. Tức thì tôi nhớ lại tất cả những đức tính buổi xưa

của Doãn.

Anh ta vốn thông minh, lại rất có óc mỹ thuật. Không kể về y phục của Doãn xưa kia đã được cả trường khen là sang trọng, ngay đến một cái bút chì, một hộp thuốc vẽ của anh, cũng đều là những đồ dùng đắt tiền và lọc lõi vô cùng. Ngoài cái chức là một thiếu niên sành sỏi, Doãn hồi ấy lại còn được chúng tôi gọi là một chàng Don Juan. Thật thế, anh có tài ngôn ngữ, có tài văn chương, nên chim gái rất thạo. Những thiếu nữ si mê anh phần nhiều là những gái đẹp có tiếng, vì cô nào không là hoa khôi thì anh ta không thềm bắt chim! Anh đã thường khoe chúng tôi những giấy viết thư tình của anh với những cái phong bì kiểu cách, đáng bầy xu một chiếc. Trong những lúc ấy, trước sự kính phục ghê gớm của chúng bạn, anh Doãn thường đứng ưỡn ngực, chõ cái xe đạp Peugeot grand luxe khác của anh mà rằng: "Chúng mày xem! Phi hơn người thì thôi, tao không thềm chơi".

Bây giờ thấy anh ngồi với một người vợ không có "mỹ thuật" chút nào cả, lại thấy cái tính cầu kỳ của anh vẫn không thay đổi, tôi chợt nhớ ngay đến câu phương ngôn: "Sướng lắm thì khổ nhiều". Đó là một sự nhân tiền quả báo.

Vợ anh, thật vậy, là một người đàn bà có cái nhan sắc của một người đàn ông không đẹp giai. Hai con mắt nhỏ, đôi gò má cao, cặp môi phàm phũ, dáng người thô tục, những ngón tay tròn và dài như những quả chuối ngự. Như vậy mà lại đi ăn mặc tân thời! Răng trắng nữa, tròng ả! Cái áo dài lượt thướt màu xanh, cái quần nhiều trắng trai lơ, đôi giày cao gót có quai kiểu gái nhảy, với mẩu khăn vành dây, ngần ấy thứ lại càng làm lộ cái mỹ miều của sự thô tục, lại càng làm tăng cái chói lộn của sự kệch cỡm. Đã thế, trong khi chuyện trò, thỉnh thoảng lại chêm vào một vài câu tiếng tây, ra ý khoe khoang mình vốn là nữ học sinh. Tôi bỗng có cái cảm tưởng man mác rằng người đàn bà này, những lúc nhà vắng, hẳn đã huyết còi như một ông lính tây say rượu, hoặc là đã hát âm ỉ bài J'ai deux amours, bài Les gars de la marine... vân vân.

Tôi không ngạc nhiên ở chỗ anh Doãn lấy vợ xấu. Ở đời, tôi đã từng thấy cái câu "thánh nhân hay đãi khù khờ" hiện ra nhiều sự thực và càng những thằng "thiên tính địa quý" như Doãn mới lại càng... chết; anh ta muốn chừng như cũng đoán nổi cái ý nghĩ kín đáo ấy trong lòng tôi.

Trong khi còn nói những chuyện nắng mưa theo khách sáo, chưa kịp gọi món ăn nào cả, vợ anh Doãn đã làm ngay một câu:

- Thôi, tôi đói lắm, cho tôi xin bát mì, rồi tôi còn đi đặng này! Hai ông xơi rượu thì cứ việc mà kê cà...

- Vâng, xin mời bác cứ tự nhiên cho tiện công việc.

Thế rồi người đàn bà ấy ăn uống nhồm nhoàm, và ho, và ợ nữa, như một người đàn ông bình dân xứng đáng. Lúc ăn xong bát mì, người đàn bà cầm hai cái đĩa quét ngang cặp môi như một bà lão nhà quê!

Sau khi vợ anh ra phố mua bán, Doãn bèn hỏi tôi:

- Chắc anh rất ngạc nhiên khi thấy một người như tôi mà lại đi lấy một người vợ như thế ấy?

Tôi vội vàng ngừng đĩa, làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Sao? Sao anh lại hỏi tôi thế nhỉ?

Có lẽ sự vờ vĩnh của tôi không được tự nhiên mấy nên anh Doãn mỉm cười mà rằng:

- Chà! Cái thằng mới sinh đống kịch làm sao! Thôi, trong chỗ chúng ta, tôi cho phép anh cứ việc nói thẳng những điều anh nghĩ.

Tôi bèn nói:

- Vợ chồng là duyên số. ở đời này không phải hễ mình muốn thì là được và không muốn thì là thoát.

Doãn gật đầu:

- Thật thế. Và, tôi xin kể vì lẽ gì mà tôi lại lấy nhà tôi.

Tôi giơ tay ngăn lại:

- Khoan đã! Thế anh có yêu vợ anh không? Vợ chồng anh có được hưởng hạnh phúc không? Nếu không, xin đừng kể chuyện.

- Có chứ! Chúng tôi yêu nhau và hưởng hạnh phúc cũng như những cặp vợ chồng chẳng biết hạnh phúc và ái tình là cái gì.

Từ đây trở đi là lời anh Doãn:

- "Trên một chuyến tàu từ Lào Cai về Hà Nội, cách đây hai năm... Cũng như số đông thiếu niên, mỗi khi đi xe lửa, tôi dạo một lượt từ toa đầu đến toa cuối cùng với cái hy vọng trông thấy một mỹ nhân để mình bắt chuyện làm quen, ngờ hầu quên được cái vô vị của mấy trăm cây số phong cảnh với những tiếng bánh xe xình xịch nghiêng trên đường sắt nó khiến ta mệt mỏi vô cùng, buồn ngủ vô cùng. Cả chuyến hỏa xa ấy, than ôi, chỉ có một người đàn bà là đẹp nhưng mà lại có chồng cùng đi theo. Còn thì phần nhiều là dân quê cả.

Tôi chán nản kiếm một chỗ rộng rãi, rồi thấy... nhà tôi trước mặt tôi. Hỡi ày, người đàn bà ấy còn ăn mặc lối cổ: khăn nhung, giày lạng kiêu mồm nhái, có đuôi gà, và có ba trăm hột vàng ở cổ. Cái "nhan sắc" của người ấy thì như anh vừa trông thấy đó, ta chẳng rướm lời mà làm gì. Tôi nghĩ đến đám phụ nữ có nhan sắc, được đời kính trọng... Tôi đã bảo tôi: "Tạo hóa thật là bất công. Những người xấu như thế này, hẳn sẽ không bao giờ được hưởng ái tình. Xưa nay ta yêu người đẹp đã nhiều để mà nhận thấy rằng sự yêu đương của họ cũng nhiều khi vô vị lắm. Ấu là ta thử yêu một người xấu xí xem ra làm sao!" Thế là tôi đến ngồi bên cạnh người ấy, lần la hỏi chuyện.

Sau nửa tiếng đồng hồ, tôi được biết rằng đó là con gái một nhà buôn bán khá giàu ở Lào Cai. Cô ả có việc về Hà Nội chừng độ một tuần lễ, và khi về Hà thành, sẽ đến ở nhà một người trong họ. Như thế, nếu chúng tôi muốn có một cuộc giảng hoa, cô ả rất có đủ thời gian! Và tôi lại nhận thấy ở người đàn bà này một sự thông minh, một sự từng trải, nhiều duyên thầm, mà tôi chưa từng thấy ở những phụ nữ có nhan sắc. Đó không phải là điều quái lạ. Người con gái đẹp chỉ trông thấy chung quanh mình những kẻ nịnh hót mà thôi. Vì anh nào cũng hiểu sắc nên bọn đàn ông chúng ta thường thấy những đức tính ở bọn gái đẹp mà chính họ không có. Cho nên chúng ta hết sức chiều đãi họ, nâng niu họ, khiến họ chẳng phải chịu khó nhọc mảy may trong mọi cuộc phấn đấu với đời, thành ra người đàn bà đẹp dễ trở nên quá đỗi kiêu ngạo, tưởng mình không có điều gì khuyết điểm nữa; do đó, những cái xấu, những cái khó chịu, mà chúng ta thấy ở những mỹ nhân, những khi ta thấy chán yêu. Trái lại, người đàn bà xấu bao giờ

cũng giữ gìn và cư xử thế nào để cho một khi người đàn ông nào đã đem lòng yêu mình thì không thể nào chán được mình nữa. Vợ tôi chính thuộc vào hạng đàn bà xấu ấy. Cho nên, về sau, tôi được hưởng của vợ tôi những sự săn sóc mà tôi đã phải đem cung cho bọn gái đẹp, những khi tôi yêu... Xưa kia tôi đã thấy cái thú vị trong sự nâng niu đàn bà thì, bây giờ, được đàn bà nâng niu, tôi càng thấy nhiều thú vị hơn nữa.

"Hôm ấy, về đến Hà thành, chúng tôi đã cùng nhau ăn một bữa cơm ở một khách sạn, điều ấy dĩ nhiên! Rồi chúng tôi lại vào một căn phòng trọ nữa, than ôi, điều ấy cũng lại dĩ nhiên! Và, khi thấy người đàn bà ấy đã dâng cái tân tiết cho tôi, tôi cảm động lắm. Tôi đã hôn đi hôn lại vào cái mặt xấu xí ấy mấy lần, với một vài ngón lệ ở mặt tôi. Và sự xúc cảm mạnh ấy không đủ ngăn chúng tôi yêu nhau hai ngày liền nữa.

"Lúc đầu, tôi không hứa si tình cũng như không hứa hôn sự. Cô ả đã yêu tôi trong một cơn rạo rực của xác thịt, cũng như tôi, tôi đã yêu cô ta sau một phút điên dại, vô lý của linh hồn. Cho nên, trước khi chia tay nhau, tôi hỏi: "Này em, nếu rồi em... có mang thì làm thế nào?" Tôi đã có thể hỏi một câu sống sượng như thế như hỏi một ả giang hồ, hay một "chị em" dễ dãi, vì sự thực, một người xấu, chẳng khi nào được hưởng cái ái tình thành thực của tôi. Nghe thấy thế, cô ả bỗng tái xám cả mặt. Thì ra cô ả không hề nghĩ đến sự có mang! Nhớ ra thì quá muộn! Cái ấy không lạ gì: thời buổi nào cũng có hàng mấy triệu phụ nữ quên rằng có thể có mang được, sau khi đã phó thác thân thể mình cho một anh đàn ông.

"Những giọt nước mắt bắt đầu chảy ra. Cô ta bưng mặt khóc, khóc, và khóc... Sau cùng, chỉ biết thốt thức nói: "Nếu thế thì... họ hàng sỉ vả, bố mẹ đuổi khỏi nhà, rồi nhục nhã, rồi khổ, phải, rồi khổ!" Thì ra cô nàng nhũn nhận đến bức không dám có hy vọng lấy tôi nữa, và cũng không dám thử hỏi một câu để có được một hy vọng bằng quơ nguy hiểm ấy nữa. Cô biết mình xấu xí, không đáng lấy một người như tôi, và không dám cả nghĩ đến sự đòi bồi thường sau cái thiệt hại do tôi gây ra. Dễ thương cô ả coi cái phút ngứa ngáy xác thịt của tôi như là một thứ đặc ân cho mình nữa. Tôi lại hỏi: "Sao lại tin tôi đến như thế? Tôi đã là đứa không ra gì, cô cũng lại hư đồn nữa!". Cô ả thờ dài, đáp: "Nếu không yêu anh thì thôi chứ cả một đời em, chắc rồi cũng chẳng ai thêm yêu đến thứ em. Thôi thì thà rằng sẽ phải khổ một đời vì đã quá yêu một phút!". Tôi đã cảm động về sự thành thực ấy một cách rất sâu xa như là chưa bao giờ tôi cảm động đến thế.

"Cuộc ái ân chốc lát ấy, rồi sau tôi cũng quên đi, và chỉ thỉnh thoảng nó mới lại đến ám ảnh tôi như một chút kỷ ức nhỏ mọn trong một giây phút mà thôi. Tôi tưởng không bao giờ còn gặp cô gái Lào Cai ấy nữa.

"Năm tháng sau, một hôm tôi nhận được một phong thư như thế này: "Thưa ông, tôi chờ ông ở hiệu cao lâu Đông Hưng, vào khoảng 11 giờ ngày 20. Tính mệnh tôi ở trong tay ông, xin ông bỏ chút thời giờ quý hóa đến cùng một kẻ khốn khổ". Tôi ngạc nhiên lắm, vì tôi không nhớ đến cô gái Lào Cai nữa. Nhất là cách xưng hô ông tôi lại làm cho tôi tưởng người viết thư là đàn ông. Tôi rùng mình, nhớ đến những ông bạn cũ nghiện hút muốn làm tiền mình. Rồi tôi đến chỗ hẹn.

"Đó là cô gái Lào Cai!

"Cô nàng lúc ấy đã có một cái bụng to một cách đáng kính trọng lắm. Chúng tôi vào ngồi trong quầy. Cô ả chỉ dám gọi tôi là ông chứ không dám xưng hô anh em, như hồi xưa".

"Cô ta nước mắt chan hòa, nói đáp ứng trong khi tôi ngồi thản nhiên cắn hạt dưa. Cô ta vẫn nhũn như trước, vẫn sợ hãi tôi như trước, vẫn ôm một mối tình vô hy vọng như trước: "Thưa ông, nếu ông là người đại lượng thì ông nên cứu sống lấy tôi, vì đứa con bé trong bụng này chính là

con ông... Nếu không tôi phải tự tử, đứa bé phải chết, vì bố mẹ tôi đã biết, họ hàng tôi sắp biết, mà nếu họ hàng biết thì tôi không sống được nữa, vì bố mẹ tôi nghiêm lắm! Xin ông làm phúc cứu lấy một người khốn khổ nhất đời! Làm lễ thứ mười, tôi cũng xin vâng, miễn là họ hàng nhà tôi được nhận trâu cau của ông! Và lại tôi cũng không đến nỗi ăn hại ông...".

"Tôi xua tay, chán nản. Tôi nghĩ: Hạng gái hư hỏng ấy thì mình lấy sao được! Nó ngủ được với mình thì nó sẽ cũng ngủ được với thằng khác! Mình không làm nó chữa hoang thì thiên hạ cũng sẽ làm cho nó chữa hoang! Thế thôi!

"Nhưng đứa bé trong bụng... con tôi! Cứ như sự kêu khóc ấy, cứ như lòng thành thực ấy, người đàn bà này mà nói đến sự tự tử đó chẳng là lời dọa nạt! Do thế, tôi nghĩ lại... Nếu ai cũng lý luận như tôi thì trong đời chẳng còn ai lấy nhau vì tình, chẳng làm gì có những cuộc tiền dâm hậu thú nữa, bởi có kẻ bạc tình nào cũng đã lý luận y như tôi! Phải chăng người đàn bà nào đã quá tin một anh đàn ông không thể khác được! Trong một phút mà linh trí tôi sáng suốt khác thường, tôi đã thấy mình hèn mạt, ích kỷ, khốn nạn! Tuy nhiên, tôi còn thử thách: "Có chắc rằng đứa bé ấy chính là con tôi không?" Đến đây, cô ả nức nở, buông xuôi hai tay, hoàn toàn thất vọng: "Giời ơi, nếu ông hỏi thế thì thôi, tôi chỉ còn có một cách là tự tử!". Cái thành thực ấy khiến tôi không còn phải nghi ngờ lỗi thôi.

"Tôi còn hỏi vặn nhiều câu, nhưng lần nào, cô ả đại dột ấy cũng chỉ tỏ ra là người thành thực cực điểm.

"Ấy thế là... một người cầu kỳ, khó tính như tôi, đã cam đoan rằng nếu không lấy được cô gái đẹp nhất Hà thành thì xin thế là sẽ không lấy vợ, mà tôi, sau cùng đi lấy phải cô gái xấu xí nhất Bắc kỳ!"

Câu chuyện nói xong thì bữa rượu cũng vừa tàn. Chúng tôi bước ra, tôi để đi đến tòa xứ Hà Đông, Doãn để đi đến nhà ông cậu vợ mà vợ anh chờ anh tại đó.

Tôi an ủi:

- Thôi, đó cũng là duyên số, không cần thiết phải lấy vợ đẹp, chỉ cần có nhân ngãi đẹp. Và lại, như anh đã nói, đáng lẽ anh phải nâng niu vợ thì mới thấy thú vị, thì bây giờ anh lại được thấy cái thú vị ở chỗ vợ anh nâng niu anh. Thế cũng đủ là hạnh phúc.

Nhưng anh Doãn bấu mồm:

- Bẩm không ạ! Thưa ông, nó chỉ chiều dãi tôi có mấy tháng đầu mà thôi. Bây giờ, có con với nhau rồi, vợ tôi chẳng cần gì nữa. Nó đã bắt đầu nặng lời với tôi, nghe chị em ăn mặc rất lố lăng, và ghen lắm, ồ! Ghen lắm, hể tôi đi chơi khuya là thế nào cũng đập phá đồ đạc chạy ra đường kêu cứu "ông bà hàng phố", ăn ở rõ ra một vị đức phụ chính thất có nhiều quyền và biết tự trọng

1937

Hà Nội những năm 1930 nhìn từ cầu Long Biên Lại Nguyên Ân

(Qua một sáng tác của Vũ Trọng Phụng)

Không phải ngẫu nhiên các nhà mỹ học đánh giá cao khả năng của văn xuôi hiện đại với ưu thế ở giác quan cụ thể-lịch sử, ở cảm quan sắc nhạy về cái hàng ngày của đời sống mà văn xuôi ấy miêu tả. Đọc lại một truyện ngắn, tức là một sáng tác hư cấu của Vũ Trọng Phụng, viết năm 1931, ta sẽ xác nhận điều đó.

Đây là câu chuyện một thanh niên nhà nghèo ở bờ bắc sông Hồng, làm nghề kéo xe tay, không may gặp nạn, bị cưa mất một bàn chân, phải bỏ nghề kéo xe... Bị người anh hất hủi, thằng Hai Xuân, tên chàng trai mới lớn này phải bỏ nhà cửa, cha mẹ, một mình "chống nạng lên đường", qua cầu vào thành phố kiếm sống...

Ta tạm chưa bàn đến sự bần cùng hóa con người ở môi trường bất bình đẳng, đề tài thường trực của ngòi bút Vũ Trọng Phụng; xin dừng lại ở những gì nhà văn này ghi lại về cảnh quan Hà Nội những năm đương thời ông, trong truyện ngắn này là một góc nhìn Hà Nội từ một điểm trên thành cầu Long Biên, ở đầu cầu phía Bắc. Nhà văn đặt nhân vật của mình ngồi ở đó, nhìn về bờ nam, nhìn vào thành phố.

Mặt trời đỏ hỏn như một hòn than tròn đã từ từ rã những đám mây chồng chất lên nhau mà lặn xuống chân trời; trước mắt nó, dãy núi Tản Viên ba chòm xanh biếc, mập mờ trong đám sương nhòa dưới chân điểm ngang một nét xanh xanh biếc bao làng mạc, đứng sừng sững như một bức trường thành trên mặt nước đỏ ngầu. Sông Nhị bấy giờ đang ào ào đập bọt vào mấy chân cầu, dữ dội mà hung hăng như một người điên bị ai trêu ghẹo. Trông về đằng đông, lại dòng nước Nhị Hà, dài rộng mênh mang, hai bên bờ xa nhau mờ mịt, mấy cánh buồm căng thẳng, xa lơ xa lắc, xa đến nỗi tuy con thuyền đang chạy băng băng mà trông vẫn phải tưởng như không, như chỉ cầm sào một chỗ.

Thành phố Hà Nội, phơi mình dưới một tầng mây dài dằng dặc mà đỏ ối như thể đám lửa hung hăng, pho lên những rặng mái nhà chỉ chít nhấp nhô, mảng đen mảng đỏ, rồi, nhoi lên cao hơn hết thấy, này ngọn cột cờ và ống khói sở Máy tơ tiêu điều vì không đặc dụng, này đôi trụ nhà thờ chính đưa ra những hồi chuông văng vẳng chiều hôm, này mấy cột vô tuyến điện làng Vọng mập mờ mà cao ngất, lênh khênh như muốn chọc trời.

Không chỉ phác một toàn cảnh tĩnh về cảnh quan thành phố, nhà văn còn ghi lại một nếp sinh hoạt của người Hà Nội có lẽ chỉ tồn tại vào thời gian ấy: đi "hóng mát" trên cầu, mỗi khi chiều xuống, đi bộ, đi xe, từ nội thành sang rồi trở về. (Nếp sinh hoạt này hẳn đã mất ngay từ đầu những năm 1940, lúc không khí chiến tranh bao trùm khắp nơi, thành phố phải lo phòng thủ...). Trên cầu lúc ấy không thấy bọn người áo quần lam lũ, gồng gánh qua lại nữa. Cái giờ ấy là cái giờ đuổi bọn người kém phúc này tắt tả về nhà, chúi đầu vào bếp vùn niều cơm gạo đỏ bùng lên xới cho một ông bố hay một bà mẹ mù loà hoặc ôm vội lấy đứa con gầy gầy, từ sáng chưa trông thấy mặt mẹ, nhét cái vú mướp vào miệng nó mà cất giọng "à ơi...", rủ nhau nấu mình dưới những mái tranh lụp xụp cho khỏi làm bẩn mắt bọn tỉnh thành, bọn giàu hay có cái về giàu bấy giờ đã nghênh ngang, lũ lượt, kéo nhau lên hóng mát.

Những đoàn xe hơi bệ vệ mà không lịch sự, nối đuôi nhau, tiếng còi inh ỏi, sang sang, về về, dồn các bác phu xe ngựa ngực kéo, hót hơ hót hải chạy vào những chỗ tránh của họ, hình ảnh cái mãnh lực tuyệt đối của cơ khí với nhân công, mà chẳng cứ ở xứ nào, cơ khí bao giờ cũng chỉ lợi riêng cho một bọn.

Chiều xuống, đêm về, cầu Long Biên và thành phố được ghi nhận với thứ ánh sáng nhân tạo tân tiến: ánh sáng đèn điện.

Mặt trời lúc ấy đã lặn hẳn, nhường cho những ngôi sao lặn tẩn lấp lánh trên khoảng không trung. Dãy đèn điện trên cầu, trong một cái chớp mắt, đã rủ nhau bật đều lên cả, lộ ra những đám lửa đỏ hung hung có vẻ buồn rầu và kèm cho mỗi người dạo mát một cái bóng hiện trên những thửa gỗ lim, nó lặng im, bé lại hay dài ra tùy ở con người đứng yên một chỗ hay đi đi lại lại.

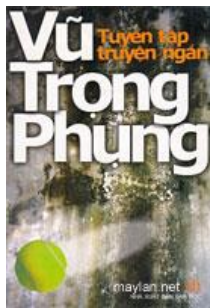
Trông về Hà Nội, dưới tầng mây bạc lộn vẩy tê tê, thành phố tung lên một dải hào quang sáng lòa cả mắt mà kéo dài một mạch từ ô Yên Phụ đến tận Lò Lợn giáp với Thanh Trì, dãy đèn điện bờ sông ra công "phá tối" sáng quắc và thẳng băng như chuỗi hạt kim cương.

Cho nhân vật một "điểm nhìn" trên thành cầu phía bắc, ngòi bút Vũ Trọng Phụng còn đặc tả một vài góc nhìn khác nữa: nhìn xuống mặt sông mùa nước lớn mênh mông, nhìn cảnh đám người đi dạo trên cầu dừng lại xem đoàn tàu hỏa qua cầu vào thành phố...

Thay vì trích dẫn tiếp, xin mời bạn đọc xúc tiếp với toàn bộ câu chuyện của nhà văn Vũ Trọng Phụng, khi ấy là một cây bút 19 tuổi. Bên cạnh chàng trai bất hạnh ngay từ lúc vào đời, cây Cầu Sắt, tức là cầu Long Biên có thể nói cũng là một "nhân vật" của truyện ngắn này.

Tháng 9/2010

Một phương diện của trào phúng Vũ Trọng Phụng Hoàng Ngọc Hiến



Vũ Trọng Phụng đã quan niệm và nhìn cái rơm như thế nào? Trang tử có phân biệt hai cách nhìn và hiểu thế thái nhân tình: bằng tiểu trí và bằng đại trí. Người nhìn đời bằng tiểu trí coi trọng sự biệch biệt các giá trị, nhất là những giá trị đối đãi (tức là đối lập), phân biệt thị và phi, phải và trái, chính và tà, thiện và ác, đẹp và xấu, rơm và "thật"... Chẳng những phân biệt mà còn vạch ra đường ranh chia cắt thật sâu, tinh thần tiểu trí được đẩy tới cùng có khi phải khoét sâu hố thẳm giữa những giá trị đối đãi thì mới hả. Chúng ta có thể hình dung được bộ mặt đão để và riết róng của những người tiểu trí phăng phăng vạch đường ranh và xúc đất đào sâu hố thẳm... Nhìn đời bằng đại trí thì khác. Tất nhiên người đại trí có biết sự phân biệt những giá trị đối đãi, họ có năng lực biệch biệt, thậm chí biệch biệt rất rành, nhưng khác với người tiểu trí, không dừng lại ở sự biệch biệt. Nhận thức của đại trí, đúng hơn, "trực cảm tuệ tính" (Cao Xuân Huy) của đại trí có quan điểm "chủ toàn" (1) về thế giới con người và vũ trụ. Với quan điểm này, những hiện tượng và giá trị của cuộc sống hữu hạn được nhìn từ cái nền đại toàn, cũng có thể nói là "thái cực toàn" của tồn tại, cái nền này bao trùm tổng thể vô hạn, trong đó không còn sự phân biệt về thời gian và không gian, trong đó những giá trị đối đãi không còn đối lập nữa, thậm chí không khác biệt nữa, mà giả sử như còn sự khác biệt thì nó cũng rất khác sự biệch biệt trong cách nhìn của tiểu trí. Trên cái nền của tổng thể vô hạn và vô cùng vô tận, thì cái rơm và cái thật cũng như cái phải và cái trái, cái vinh và cái nhục, cái đẹp và cái xấu, cái sang và cái hèn..... có khi chỉ là những nét khác nhau trong cái rộng lớn vô cùng và đa dạng vô tận của thực tại hữu thể và vô thể. Nói một cách nôm na, rơm và thật là hết sức tương đối. Có nhiều dạng biểu hiện của tính tương đối. Trước tiên là: trong "rơm" có "thực", trong "thực" có "rơm". Ngay Xuân tóc đỏ, một nhân vật điển hình cho rơm không phải là không có năng lực thật. Xuân là sinh viên trường thuốc rơm, là "thượng lưu trí thức" rơm, là thi sĩ rơm...nhưng năng lực đánh quần vợt của Xuân là tài năng thực, hơn nữa, một tài năng xuất chúng, không chỉ được chứng

nhận bằng học hàm học vị mà được chứng tỏ ngay trong giao đấu trên sân. Ngược lại trong xã hội Số đỏ có bao kẻ hèn tự cho mình là trí thức “thật”, có bằng cấp hèn hoi, có danh tiếng, đã từng du học..., lại được quần chúng mến mộ như là những uy tín lớn nhưng ở họ không có một giọt năng lực nào gọi là thực. Cái rơm thường đi đôi với thối ba hoa (và trong xã hội thị trường sẵn sàng núp sau quảng cáo). Có lẽ đây là một hiện tượng phổ biến trong những xã hội đi vào con đường Âu hoá mà trình độ dân trí còn thấp. Trong những xã hội như vậy, quần chúng lại dễ dàng cả tin vào lời lẽ ba hoa của cái rơm (đây cũng là một đề tài hay được bàn lướt qua trong Số đỏ). Tác giả Số đỏ đã xây dựng những nhân vật trào phúng của mình trước hết bằng một tiểu trí “sắc sảo”, “mặn mà”. Ở họ, cái rơm được cường điệu, được biếm hoạ... Nhưng không thể nói là Vũ Trọng Phụng ghét những nhân vật nhếch nhác, lối bịch này; ông thích thú họ và hài hước của ông đặc biệt khởi sắc, đặc biệt díp dỏm khi viết về họ, từ Min đơ, Min toa đến ông Hồng, cụ Cố, từ Tip-phờ-nờ, ông Mọc sừng đến Bà Phó Đoan, Xuân tóc đỏ... Có thể nói là tác giả rất yêu những nhân vật của mình, ấn tượng này hoàn toàn không có khi chúng ta đọc Giông tố chẳng hạn. Sự thích thú này và tình yêu này là những biểu hiện của một cái nhìn đại trí. Hơn nữa trong Số đỏ, cái rơm tự bộc lộ một cách “hồn nhiên” và ngang nhiên, tuồng như những nhân vật hài hước trong đó, dù có nhếch nhác, lối bịch đến đâu thì họ cũng là những con người trong cuộc đời, những con người vốn là như vậy và cuộc đời thì cũng vốn là như vậy. Trào phúng của Vũ Trọng Phụng kết hợp tiểu trí và đại trí. Chỉ với tiểu trí cũng có thể làm được những tác phẩm nghệ thuật hấp dẫn, mặn mà, nhưng nghệ thuật lớn đòi hỏi đại trí.

Dị ứng với cái rơm của Vũ Trọng Phụng bộc lộ ngay trong cuộc đời thực tại của nhà văn. Sau đây là câu chuyện một lần dị ứng của Vũ Trọng Phụng được thuật lại trong Nhật ký và ghi chép của ông Trần Văn Sáng (2), một ký giả đương thời với nhà văn họ Vũ. Chuẩn bị đến tòa soạn một tờ báo, ông Sáng “thắng bộ thật bảnh” và “không quên thoa một lượt phấn nhẹ trên mặt cho thêm phần điển trai”. Đến tòa soạn, ông Sáng được giới thiệu với nhà văn Vũ Trọng Phụng, trước đó hai người chưa hề quen biết. Nói chuyện với nhau một hồi, ông Phụng - tất nhiên sau những câu rào đón - nói với ông Sáng: “...Tôi muốn đối với anh thật chân thật. Vậy tôi xin nói toạc. Chúng mình, nam nhi, có cái đẹp tinh thần. Hà tất phải phủ lên da mặt một lớp phấn”. Trong tập Nhật ký lại có một mẩu chuyện khác. Ông Phụng đến thăm ông Sáng. Mở cửa đón bạn, Vũ Trọng Phụng tươi cười bước vào, “y phục rất trang nhã. Màu ngà bộ dũi thẳng nếp ăn ý với màu xanh da trời áo sơ mi thừa ca vát màu cánh chả toàn tợ, loại đắt tiền. Đầu đội mũ dạ Mossant xám nhạt, chân dận giày daime trắng,...có vẻ sang trọng kín đáo...” Thấy bạn trầm trồ, Phụng nhã nhặn: “Anh tính tôi có muốn thế đâu!... Ở cái đất Hà nội mà con người cứ bị đánh giá qua cái bề ngoài, cái vỏ y phục để trọng hay khinh thì... chắc!... đành theo thôi... Tôi nghèo nên tôi càng phải giữ gìn nhân phẩm, không thể để cho nó quá... hủi” (nghèo nhưng vẫn cứ phải y phục tươm tất để “giữ gìn nhân phẩm”: đây là một nét rất dễ yêu và đáng thương của người Hà nội, và một lần nữa ông Vũ chứng tỏ là một người Hà nội gốc). Trong quan niệm của Vũ Trọng Phụng, “đàn ông mà thoa phấn lên mặt” là rơm, “vỏ y phục” “bề ngoài”... là rơm. Qua mẩu chuyện thứ nhất ông dị ứng với cái “rơm” và đây là biểu hiện của tiểu trí; qua mẩu chuyện thứ hai ông chấp nhận cái “rơm”, đây chưa phải là đại trí, nhưng là bước đầu tiếp cận đại trí.

Một sự trùng hợp lý thú là trong dịp kỷ niệm này, 90 năm sinh nhà văn Vũ Trọng Phụng thì trên tuần báo Văn nghệ (3) đăng truyện ngắn Ronan Keating của Lê Minh Khuê. Tôi chú ý đến truyện này vì nó đã giúp tôi hiểu sâu hơn những quan niệm của Vũ Trọng Phụng về rơm. Trong truyện, “rơm” bành trướng khắp toàn cầu, khắp nơi những ca sĩ nhạc hiện đại tung hoành trên sân khấu và hàng biển người trẻ tung hô họ, “trần lên quanh họ, muốn chồm qua và nhấn chìm họ”. Ở Việt Nam cũng vậy thôi. Tuy nhiên tác giả hiểu rất rõ tính tương đối của “rơm” và “thật”. Trong hàng ngàn sao và siêu sao thì ít nhất cũng có một Ronan Keating và biết đâu ở mỗi “siêu sao” rơm chẳng có ít nhiều chất Ronan Keating. Và trong biển người ca nhạc hiện đại cuốn hút, không phải tất cả đều là fans (đám người sùng bái cuồng nhiệt), có những người như Vũ Thị Hạ đến với âm nhạc với một tấm lòng triu mến “bình thần”, âm nhạc đối với họ không phải là

những thần tượng, đó là say mê và “đại trí” của Ronan Keating: “Tội ác, đó là khẳng định trong thế giới có tồn tại cái gì đấy không phải là con người, không tạo ra cho con người dấu hiệu nào, không có cái gì chung với con người. Tội ác là thừa nhận sự tách biệt khoảng cách này, không cần tìm cách thanh cao hóa nó dù là ít nhất” (trích lời của Ronan Keating được dẫn trong bài tập làm văn lớp 12 của Hạ). Như vậy là trong “rờm” có “thật”. Và trong “thật” cũng có “rờm”. Ông thầy giáo già trong truyện là một người trung thực và lão thực. Nhưng có một lần ông đã “rờm”. Ông chẳng biết R. Keating là ai cả nhưng trước câu nói của cô học sinh phía ra Keating “có lẽ là thế kỷ 18” thì ông cũng nói mẽ một câu: “...hình như thầy cũng đã đọc ông ta..”. Ông già lão thực này có câu nói đầu miệng: “...thôi thì làm như mọi người...”. Trên thực tế “làm như mọi người” có nghĩa là “rờm như mọi người.” Nhân vật Hạ có dị ứng đặc biệt nhạy cảm với “rờm”. Nó kinh nhất món vịt “chay” làm bằng hoa chuối rán của bà nó: “là vịt mà không phải là vịt”. Biết thầy giáo nói mẽ về Ronan Keating nó đã “ngghiêm nghị nhìn thẳng”. Hành động “phá quấy” của nó trong kỳ thi học sinh giỏi văn thực chất là dị ứng với cái rờm tầm cỡ quốc gia. Tuy nhiên dần dần nó cũng nghiệm ra được mình triết trong câu nói đầu miệng của người thầy giáo già. Nó biết quá rõ thực chất của những lớp luyện thi đại học, nhưng cuối cùng, nghe lời thầy giáo, nó lên tỉnh học luyện thi như mọi người. Và nó đã đỗ đại học. Ở nhân vật Vũ Thị Hạ, cũng như ở nhà văn Vũ Trọng Phụng (phải chăng sự trùng hợp họ Vũ là tình cờ), dị ứng với cái rờm là biểu hiện của tiểu trí, nhưng biết chấp nhận cái “rờm”, tức là chấp nhận một phương diện cơ bản của cuộc sống như nó vốn có, đó là bước đầu mon men đến với đại trí.

Số đỏ của Vũ Trọng Phụng ở trong số rất ít truyện đọc xong độc giả cảm thấy có cả một “xã hội Số đỏ”, một “thế giới Số đỏ.” “Xã hội” này, “thế giới” này được nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh định nghĩa bằng một loạt “bịp”: “Âu hoá bịp, cải cách bịp, thể thao bịp, tu hành bịp, khoa học bịp, đốc tờ bịp, triết gia bịp, nghệ thuật bịp, luật pháp bịp, vĩ nhân anh hùng cũng bịp...” (4) Có thể bổ sung định nghĩa này bằng một loạt “rờm”: “Âu hoá rờm, cải cách rờm...tu hành rờm, khoa học rờm...nghệ thuật rờm, luật pháp rờm...” Rờm có khác bịp. Bịp bao giờ cũng gian manh, có “cơ tâm, xảo trí” nhưng cái rờm có thể “vô tư” (hiểu theo nghĩa hiện đại của từ này), và văn hài hước của Vũ Trọng Phụng đặc biệt khởi sắc, đặc biệt dí dỏm và hóm hỉnh ở những đoạn miêu tả cái rờm tự trình bày một cách “hồn nhiên” và ngang nhiên. Còn những cử chỉ, những hành động bịp bợm tác giả chỉ kể một cách qua loa hoặc lướt qua (chẳng hạn khi Văn Minh bịp bợm giới thiệu Xuân là sinh viên trường thuốc năm thứ ba hoặc việc Xuân dúm lên truyền đơn vào túi hai đối thủ của mình). Rờm có thể là bịp nhưng không nhất thiết là bịp. Thờ của Xuân là rờm, không phải là bịp. Âu hóa của nhân vật chính trong truyện ngắn Từ lý thuyết đến thực hành của Vũ Trọng Phụng gọi là “rờm” thì đúng hơn là “bịp”. Trong Số đỏ khi có sự kết hợp giữa cái “xấu xa” thật và cái “súng sính”rờm thì châm chọc hài hước của tác giả thường chĩa vào cái rờm. Khi bà phó Đoan “mừng thầm rằng mình đã trót hư hỏng một cách có tính chất khoa học” thì cái buồn cười không phải là sự hư hỏng “thật” của bà phó Đoan, mà sự súng sính khoa học rờm của bà khiến chúng ta cười. Ngoài ra, người đàn bà goá này lố bịch không phải vì những ham muốn tình dục thường tình mà vì miệng bà lại cứ hay rêu rao chuyện phẩm giá thủ tiết, súng sính “tiết hạnh” rờm.

Trong Số đỏ, Âu hoá rờm, văn minh rờm, khoa học rờm... có những biểu hiện đa dạng. Nhà mỹ thuật Típ phờ nờ cổ vũ cho sự Âu hoá về nữ quyền, về thời trang mô - dec cho phụ nữ, nhưng đấy là cho “vợ con, chị em người khác” còn “vợ con, chị em của tôi” “cứ phải theo cổ”. Sự phê phán Âu hoá rờm đã được khái quát và nâng lên thành sự phê phán mọi lý thuyết và tư tưởng rờm trong truyện ngắn Từ lý thuyết đến thực hành. Bản chất của lý thuyết rờm đã được định nghĩa hết sức ngắn gọn: lý thuyết rờm chỉ là lý thuyết ở “cái lỗ mồm mà thôi.”(5) Trong quan niệm của tác giả, lý thuyết cũng như tư tưởng chân chính nhất thiết phải tác động tới những sự thay đổi trong cảm xúc, trong nếp nghĩ, trong những hành động và những cách ứng xử ngay trong đời sống. Qua sự suy sụp thảm hại của nhân vật chỉ Âu hoá “ở cái lỗ mồm thôi” trong truyện, phải chăng Vũ trọng Phụng đặt ra những yêu cầu rất cao cho sự Âu hóa: đây là một quá

trình trọng đại trong sự tiến triển của xã hội Việt Nam thế kỷ XX và sang thế kỷ XXI vẫn giữ nguyên tính chất trọng đại của nó. Trong Số đỏ, tính cách trí thức rởm được phơi bày ở nhiều khía cạnh. Một khía cạnh lý thú là Xuân tóc đỏ nói huyền thoại và nói rất hay về nghệ thuật nhưng đến lúc bàn đến cái “gu” (gout) trong nghệ thuật thì ngẩn tò te. Tác giả đưa ra một tiêu chuẩn quan trọng để phân biệt trí thức rởm và trí thức thật. Trí thức rởm có thể nói rất trôi chảy, rất hay, có khi hay hơn trí thức thật nhiều nhưng về mặt những kiến thức sơ đẳng và cơ bản luôn luôn bị lỗ hổng. Một khía cạnh lý thú khác là mối quan hệ giữa trí thức rởm và “bình dân”. “Bình dân” là một phạm trù phức tạp: mặt mạnh của bình dân là tính chất quần chúng, tinh thần dân chủ, mặt yếu là sự vô học, tính chất tự phát và tất cả những sự nhếch nhác sinh ra từ đó. Có thể ông Vũ chưa thấy hết sức mạnh của bình dân như chúng ta ngày nay nhưng ông đã thấy khá rõ những sự nhếch nhác của họ. Bản chất của trí thức “rởm” được Vũ Trọng Phụng phơi bày trong sự so sánh với kẻ vô học. Một chi tiết thiên tài của tác phẩm Số đỏ là câu nói của Xuân tóc đỏ trước sự ba hoa của đốc tờ Trục Ngôn về lý thuyết Frót: “Chỗ anh em mình với nhau cần gì còn phải giảng giải”.

Có hai cách đánh giá trào phúng của Vũ Trọng Phụng trong Số đỏ: đó là “một lối hoạt kê không lấy gì làm cao lắm” (Vũ Ngọc Phan) và tiếng cười Số đỏ “là không ai bắt chước được, không ai theo kịp được” (Vũ Bằng). Tôi thiên về cách đánh giá của Vũ Bằng. Trong những tác phẩm văn xuôi trào phúng Việt Nam thế kỷ trước có thể tìm thấy những câu hài hước hay không kém gì những câu hài hước hóm hỉnh nhất trong Số đỏ, những tình thế hài hước cũng oái oăm và ngộ nghĩnh như trong Số đỏ, những nhân vật cũng rất buồn cười và hấp dẫn, nhưng không có một tác phẩm nào tạo ra được cả một “xã hội hài hước”, một “thế giới hài hước” như Số đỏ.

Không thể nói rằng đối tượng trào phúng của tác giả Số đỏ chỉ giới hạn ở những “ông chủ, bà chủ” của xã hội cũ. Thực ra tác giả đã tạo ra cả một xã hội hài hước, trong đó ai cũng buồn cười, ngớ ngẩn, ngô nghê, lỗ bịch giống như những con rối và với ai thích phân loại, các nhân vật trong xã hội này có thể phân ra như sau:

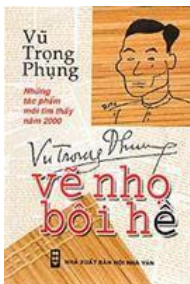
- Loại nhân vật “ông chủ, bà chủ” (bà Phó Đoan, cụ Cố...).
- Xuân tóc đỏ, nhân vật trung tâm, thuộc thành phần “bình dân”.
- Văn Minh, đốc tờ Trục Ngôn, nhà sư chủ nhiệm tờ Gõ mõ, nhà mỹ thuật TYPN, ông hội viên Khai trí tiến đức,... sắp vào loại nhân vật trí thức thì đúng hơn là “ông chủ, bà chủ”.
- Ông Cẩm Tây, viên Quản, lính Min đơ, Min toa..., xét về thành phần xã hội, thuộc bộ máy đàn áp của chính quyền thực dân.

Đáng chú ý là ở loại nhân vật sau cùng, tác giả không phơi bày “bản chất gian ác” của họ, ông Cẩm Tây cũng như lính Min đơ, Min toa chỉ là những con người buồn cười, lỗ bịch, không gây ác cảm ở độc giả, họ cũng là nạn nhân của những nguyên tắc quan liêu hành chính máy móc. Phân tích Số đỏ không nên đặt vấn đề mũi nhọn trào phúng chĩa vào giai cấp nào. Tác giả đã tạo ra cả một xã hội hài hước trong đó nhất cử nhất động của bất kỳ nhân vật nào đều khôi hài, lỗ bịch từ “Em chã” đến cụ Tổ, từ trí thức đến bình dân, từ nhà sư đến cảnh sát..., cả hai người thợ lúng túng với “cái thẹo chống lên” và “cái thẹo chúc xuống” cũng trở thành nhân vật hài, ngay đến nhân vật người vú già vô tội tác giả cũng gài vào một ngón đùa: nhân vật này nghĩ rằng “sân quần” là sân “phơi quần”. Tóm lại, mọi người đều buồn cười, không phân biệt trẻ già, trai gái, thành phần xã hội, tôn giáo... Về mặt mỹ học (hài hước là một quan hệ mỹ học) tác giả đã tạo ra được một thế giới nghệ thuật hoàn tất, thống nhất: tính chất hoàn hảo của tác phẩm Số đỏ ở đây. Mặt khác, sáng tạo ra một thế giới nghệ thuật như vậy, mục tiêu trào phúng của tác giả lớn hơn sự phê phán một giai cấp, tiếng cười của tác giả phủ định cả một xã hội ngớ ngẩn, nhí nhố, lỗ bịch, nhố nhăng. Nội dung tư tưởng của Số đỏ đạt tới trình độ phổ quát, tác giả phê phán một loạt thói rởm, tật xấu có thể trở thành phổ biến ở mọi chế độ xã hội: cấp tiến rởm, bình dân rởm, trí thức rởm, nghệ thuật, khoa học rởm, tước hàm rởm, bằng sắc rởm.

Trào phúng trong tác phẩm *Số đỏ* không phải là trào phúng “đả kích” (pamphlet). Trong thể loại “văn đả kích”, đối tượng đả kích bị xem là địch, là kẻ thù, thủ pháp đả kích thường dùng là “đánh vỡ mặt”, đánh “tiêu diệt”, viết văn đả kích chính là một dịp để tác giả trút ra sự căm ghét, khinh bỉ của mình đối với đối tượng. Trong *Số đỏ*, Xuân tóc đỏ, những nhân vật ông chủ, bà chủ và trí thức rơm được miêu tả với những cử chỉ, hành động nhếch nhác, bệ rạc nhưng độc giả không cảm thấy ghét họ như là ghét địch, ghét kẻ thù. Có thể trong cuộc sống, tác giả cảm thấy khinh ghét họ, nhưng trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, chịu sự chi phối những quy luật thể loại, những tình cảm này đã biến thức và hòa vào tình cảm hài hước. Hài hước là một tình cảm mỹ học có giá trị nhân bản và sức cảm hoá to lớn. Tình cảm hài hước che giấu những gì đáng khinh đáng ghét, đồng thời làm dịu đi những tình cảm khinh ghét. Văn đả kích chỉ là một biệt loại của văn trào phúng có chức năng và thi pháp đặc biệt không nên “đả kích hoá” toàn bộ văn trào phúng. *Số đỏ* là một tác phẩm trào phúng hài hước. Luật chơi của trào phúng hài hước như thế nào? Tác giả hài hước là một người biết cười, biết đùa, đùa dai và đùa đến cùng. Đọc *Số đỏ* cảm thấy tác giả chơi và đùa đến cùng với những nhân vật trào phúng của mình. Và trong sự chơi đùa nghệ thuật này tác giả không thể xem chúng là kẻ thù của mình mặc dù chúng mang những thói rơm, tật xấu mà tác giả rất ngán.

1. Xem Cao Xuân Huy, Tư tưởng phương Đông. Gợi những điểm nhìn tham chiếu, Văn học, 1995, xem Phần thứ nhất. Chủ toàn và chủ biệt, hai ngả rẽ trong triết học Đông Tây. Việc đề xuất hai khái niệm chủ toàn và chủ biệt là một đóng góp quan trọng vào Triết học so sánh Á - Âu. Việc triển khai hai khái niệm này sẽ gặp khó khăn nếu như lại dùng tiểu trí để vạch đường ranh chia cắt chúng. Quan điểm “đại trí” của Trang tử có chỗ khác với quan điểm “chủ toàn” của Cao Xuân Huy, quan điểm trước thiên về bình diện giá trị luận (axiologique), quan điểm sau trước hết thuộc bình diện nhận thức luận (épistemologique).
2. Xem Cửa biển, tạp chí Văn Nghệ của Hải Phòng số 13, 1993.
3. Văn Nghệ, số 40, 5/10/2002.
4. Vũ Trọng Phụng, Về tác giả và tác phẩm, N.x.b. Giáo dục. tr.445.
5. Truyện ngắn Vũ Trọng Phụng, N.x.b. Hội nhà văn, 1996, tr. 238. Báo cáo đọc ở cuộc hội thảo nhân dịp Kỷ niệm 90 năm ngày sinh nhà văn Vũ Trọng Phụng do Viện Văn học tổ chức ngày 16/10/2002.

Phụ đính



Giới thiệu *Về nhọ bôi hề*,
sưu tập tác phẩm Vũ Trọng Phụng
của một nhà Việt học nước ngoài
Lại Nguyên Ân

Đầu tháng 12/1999, tức là khoảng chừng một tháng sau khi những trang chế bản cuối cùng thuộc tập 5, tập cuối cùng của bộ sách *Toàn tập Vũ Trọng Phụng* (biên soạn và xuất bản nhân dịp kỷ niệm 60 năm mất nhà văn) ⁽¹⁾ đã gửi đi nhà in, có một sự việc đối với chúng tôi đáng kể: khoảng gần hai chục tác phẩm đăng báo của Vũ Trọng Phụng, lần đầu tiên trong vòng 50 năm nay, đã được tìm thấy lại văn bản, thậm chí không ít cái được phát hiện lại lần đầu.

Người tìm thấy văn bản của tác phẩm này là một nhà giáo Mỹ: anh Peter Zinoman, giảng viên môn lịch sử Đông Nam Á tại đại học California ở Berkeley.

Tôi cũng chỉ mới biết Peter Zinoman từ 1997, khi anh nhờ một giảng viên đại học ở Hà Nội đưa tới gặp tôi, ngõ ý muốn được cho biết thêm các nguồn tư liệu về tác giả Vũ Trọng Phụng. Anh nói anh đang dịch *Số đỏ* ra tiếng Anh. Vì sao một chuyên gia sử học lại chú ý đến sáng tác của một nhà văn? Thì ra thế này. Đề tài Peter Zinoman chọn cho luận án Tiến sĩ sử học của mình là chế độ nhà tù của thực dân Pháp ở Việt Nam. Mà nghiên cứu sử học ở Âu Mỹ hiện giờ rất chú trọng tìm các dữ liệu thông qua báo chí, văn chương, nghệ thuật. Anh đọc đủ loại tài liệu liên quan từ xa đến gần, về văn học thì không bỏ qua những hồi ký cách mạng trong đó có nói đến giam cầm, tù đầy, cũng không thể bỏ qua những sáng tác truyện, tiểu thuyết có nói đến nhà tù. Và thế là anh đã tìm đọc *Người tù được tha*...

Đi tìm, thông qua sự thể hiện văn học, một đề tài lịch sử, anh bắt gặp một nhà văn. Sáng tác của ông thu hút anh. Anh tìm đọc hầu hết tác phẩm của ông, qua những cuốn sách mới in lại từ 1987 trở lại đây, lại cũng tìm đọc hầu hết những bài phê bình nghiên cứu về Vũ Trọng Phụng.

Tới cuối năm 1999, khi cùng vợ con (vợ anh là người Việt) trở lại Việt Nam, Peter Zinoman cho hay đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, nội dung luận án đang được in thành sách; bản dịch *Số đỏ* ra tiếng Anh cũng đã hoàn thành, anh đang đưa một số bạn bè người Mỹ đọc để xem cảm tưởng ra sao, lại cũng muốn được góp thêm ý kiến về chất lượng dịch thuật, trước khi chọn một nhà xuất bản thích hợp cho việc công bố tác phẩm này với độc giả Mỹ. Ngoài ra, và đây là điều chủ yếu tôi muốn thông tin trong bài này, Peter Zinoman đã đến Thư viện quốc gia Pháp ở Paris tìm đọc vi phim (microfilm) kho sách báo tiếng Việt trước 1945. Trên hai chục tác phẩm của Vũ Trọng Phụng được anh tìm ra từ nguồn lưu trữ ấy.

Tôi đã kịp hỏi các “chuyên gia về Vũ Trọng Phụng” như Văn Tâm, Nguyễn Đăng Mạnh, v.v... (vốn cũng được P.Zinoman tặng một bộ bản chụp các tác phẩm nói trên) về chùm tác phẩm mới tìm thấy này; các ông đều thừa nhận trong số này có những tác phẩm được thấy lần đầu. Có thể nói, đây là lần bổ sung đáng kể nhất vào những thống kê về tác phẩm của tác giả này, tính từ khoảng 1956, tức là từ khi tác giả Vũ Trọng Phụng trở thành một đối tượng khảo sát nghiên cứu thực thụ. Hồi 1987, khi tác phẩm của nhà văn lại bắt đầu được tái bản rộng rãi sau 30 năm vắng bóng, phạm vi biết về tác phẩm của nhà văn này của các giới nghiên cứu, biên khảo cũng chỉ tương đương như phạm vi mà các nhà nghiên cứu biết về ông, hồi giữa và cuối những năm 1950. Chỉ có một bổ sung nhỏ: đầu những năm 1990, giáo sư Đỗ Tất Lợi, trong một chuyến sang Paris, tìm chụp đem về thêm được 3 truyện ngắn thời đầu của Vũ Trọng Phụng, đăng trên *Ngọ báo* hồi 1931, 1932. Sau nữa, những năm 1990, học trò ông Nguyễn Đăng Mạnh tìm chụp được bản dịch kịch *Giết mẹ* ở Thư viện quốc gia Hà Nội. Người ta biết rằng tác phẩm của Vũ Trọng Phụng còn nhiều hơn, nhưng hình như các nhà nghiên cứu cảm thấy có tìm kỹ chắc cũng không có gì sánh được *Giống tổ*, *Số đỏ*, mà đi tìm thì sách báo cũ hư nát, mất mát ngày càng nhiều, các nhân viên thư viện thì hay giở giọng cửa quyền, cho nên, ngay những tác phẩm đã biết nhan đề, biết nơi đăng tải, người ta cũng bỏ qua. Không riêng gì Vũ Trọng Phụng, nhiều tác giả thuộc diện đối tượng làm tuyển tập cũng thường hay bị giới nghiên cứu biên khảo đối xử như vậy. Thay vì đạt đến một danh mục đầy đủ, cụ thể, người ta chỉ cần dùng đến chữ “v.v.” và những dấu chấm lửng.

Đạo tháng 8/1999, lúc đầu được nhà xuất bản Hội Nhà Văn giao cái việc làm biên tập viên cho bộ sách gọi là *Toàn tập Vũ Trọng Phụng*, điều tôi thấy ngại nhất là chữ “Toàn tập”. Sao đã vội đặt tên Toàn tập khi công việc thống kê nghiên cứu chưa đạt được kết quả xác định, khi các khía cạnh văn bản học của các tác phẩm hãy còn hoàn toàn chưa được tiếp cận nghiêm túc? Vậy mà rút cuộc thì tôi vẫn phải gác các nghi vấn ngằn ngại lại để làm việc cho bộ sách sưu tập ấy đầu đi đuôi lọt. Và như đã nói ở đầu bài viết này, chỉ một tháng sau khi đã dứt khỏi công việc ấy và bắt tay sang làm việc trên các bản thảo khác, chùm tác phẩm mới được Zinoman tìm thấy lại đánh thức cái thắc thỏm kia ở tôi. Có thể đoán chắc rằng: ngay cả với chùm tác phẩm mới tìm thấy này, danh mục tác phẩm của Vũ Trọng Phụng cũng chưa thể khép lại ổn định.

Chùm tác phẩm của Vũ Trọng Phụng do Peter Zinoman tìm thấy kể trên, tôi đã đem soạn thành cuốn *Vẽ nhọ bôi hề* ⁽²⁾ đưa in cuối năm 2000 với tư cách là sự bổ sung vào bộ “Toàn tập” xuất bản trước đó. Và như đã dự đoán, những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, những bài vở, ý kiến về văn nghiệp của Vũ vẫn có thể còn tìm được thêm nữa, nếu các nhà nghiên cứu biết khai thác thông tin tư liệu từ các kho tàng sách báo cũ. Bản thân người viết những dòng này, hồi tháng 10/2000 cũng đã tìm được chùm tác phẩm đầu tay của Vũ Trọng Phụng đăng *Ngọ báo* và đã kịp thời biên soạn và xuất bản thành tập *Chống nạng lên đường*.⁽³⁾

Về phần Peter Zinoman, anh ngày càng được đồng nghiệp tín nhiệm trong vai trò một nhà Việt Nam học. Cuốn sách *The Colonial Bastille: A History of Imprisonment in Vietnam, 1862-1940* (Lịch sử chế độ nhà tù thực dân Pháp ở Việt Nam, 1862-1940) xuất bản ở Hoa Kỳ năm 2001 ⁽⁴⁾ được nhận giải thưởng John Fairbank Prize của Hội sử học Hoa Kỳ 2002. Cũng trong năm 2002, tiểu thuyết hoạt kê *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng do Peter Zinoman và Nguyễn Nguyệt Cầm dịch ra tiếng Anh đã được xuất bản ở Mỹ ⁽⁵⁾ và cuối năm 2003 được nhật báo *Los Angeles Time* chọn là một trong 50 cuốn sách văn học hay nhất xuất bản ở Mỹ thời gian gần đây. Tháng 10/2002, tại hội thảo nhân 90 năm sinh nhà văn Vũ Trọng Phụng ở Hà Nội, Peter Zinoman góp một tham luận quan trọng.⁽⁶⁾ Trước đó, đầu mùa hè 2002, anh cung cấp cho các đồng nghiệp Việt Nam một loạt tư liệu sưu tầm khác: văn bản các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng mới tìm thấy, hoặc đích xác, hoặc tồn nghi, các bài viết, bài tranh luận xung quanh văn nghiệp Vũ Trọng Phụng. Chính những tư liệu mới này khiến tôi thấy cần bổ sung vào cuốn *Vẽ nhọ bôi hề* trong dịp in lại lần này.

Các tác phẩm và bài vở mà P.Zinoman sưu tầm được, kể cả đã in trong bản *Vẽ nhọ bôi hề*, in năm 2000, lần sưu tầm mới, tôi xếp vào ba phần.

Phần I – những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, xếp theo thứ tự thời gian năm in của văn bản sưu tầm được.

Phần II – những tác phẩm tồn nghi (chưa đích xác của Vũ Trọng Phụng).

Phần III – những bài báo của các tác giả khác về văn phẩm Vũ Trọng Phụng đăng báo trước 1945 mà P.Zinoman tìm thêm được.

Tôi đã có dịp nói rõ: những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng mới tìm thấy, như thông tin ở trên, không hề làm thay đổi những nhận định lớn của giới nghiên cứu về văn nghiệp của ông. Vì vậy đã và sẽ còn có những ý kiến, kể cả trong giới nhà văn, cho rằng hà tất phải tìm tòi, thu nhặt như thế làm gì!

Tuy vậy, việc chúng tôi đang làm không phải là với một tác giả bất kỳ nào đó mà là với một tác giả cỡ Vũ Trọng Phụng. Với các tác giả cỡ này, thật ra các giới hoạt động văn nghệ, nghiên cứu văn học thường vẫn tiếp cận theo những cung cách khó có thể coi là thích đáng: Dạng hoạt động thông thường là hội thảo kỷ niệm với những diễn từ ngợi khen lặp lại đến mức sáo rỗng. Trong khi đó nhiều việc đáng làm lại bị bỏ qua, ví dụ việc kê biên rõ ràng tác phẩm của tác

giả ấy, theo dõi sức sống của tác phẩm của tác giả ấy qua thời gian lịch sử, phát hiện những biến động về giá trị của các tác phẩm ấy do sự tiếp nhận cụ thể của công chúng...Giới thiệu kết quả sưu tầm nhỏ của một nhà Việt học nước ngoài xung quanh di sản một nhà văn hàng đầu của văn học Việt Nam thế kỷ XX, điều sau cùng tôi muốn lưu ý bạn đọc và đồng nghiệp là một sự tiếp cận nghiêm túc, căn cơ đối với mỗi tác gia văn học, nhất là những tác gia lớn.

6/5/2004

(1) *Toàn tập Vũ Trọng Phụng*, Nxb. Hội Nhà Văn, 1999; gồm 5 tập: T.1: Phóng sự: (*Cạm bẫy người, Kỹ nghệ lấy Tây, Cơm thầy cơm cô, Lục xì, một huyện ăn tết*); T.2: Tiểu thuyết (*Dứt tình, Giông tố, Vỡ đê*); T.3: Tiểu thuyết(*Số đỏ, Làm đĩ*); T.4: Tiểu thuyết (*Lấy nhau vì tình, Trúng số độc đắc, Người tù được tha*); T.5: Truyện ngắn, Kịch, Tạp văn.

(2) Vũ Trọng Phụng: *Về nhọ bơi hề! Những sáng tác mới tìm thấy năm 2000*/ Peter Zinoman sưu tầm, Lại Nguyên Ân giới thiệu, chú thích/ Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2000; 218 trang 13x19 cm.

(3) Vũ Trọng Phụng: *Chống nạng lên đường*/ Chùm sáng tác đầu tay mới tìm thấy cuối năm 2000/ Lại Nguyên Ân sưu tầm, giới thiệu, chú thích/ Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2001, 369 trang 13x19cm; sách đang in lại có bổ sung trong năm 2004.

(4) Peter Zinoman. *The Colonial Bastille: A History of Imprisonment in Vietnam, 1862-1940*. Berkeley, Los Angeles, London: University of California Press, 2001.

(5) Vũ Trọng Phụng. *Dumb luck* / Translated by Nguyễn Nguyệt Cầm and Peter Zinoman / Ann Arbor: The University of Michigan Press, 2002.

(6) Tham luận do Peter Zinoman đọc bằng tiếng Việt tại hội thảo là: "Bàn lại về nhân vật Hải Vân trong tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng"; tuy vậy Ban biên soạn kỷ yếu hội thảo lại chọn in bài "*Số đỏ của Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa hiện đại Việt Nam*" là bài đã đăng *Tạp chí văn học* số 7/2002 (Xem thêm cuốn: *Bản sắc hiện đại trong tác phẩm Vũ Trọng Phụng*/ Kỷ niệm 90 năm sinh nhà văn/ Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003).

© 2009

Hồ sơ líu hồ líu sê sang

Không ai có thể thấy một gia đình thứ hai nữa giống gia đình nhà danh họa Khôi Kỳ. Cứ cái tên của ông chủ cũng đã đủ ngộ nghĩnh rồi, nhưng có bước vào nhà ông này, ta mới thấy nhiều cái lạ. Có thể bảo rằng đối với nhà này, cuộc đời là một trận cười quanh năm.

Bất cứ đến lúc nào, ông còn đứng ngoài thềm ông cũng đã thấy vắng vắng đưa ra những tiếng đàn nguyệt như bỗng, như trầm, hoặc tiếng cái nhị Sài Gòn rên rỉ. Nếu vào đến căn phòng làm việc của nhà họa sĩ, thì thật là một sự lạ lắm, nếu ông không thấy vỏ hạt dưa bắn tung tóe đầy sàn, vài cái đĩa còn thừa lác đác mấy miếng bánh khách, giấy bóng vỏ kẹo, hay mấy chai rượu ngọt chỉ còn ít cặn, hay cái áo "cào cào" vài đôi giày mang cá mới của các tiểu thư. Ấy là không kể một đồng ngỗng ngang những sáo với hồ, những đàn với nhị, cái nào cũng đứt giây long phiếm, dựa lảo đảo vào một xó góc, một thành ghế, hoặc may lắm mới được treo cẩn thận trên tường.

Vì rằng Tuyết Nương với Bạch Vân đều là hai cô gái quý của nhà danh họa Khôi Kỳ đàn cũng hay, ca lại càng "nào" lắm. Thật là những nàng tiên sa cõi thế, răng lóng lánh hơn mặt hoa tai đầm, nước da mịn hơn cả quần lụa trắng, tóc đen lay láy, có màu mun hơn cả khăn nhung. Chính ra, Khôi Kỳ không có địa vị gì trong nhà, chỉ Tuyết nương và Bạch Vân mới là hai "bà" cầm quyền thay ông chủ.

Ông bố thường dậy từ lúc bà con hàng phố chưa ai nghe bánh Tây nóng, giò rét thì quán thêm cái chần dạ, khoác thêm cái áo dạ đã ra ngồi kẻ, đo, vạch, điểm trộn sơn, trộn thuốc để cho bà vợ quý với hai cô gái quý nằm ươn xác chờ đến giờ học buổi sáng được ra chơi. Ông tuy có tài nhưng chưa "ăn thua" gì cả. Ông vẫn còn nghèo lắm nên làm ăn rất chi chằm chằm, những mong có một ngày kia... Một vài cuộc triển lãm của ông tổ chức với mấy anh em đã hứa cho ông con đường tương lai rực rỡ. Nhưng, vợ với con mà ông phải nai lưng ra nuôi một cách rất vất vả chỉ những bắt ông sấm khăn san, giấy mang cá, cũng khiến ông đủ "lệch nghiệp" rồi.

Bà vợ ông không nhúng tay vào một việc gì cả. Rất đẹp khi mới cưới, rất được nhiều người họ nhà chồng kính yêu chỉ vì cái sắc, bá tước còn tự hào là một người đàn bà đẹp, và, sau là một người đàn bà đẹp từ xưa! Đã là một người thuở xưa rất đẹp, nay bà chán hết mọi sự, chỉ còn biết mùa rét thì trùm chăn ngủ kỹ, nực đến thì gọi đầu rồi xõa tóc ra quạt, đọc tiểu thuyết trên một cái võng lúc nào cũng kêu "kĩu ca kĩu kịt" mắc lê khắp gian phòng. Cho nên mỗi khi bà dúng tay vào việc gì thì cả nhà như một xứ nào gặp nạn động đất vậy.

- Con Vân! Cái kéo của tao để đâu rồi thế?... Ồi Tuyết! Cái đề với cuộn chỉ ở hòm may đã vứt đâu?

Cứ nheo nhéo thế suốt ngày!

Rồi thì, Tuyết cũng như Vân, hai cô ủa nhau mở hòm, mở tủ. Sau một hồi rít tìm chìa khóa mới mở được thì chẳng thấy đâu là kim, đâu là dế, đâu là chỉ mà toàn mó phải những đĩa, những thìa, những khay áo, gương cũ, hộp sắt tây, lọ thủy tinh, không biết đưa khi nào đã nhét cả vào đấy, và cất đấy để làm gì !...

Cả mọi đồ vật bày trong nhà cũng có một vẻ kỳ lạ lắm.

Cứ hai, ba tháng lại dọn một lần nên phòng khách cũng như phòng ngủ trông đều có vẻ "chưa bày xong" hoặc "đến mai xếp dọn" của những nhà mới có việc bận rộn hôm qua. Vả lại, ai hỏi đến cái gì cũng không thấy cả thì còn bày biện cái quái gì? Miễn là ông bố vẫn tìm thấy đủ cái mũ, đôi giày, bà mẹ: một cuốn tiểu thuyết Tam Hạ Nam Đường, hai cô con gái: phấn, sáp, khăn nhung. Miễn ra ngoài đường, bà con phải nhầm là nhà có cửa. Cánh cửa nhờ hé mở người tò mò đi ngoài phố có thể nhìn trộm thấy cái tủ chè khảm nhưng mặt kính vỡ chưa có tiền thay. Hoặc trên bàn thờ, cái bát nhang sứt vì mèo nhảy đổ.

Có khi, ngồi vào mâm, đã cất đĩa, ông bố mới sừng sốt tự trách rằng quên chẳng để dành tiền mua lấy cái liễn ủ cơm. Gặp khi nào hơn hai giờ mà hai cô gái quý mới thổi cơm xong thì chiều đến đã có lệnh của bà truyền rằng: "Mới ăn cơm từ lúc hai giờ chiều không phải thổi cơm, để chờ hàng phở tối".

Một cảnh tượng rất thường nhưng nghĩ cho cùng, thật cảm động: bốn người cùng, kẻ ngồi, người đứng, bưng mấy bát phở vội húp sục soạt ở ngay chỗ cánh cửa bước vào. Cầm cái khăn mặt bẩn như lau khăn bàn, ông bố húp vội chén nước rồi lại quay vào cấm cổ làm việc, chẳng kịp xia răng!

Trong cái cảnh bừa bộn vô trật tự ấy, cái thản nhiên, cái bình tĩnh của bà mẹ với hai cô thì thật là những kỳ công của tạo hoá! Trong óc mấy người này đều chứa những tư tưởng gì khác, chứ không trảng qua một tư tưởng nào về việc tề gia nội trợ bao giờ. Cho nên Tuyết Nương thì ăn vận theo gái Sài Gòn, còn Bạch Vân gái Huế. Còn bà mẹ, nằm chao mình trong võng, sống một cách uể oải với bộ truyện Phong thần mơ màng đến cái sắc đẹp thừa xưa.

Nhà danh họa Khôi Kỳ thì lúc nào cũng hớn hờ tươi cười như đứa trẻ con được mặc áo đẹp. Miễn sao lúc nào cũng được thấy bên tai khách khách tiếng cười của hai cô con gái quý, ông bố có thể nai lưng ra làm việc, kéo cày trả nợ, nợ vợ, nợ con. Hễ cô con gái nũng nịu, tỏ vẻ bên tai "Cậu cho con mua cái san" (giấu mỏ!) "Cậu cho con mua cái vòng" v.v... là ông bố gật đầu ngay, móc ví lấy tiền ngay, dù gạo ngày mai chưa trông được vào đâu cũng mặc!...

Cũng lắm khi các cô ngồi càn cù kim chỉ đấy, nhưng áo rách đến xả vai của bố cũng không thấy miếng vá, bít tất của bố thủng như rây bột cũng chẳng được sợi mạng, các cô chỉ biết theo hàng trăm hàng nghìn những chiếc mùi xoa có cảnh hồng con bướm, để tặng những ai ai thì phải, chớ cũng không thấy để bán bao giờ.

Các ông, các bà có được hân hạnh lần nào gặp những cô gái quý, rất tân tiến ấy không? Nào có khó gì đâu, biếng việc nhà nhưng chăm chỉ việc người, những cuộc diễn kịch, diễn cải lương Nam Kỳ, việc nghĩa hoặc các buổi chợ phiên, đối với các cô không một dịp nào không dự vào ban tổ chức. Chỉ bởi thế, các cô vẫn phải muộn chông.

Vì rằng cứ trông cái cảnh gia đình ra ngoài khuôn mẫu hàng nghìn vạn dặm của các cô, cứ nghe giọng bà mẹ của các cô sần sật, nheo nhéo cả ngày, thì dù trong đám công tử đã cảm giọng Nam ai, Vọng cổ hoài lang, Văn Thiên Tường của các cô, cũng có nhiều cậu muốn rước ngay các cô về nhưng phần nhiều đều ngại ngần, tự hỏi với tự dọa: "Có nên lấy nó làm người vợ quý của mình?" hoặc là "Nếu ta lấy nó thì rồi ta đến bố mẹ ta!...".

Người tử tế làm ăn, đã không ai dám rúng đến rồi, mà cả cái bọn "mũ lệch vai so" cũng không mãnh nào dám rước. Đã đành là, đến nhà họa sĩ Khôi Kỳ nghe hát, nghe đàn là thú, là vui, là cảm lắm nhưng mấy ông tài tử Nam Kỳ đội mũ đỏ mực, quần cái khăn quàng sắc sỡ, lê đôi dép Nhật, đàn hay, ca thạo, hút thuốc lá cũng thạo, đối với con mắt bọn này đã như đinh như gai... ấy là không kể trong khi mãi vui nghe hát, nghe đàn, bọn này phải chịu cái khổ hình nghe cả tiếng võng kịt kịt của bà ở phòng bên cạnh, trông thấy thấp thoáng bóng người, những cái vẻ mặt căm tức, giận dữ, định lấy tiền nhà tiền gạo, từ thảng trước thu xếp chưa xong. Các cô vẫn ế. Được một lần có một anh chàng góa vợ, đứng tuổi, rất thích cảnh đời ra ngoài khuôn mẫu, vì cho sự lấy vợ chỉ là mua máy hát, đã định gấp nghe (ái chà!...) mượn người tiến dẫn đến năm bảy lượt, nhưng vì thấy cảnh gia đình quá sức mình tưởng tượng nên trong lúc cô em gân cổ ca khúc Văn Thiên Tường trong bản tuồng Tam ban triền diển thì anh chàng lim dim con mắt liếc nhìn cô chị, phì phèo tẩu thuốc lá, nghe điệu đàn rồi vừa hát thầm, họa thầm, mà tự hỏi: "Phải xem nó có ý y còn nguyên, nó còn nguyên...".

Việc chàng lại bỏ dở...

Thế là Bạch Vân với Tuyết Nương vẫn cứ ế chồng, mà họa sĩ Khôi Kỳ được cảnh xum họp một nhà để tiếp khách toàn cầu, để méo mặt lo nợ, lo chạy gạo, chạy tiền bánh ngọt, rượu, chè tiếp rước các ông công tử Bắc Kỳ, tiếp rước các ông tài tử Nam Kỳ, và để lúc nào cũng được bên tai văng vẳng khúc đàn ròn của bài vọng cổ:

Hồ sê lúu hồ lúu sê sàng!

Hà Nội báo,

số 35; ngày 2.9.1936

Vũ Trọng Phụng và vụ án văn chương Lại Nguyên Ân

Sau khi tờ Ngọ báo xuất hiện truyện ngắn dài 3 kỳ "Thủ đoạn" của Vũ Trọng Phụng, bỗng một hôm, Vũ Trọng Phụng nhận được trát tòa đòi, truy tố về tội "chửi phong hóa".

1/ Sự việc này xảy ra hầu như ở ngay đầu đời văn của Vũ Trọng Phụng. Người nhắc đến sự việc này hồi năm 1957 ở Hà Nội là Thiều Quang. Trong *Tập san phê bình*, một ấn phẩm tư nhân, tác giả đồng thời là người xuất bản ấn phẩm này, dành riêng một số đặc biệt cho đề tài: Vũ Trọng Phụng, đời sống và con người.

Toàn bộ 24 trang ruột của số này chỉ đăng bài viết của chính Thiều Quang: Chút ít tài liệu về Vũ Trọng Phụng. Một trong những chi tiết tư liệu ấy là việc Vũ Trọng Phụng từng bị gọi ra hầu tòa. Thiều Quang kể rằng khoảng năm 1930, khi bước chân vào đời bằng việc xin vào làm ở nhà in IDEO (Viễn Đông ấn quán, Hà Nội), ông (Thiều Quang) gặp Vũ Trọng Phụng đang làm việc ở đấy, hai người cùng tuổi nên dần dần thân nhau. Quang thấy Phụng không chỉ yên vị với nghề "cạo giấy" mà còn chăm chỉ tự học bằng cách đọc và dịch văn học Pháp, từ các tác gia cổ điển đến cận hiện đại.

Quang thấy dường như Phụng “tìm được sự đồng điệu, đồng cảm, đồng tình” trong thứ mà Thiều Quang gọi là “văn chương chữ đời”, tức là văn chương tả chân Pháp thời cực thịnh, của Flaubert và Maupassant. “Mấy chuyện dịch liền: *Kẻ vô nghề nghiệp, Người lang thang...* xuất hiện lần đầu trên tờ Ngọ báo với tên ký giả: Vũ Trọng Phụng”.

Rồi Vũ Trọng Phụng không đăng văn dịch nữa, chuẩn bị sáng tác. Ít lâu sau trên tờ Ngọ báo xuất hiện truyện ngắn *Thủ đoạn* của Vũ Trọng Phụng đăng liền ba số “trong đó anh tả một ông sếp ta chịu “dâm sự” với một ông sếp tây, để củng cố địa vị, để được chóng tăng lương, để được hống hách với mọi người và cũng để được tạo cơ hội làm tiền”...

Sau đó, “bỗng một hôm, Vũ Trọng Phụng nhận được trát tòa đòi, truy tố về tội “chửi phong hóa” (outrage aux bonnes moeurs)”. Phụng đưa Thiều Quang xem tờ trát và còn cho xem cả bài cãi dự định sẽ đọc trước tòa.

Phụng đem bài cãi ấy đến sở đánh máy làm nhiều bản, người sếp của Phụng được dịp liền đi báo sếp tây và thế là Phụng bị đuổi việc. Nhưng rốt cuộc bài cãi ấy không cần cho hồ sơ vụ án. Quan tòa chỉ hỏi những điều cần biết về vện có 5 phút để chuyển sang vụ khác...

2/ Các năm 2000-2003, tôi chú ý tìm tài liệu viết đầu đời văn Vũ Trọng Phụng, trong đó tìm thấy truyện ngắn *Thủ đoạn* đăng 3 kỳ Ngọ báo đầu năm 1931 mà Thiều Quang từng nhắc đến. Tìm đọc kỹ hơn những tin tức thời sự ở một số tờ báo đương thời, tôi thấy sự kiện Vũ Trọng Phụng bị gọi ra tòa là có thực.

Đầu tháng 3/1932, một người tên là Nguyễn Văn Thìn bị gọi ra tòa Trưng trị, Vũ Trọng Phụng cũng bị gọi ra tòa trong vụ này với tư cách tông phạm. Không thấy báo đăng tin phiên sơ thẩm vụ ấy ở tòa Trưng trị, nhưng cuối tháng 3/1932 thì có tin báo đăng việc xử phúc thẩm vụ án Nguyễn Văn Thìn ở tòa Thượng thẩm.

Đây là bản tin của Ngọ báo:

“Tiếng chuông tại tòa Thượng thẩm”

Sáng hôm nay tòa Thượng thẩm họp do quan Morché làm Chánh án, các ông Verron, Rozé làm Tham thẩm, ông Joyeux ngồi ghế biện lý, ngoài những vụ trộm cướp, tòa đã đem phúc thẩm lại vụ án Tiếng chuông mà tòa Trưng trị đã kết án Nguyễn Văn Thìn 6 ngày tù, 50f phạt; M. Vũ Trọng Phụng 50f.

Sau khi hỏi xong các bị cáo nhân, tòa tuyên án cho M. Phụng được hưởng án treo, còn y án Nguyễn Văn Thìn. Thế là vụ án Tiếng chuông kết liễu ở trong 6 ngày tù, 50f phạt tại tòa Thượng thẩm sáng hôm nay”. (2)

Ở Sài Gòn, nhật báo Trung lập đưa tin này muộn hơn một tuần:

“Một cái gương sáng cho những ông văn sĩ hay viết càn”

Vì tập văn Tiếng chuông, Nguyễn Văn Thìn phải bị án tù và tiền phạt

HANOI.-Tòa Thượng thẩm nhóm sáng hôm 22 Mars, do quan Chánh án Morché chủ tọa.

Ngoài những việc trộm cướp ra, Tòa có phiên lại một cái án “văn chương”.

Nguyễn Văn Thìn, là người đứng xuất bản tập Tiếng chuông, bị truy tố là vì đã cho đăng trong tập ấy một bài của Vũ Trọng Phụng, làm thơ ký cho một nhà buôn, công kích một ông Nghị mà xét ra bài ấy có tính cách làm bại hoại phong hóa, và vì đã xuất bản tập Tiếng chuông như thể tạp chí mà không xin phép trước. Vũ Trọng Phụng là tác giả bài ấy, cũng bị truy tố.

Trước đây Tòa án Trưng trị đã kết án: Nguyễn Văn Thìn sáu ngày tù và năm mươi quan tiền phạt; Vũ Trọng Phụng năm mươi quan tiền phạt.

Nay Tòa Thượng thẩm y án Nguyễn Văn Thìn; còn cho Vũ Trọng Phụng được hưởng án treo. Thế là kết liễu một cái án “văn chương”.

Hai bản “tin tòa án” đương thời như trên cho thấy việc Vũ Trọng Phụng bị gọi ra tòa là việc hoàn toàn có thật. Điều luật mà nhà văn trẻ này vi phạm là “tội tổn thương phong hóa” (outrage aux bonnes moeurs)...

Việc xác định sự kiện Vũ Trọng Phụng bị gọi ra tòa năm 1932, thiết nghĩ là cần thiết để thấy rằng từ rất sớm, chủ trương văn chương tả chân của nhà văn trẻ đã khiến ông gặp phản ứng mạnh từ xã hội đương thời; ông sớm phải mang tiếng là viết văn khiêu dâm có lẽ từ vụ án này,

và với nhà phê bình Thái Phỉ, ông sẽ có va chạm về quan niệm rõ rệt và mạnh mẽ hơn trong những năm về sau.

3/ Tuy vậy, ta vẫn chưa thật rõ tác phẩm nào của Vũ Trọng Phụng đã khiến ông bị can án. Theo lời kể của Thiều Quang (1957) thì có vẻ như đó là truyện ngắn *Thủ đoạn* đăng 3 kỳ Ngọ báo (25/1/1931; 26&27/1/1931; 28/1/1931).

Đọc trực tiếp vào văn bản truyện ngắn mà trong diễn biến có mô tả một cảnh tình dục đồng giới (homosexuelle) này, ta sẽ thấy rằng dù Thiều Quang có nhớ lầm một vài tình tiết, nhưng ông không mấy lầm lẫn mà cũng không quá phóng đại khi nhớ lại dư luận bên ngoài (“dư luận bên ngoài sôi nổi; có người tìm đọc Vũ Trọng Phụng, có người sợ không dám đọc Vũ Trọng Phụng”) và thái độ của những người cùng sở (“người ta làm ra thần nhiên bình thường như không biết đến, nhưng vẫn có những con mắt đưa ngang nhìn Vũ Trọng Phụng, nhìn để cảnh giác cũng có, nhìn để lấy làm quái cũng có”) sau khi truyện ngắn này xuất hiện trên báo.

Đặt trong tình thế đương thời, dù xét dưới quan niệm về tục và dâm của công luận người Việt hay xét theo quy phạm luật pháp của chính quốc có giá trị áp dụng cho các thuộc địa về “tội tổn thương phong hóa” như đã nêu trên, thì truyện ngắn *Thủ đoạn* nếu bị đem truy tố cũng không có gì là khó hiểu.

Nhưng xem kỹ hai bản tin tòa án dẫn trên, quan tòa cho rằng bài văn của họ Vũ “công kích một ông Nghị”, thì đó có vẻ không phải là truyện ngắn *Thủ đoạn*; ông sắp nghiệm cả tình dục khác giới lẫn tình dục đồng giới ở truyện này chỉ là ông chủ hăng buôn, chưa bén mảng đến nghị trường; quan tòa thực dân hẳn không suy luận quá xa ra ngoài văn cảnh câu chuyện.

Vả chăng, nếu tác giả truyện ngắn đó là Vũ Trọng Phụng bị truy tố thì tại sao người chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng tải lần đầu truyện ngắn đó là chủ nhiệm Ngọ báo Bùi Xuân Học lại không thấy bị hề hấn gì? Đánh rằng tin tòa án cho biết án phẩm đăng bài văn của họ Vũ là tờ Tiếng chuông, nhưng nếu Tiếng chuông bị truy tố vì đăng *Thủ đoạn* thì vì sao Ngọ báo từng đăng *Thủ đoạn* lại vô can?

Có phải vì tập Tiếng chuông in không giấy phép nên nhân thể bị quan tòa soi mói thêm và thấy trong đó có một truyện phạm tội “tổn thương phong hóa”? Hoặc nữa, thay vì *Thủ đoạn*, phải chăng tờ Tiếng chuông đã đăng một bài khác của Vũ Trọng Phụng?

Người viết bài này đã lưu ý tìm văn bản và dư luận đương thời về án phẩm có tên Tiếng chuông. Hiện tôi đã tìm được 2 số của án phẩm này, lại cũng tìm được một số tin tức và phản ứng của báo chí về nó...

Trong bài mục hai số Tiếng chuông trên không thấy tên tác giả Vũ Trọng Phụng. Vậy mà phán xét của quan tòa trong vụ án lại dứt khoát khẳng định họ Vũ có bài phạm tội “tổn thương phong hóa” in trong án phẩm Tiếng chuông của Nguyễn Văn Thìn.

Đến đây có hai khả năng:

1/ Số Tiếng chuông có in bài của Vũ đã bị tòa tịch thu và tiêu hủy; điều này không thấy nói đến trong bản tin tòa án mà ta đã biết, nhưng đây là quy định của luật pháp đương thời, tuy vậy chừng nào chưa đọc được hồ sơ vụ này (mà chuyện “đọc được” này chỉ còn rất ít khả năng cho nhà nghiên cứu hiện nay) thì đây vẫn chỉ là điều phỏng đoán; và trong phỏng đoán theo hướng này thì có thể số Tiếng chuông đó đã đăng truyện *Thủ đoạn* của họ Vũ chẳng hạn.

2/ Bài văn gây án của Vũ nằm trong 2 số Tiếng chuông hiện còn; trong khả năng này bài đó được ký một bút danh khác mà khi bị thẩm vấn thì Nguyễn Văn Thìn đã khai cho Vũ Trọng Phụng và tác giả này không chối cãi sự can dự đó của mình. Giả định như vậy rồi, lại phải xem bài nào có thể là bài đã bị tòa cáo giác là “công kích một ông Nghị” và “có tính cách làm bại hoại phong hóa”?

Căn cứ vào bài vở trong hai số Tiếng chuông kể trên, có lẽ bài *Con hay bố??* ở số 1, người viết ký tên Ông Ảnh, là trường hợp duy nhất có cả hai dấu hiệu nêu trong bản án.

Đây là một truyện ngắn, kể về gia đình “cụ” Toàn, biệt danh “Đền Giời”, thủ chỉ làng Tri Xá, có ba con trai là ông Phán, ông Nghị, ông Hàn.

“Cụ” hồi hưu, vợ đã chết, không có người đấm bóp nên ba ông con bàn nhau cưới nàng hầu cho bố, nhưng toan tính sao đó nên cuối cùng theo kế ông Nghị, bề ngoài là thuê người ở mà bề trong bố vẫn có người đấm bóp. Thế là trong nhà có một cô người ở xinh xắn.

“Cụ” bắt cô này làm nàng hầu thật sự, nhưng rồi có khi nửa đêm chợt thức giấc, “cụ” lại thấy cô này đang ngủ với ai đó ở giường bên, nhìn kỹ thì ra ông Nghị. “Cụ” bỗng hiểu tại sao thằng con không cưới nàng hầu cho bố: nó thuê cô này làm con ở “để nó giờ thủ đoạn... công ty với bố”! Ba tháng sau cô này có chửa; bố con cất vấn “mày chửa với ai?” nhưng cả “cụ”, cả ông Nghị, cả cô ta không ai có thể trả lời rõ ra được; mấy bà con dâu can hai bố con: “dù nó chửa với thầy hay với con thầy thì cũng là máu mủ họ Lê nhà ta...” và đưa ra giải pháp: bảo cô ta nếu bị giới chức làng xã cất vấn thì cứ khai trót ngủ với một người trên tỉnh, rồi vì chuyện đó mà cô làm xấu mặt nhà này nên bị đuổi đi, nhưng nhà này sẽ ngầm giúp cho mẹ con cô một cái vốn để được mẹ tròn con vuông...

Về nội dung, câu chuyện vô luân trong nhà “cụ” Toàn mà kẻ chủ trò là ông Nghị con trai “cụ”, nếu quan tòa soi đến, chắc hẳn nó sẽ bị coi là can tội “tổn thương phong hóa”, nhất là xét theo quan niệm của người Việt, thời đó và cả thời nay. Dựng ý châm biếm cái thương luân bại lý của giới nhà giàu thôn quê trong truyện sẽ bị các quan tòa bỏ xuống hàng sau; họ sẽ trước hết chú ý đến tình tiết vô luân trong câu chuyện.

Về dấu ấn người viết, nếu đọc kỹ truyện này ta sẽ phân vân: nó có thể là thuộc ngòi bút Vũ Trọng Phụng, nhưng cũng có thể không phải của ông. Nhất là ở trường hợp này, tác giả truyện ký một cái tên rành rành là Ông Ảnh. Trừ chủ ẩn phẩm Tiếng chuông Nguyễn Văn Thìn, khó có ai biết Ông Ảnh là ai.

Luôn thể xin nêu nhận xét: loại ấn phẩm như tờ này có một đặc điểm là hầu hết nội dung bên trong đều thuộc cùng một người viết, mà người viết thường đồng thời cũng là người đứng tên xin giấy phép và xin mua giấy in. Đó là kiểu “tự xuất bản” đã cấm rề khá sâu trên đất Hà Nội. Chẳng hạn, Đại đồng thư xã của Trương Tửu cuối những năm 1930 hay Tập san phê bình của Thiều Quang năm 1957 cũng vẫn thuộc cái kiểu “làm một mình từ A đến Z” như thế. Theo lẽ lối ấy thì hầu hết những bài có trong 2 số Tiếng chuông nói trên đều là của Kim Long Nguyễn Văn Thìn.

Sự thực có lẽ là như vậy. Nhưng văn viết truyện trong *Con hay bố??* hình như chất lượng văn miêu tả kể chuyện khá hơn so với các bài khác. Song, khó có người giám định nào dám cả quyết truyện này chắc chắn là sáng tác của Vũ Trọng Phụng.

Kết quả tìm tòi như trên hẳn chưa thể thỏa mãn những ai quan tâm tới nhà văn Vũ Trọng Phụng. Đối với người viết bài này cũng vậy.

Cái ghen đàn ông

Chờ cho người ấy trở tài hùng biện đã chán chê đi rồi, Giao Đài mới bỏ tờ tạp chí xuống bàn và nói:

- Không, người ta chẳng nên thật thà, nhất là khi người ta yêu nhau.

Tuy rằng chẳng ai lại hoàn toàn thật thà với ai bao giờ, điều ấy thì ai cũng thừa biết, vậy mà người nào cũng cứ ao ước sẽ có kẻ thật thà với mình thì có lạ không. Khôi hài nhất là khi ta thấy ai có vẻ hơi thật thà với ta, chỉ hơi hơi thôi, ta cũng lấy làm sung sướng lắm! Những kẻ đương lẫn lộn trong tình trường cũng vẫn có cái ảo tưởng là đôi bên hoàn toàn thật thà với nhau... tựa hồ sự thực làm cho ta sung sướng như ta trúng số độc đắc! Này, các anh, thôi đừng ai nên để cái lòng thật thà của người ta yêu đi kèm với hạnh phúc! Nó tai hại lắm. Nó chỉ phá hoại chứ chẳng kiến thiết bao giờ.

Nghe đến đây, Lê Văn Thư, một người lúc nào cũng lạc quan, bèn nổi giận mà rằng:

- Chà! Một người đàn bà như Giao Đài mà lại để ở miệng thốt ra những lời lẽ đáng buồn đến như thế nữa ư? Này, chị Giao Đài, coi chừng kéo mà chị sẽ trở nên một thứ quái vật!

Giao Đài chỉ cười nhạt, lại khoan thai nói thêm:

- Nghĩa là cũng như mọi người, phải không, các anh? Người ta ai không là một thứ quái vật?

Không để ý, Lê Văn Thư lại sốt sắng tiếp:

- Chết nỗi! Nếu lại không có sự thật thà cứu vớt thì nhân loại còn có gì nữa! Thì làm gì có những ái tình, làm gì có cái tình bằng hữu, làm gì có những tính tình tốt đẹp và những dây liên lạc mà người ta bảo là thiêng liêng! Mà làm gì còn có hạnh phúc nữa!

Giao Đài lại cười rộ, coi anh Thư như một đứa trẻ ngây thơ. Rồi nói:

- Coi chừng đó, anh ạ. Yêu nhau là một việc mà thật thà với nhau lại là một việc khác.

Một người bèn hỏi:

- Vậy thì khi đã yêu nhau, người ta có nên thật thà với nhau không?

Giao Đài chẳng cần nghĩ đáp ngay:

- Không! Không! Chẳng bao giờ, và chẳng nên một tí nào!

Sau cùng, Giao Đài khoan thai kể lại câu chuyện dưới đây để dẫn chứng cho cái thuyết ấy.

Các anh, các chị đây hẳn còn nhớ vợ chồng anh giáo Hiền đấy chứ? Chị ấy vì hậu sản mà thiệt phận năm ngoái ấy mà! Ấy đó, một người đàn bà đáng quý và đáng thương. Kẻ ngoại cuộc là các anh, các chị, ngồi đây hẳn phải tưởng cặp vợ chồng ấy sung sướng cực điểm. Thừa không ạ! Anh Hiền, chị Hiền là hai kẻ đau khổ nhất đời. Lúc buông tay nhắm mắt, chị ấy còn phải đem theo xuống suối vàng một thứ mà ta quen gọi là "hận nghìn thu". Lúc khâm liệm cho vợ, anh giáo Hiền cũng vẫn còn là kẻ không chút đỉnh lương tâm nào nữa!

Chỉ tại sự thật thà!

Tôi sở dĩ được rõ mọi điều vì chị Hiền coi tôi là bạn thân hơn hết. Những chuyện gia đình, những điều tâm sự, những cái éo le, khuất khúc mà không ai dám nói với một người thứ hai nào nữa, thì chị Hiền đã có kể lể cả với tôi. Việc đôi lứa ấy vì ái tình mà lấy nhau, rồi ăn ở với nhau về bề ngoài ra làm sao, chẳng cần nói, các anh, các chị cũng thừa rõ...

Sau ngày cưới được năm hôm, chị Hiền đã đến chơi với tôi.

Cứ như những lời chị nói, cứ trông những cử chỉ của chị, cũng đủ hiểu chị bằng lòng cuộc trăm năm đến có thể hoá điên vì sung sướng. Chồng chị là người quân tử, có nhiều đức tính, lại yêu quý vợ nồng nàn hơn ai. Nếu cứ theo nhịp ấy mà đi, thì giữa cái loài người khốn khổ này, anh Hiền, chị Hiền, là một cặp vợ chồng tiên.

Mấy hôm sau nữa, khi lại thăm bạn vào lúc anh Hiền vắng nhà, tôi thấy chị ấy có cái vẻ mặt của người hối hận vì đã trót làm điều gì tai hại mà không còn phương gì cứu chữa nổi nữa. Mà quả vậy! Luôn mấy năm sau trong cặp mắt ngây thơ vốn đầy những ánh sáng của chị, tôi thấy hình như có một thứ bóng tối nó ám ảnh, nó làm thần thái của chị Hiền lu mờ như mặt trời bị lấp bóng mây. Chị đã kể lể:

- Chị Đài ơi! Có lẽ từ nay mà đi, tôi đành cam phận là người đàn bà khổ sở nhất đời rồi! Tôi đã nhờ tay để hạnh phúc của tôi vỡ ra làm trăm nghìn mảnh. Từ nay mà đi, tôi không còn dám màng tưởng đến những ngày mà tôi đã thấy cuộc đời là có nghĩa lý là đáng sống như những ngày mới bước chân về nhà chồng nữa. Thôi, thế là xong!

Nói thế rồi, chị Hiền buông xuôi hai bàn tay như người thất vọng trước những mảnh vụn của một cái lọ quý giá mà mình đã vô ý đánh vỡ vậy. Chỉ một cử chỉ ấy cũng đủ khiến tôi xúc động lắm, và đủ đoán nổi cái hệ trọng của việc đã xảy ra. Tôi vội đứng lên, ra khép chặt cửa phòng rồi quay vào nghe chuyện.

- Chị ạ, mấy ngày tân hôn, nhà tôi không nói những lời nào khác những lời của một kẻ si tình, say mê, yêu quý tôi. Nhà tôi đã có những lời lẽ ngây ngô vô cùng, những lời mà tôi tưởng không ai biết nói như thế... Tôi đã sung sướng bao nhiêu, bây giờ lại hối hận bấy nhiêu. Là vì đêm vừa qua, khi lên giường chung gối chung chăn, không hiểu bởi những duyên cớ khốc hại gì, bởi thứ ma quỷ độc địa nào nó xui giục, mà nhà tôi lại chợt hỏi: - Anh hỏi thế này em đừng cho là lẩn tránh nhé? Trước khi biết anh, em có hề yêu một người nào không?

Tôi ngạc nhiên thì ít, mà nổi giận thì nhiều. Bèn làm bộ bình tĩnh hỏi lại:

- Sao anh lại hỏi thế nhỉ?

Chồng tôi vội vàng cắt nghĩa:

- Không! Anh hỏi thế không có gì là can hệ! Nếu em ngạc nhiên là vì em chưa hiểu rõ nghĩa chữ yêu mà anh muốn nói. Yêu đây chẳng phải là thư từ, đi lại, rồi làm những điều mà đức hạnh phải kết tội đâu. Yêu đây có nghĩa trong sạch hơn, bi đát hơn, có thi vị hơn, vì yêu đây là ngưỡng mộ, là kính trọng, là yêu vụng, giấu thầm, là "để ý", là vắng mặt thì khao khát mà gặp mặt thì không dám ngỏ bầu tâm sự... Nói nôm na thì yêu đây nghĩa là có ý muốn người ta hỏi mình làm vợ.

Ngừng một lát, chồng em lại tươi cười mà tiếp:

- Không can hệ, thật thế! Cũng như anh chẳng hạn... Trước khi biết em và lấy được em, anh đã yêu không biết bao nhiêu người đàn bà, yêu theo cái nghĩa đã nói trên. Ừ, thế đi nữa thì có sao đâu! Việc gì có thành sự thực hiển nhiên thì mới đáng kể, và nếu anh nói thế, chính là vì đối với em anh muốn xử sự đặc biệt, nghĩa là cho em được hưởng cái lòng thật thà, có một không hai của bọn đàn ông phần nhiều ích kỷ, gian ngoan.

Ngây ngô em hỏi lại:

- Sao bỗng dưng anh lại thật thà như thế?

- Là vì anh đoán anh biết. Anh hiểu rằng nhiều khi em thấy trong óc thoáng qua cái ý tò mò muốn biết ấy cũng như đại đa số phụ nữ đối với chồng. Nếu em chưa hỏi là vì chưa tiện dịp, và thế nào rồi cũng có phen em muốn thử hỏi thế một câu chơi. Đã thế thì liệu rồi anh có giấu được em không? Giấu sao được, em tin sao được. Chẳng khi nào một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi mà trước khi lấy vợ lại chẳng hề "để ý" đến một người đàn bà nào khác bao giờ! Nếu quả trên đời này có hạng đàn ông ấy thật, đó phải là một hạng kỳ dị!

Em ngây mặt ra nghĩ, càng nghĩ càng thấy chồng nói đúng sự thật lắm.

Chợt chồng em lại nói:

- Thí dụ như em chẳng hạn... năm nay em đã 24 tuổi rồi. Vậy mà ái tình đến với người thiếu nữ rất sớm. "Nữ thập tam nam thập lục" thật đúng như lời cổ nhân. Tạo hóa đã an bài ra thế, không một người con gái nào lại vượt qua được cái công lệ ấy. Vậy thì vào tuổi dậy thì, người ta phải mơ mộng, phải khao khát lòng yêu, phải để ý đến đàn ông. Anh nói chuyện đây là dựa vào khoa học chứ không nói hồ đồ, vu vơ gì. Đã thế thì không thể nào em lại không hề để ý đến một người đàn ông nào, trước khi là vợ anh, trong cái thời hạn từ mười tám đến hai mươi tư tuổi. Vì rằng không phải ở đời này chỉ có một anh là người đàn ông đáng yêu thôi, có phải thế không?

Trước những lý luận đanh thép của một người có khối óc tỉ mỉ sáng suốt như thế, tôi biết là chối cãi thì không được, biết chối cãi thế nào? Có ai lại đủ nghĩa lý để chối cãi một chân lý hay không?

Vả chẳng, chồng tôi đã bảo là "không can hệ". Mà muốn yêu chồng một cách hoàn toàn, tôi tưởng không còn cách nào khác là đem lòng thật thà của mình mà dâng lên.

Chỉ nghĩ được có thế, tôi chẳng ngại đáp:

- Anh nói đúng đấy. Năm mười bảy tuổi, em cũng đã có yêu một người, yêu theo những cái nghĩa anh đã phân giải lúc nãy. Không biết người ấy có để ý đến em không! Người ấy không hề hỏi em làm vợ, và giá có chắc hẳn cũng không được nào. Bây giờ thì người ấy cũng đã lấy vợ, cũng đã có con...

- Thế rồi sao nữa?

- Thế rồi... chả có gì nữa.

- Sau người ấy thì không để ý đến ai khác nữa?

Em thật thà cả cười:

- Thì đến anh, và lấy được anh, thế thôi.

Nhà em ngấm nghĩ một lát, phê bình:

- Thế nghĩa là em đã yêu người ấy lắm, yêu lắm. Đến nỗi phải chán đời cho đến lúc lấy chồng, nghĩa là trong bảy năm không còn sức để ý đến một ai nữa, nếu không có anh.

Tôi không đáp. Chồng tôi thờ dài, khiến tôi phải hỏi:

- Anh vì thế mà buồn đấy à? Sao anh ác thế? Sao anh lại bắt em phải thật thà với anh để rồi làm em phải đau đớn?

Nhưng nhà tôi đứng lên, thản nhiên:

- Việc gì mà buồn! Có người đàn bà nào mãi cho đến lúc lấy chồng mà cũng còn nguyên cái trinh tiết tinh thần bao giờ! Tôi chỉ cần sau khi lấy tôi rồi thì vợ tôi không tư tưởng đến ai nữa. Thế thôi!

Rồi chúng tôi nói những chuyện khác, mãi cho đến lúc cả hai cùng ngủ. Nhưng mà, ba giờ đêm, chợt thức dậy, tôi thấy nhà tôi, chị ạ, nhà tôi ngồi ở bàn, hai tay bịt lấy thái dương. Tôi vùng dậy, hỏi một cách run sợ:

- Anh? Anh nghĩ ngợi đấy à?

Tôi muốn thà nhà tôi nói nặng còn hơn chỉ thản nhiên đáp một cách độc địa thế này:

- Có thể!

Lúc ấy tôi bức lắm. Bao nhiêu nỗi phần uất của giống đàn bà đã mấy nghìn năm bị áp chế, bị bó buộc vào vòng nô lệ của giống đàn ông ích kỷ hình như dồn cả vào óc tôi. Tôi bèn nói:

- Thế tại ai gây ra chuyện ấy? Anh đã thật thà với em thì em cũng phải thật thà với anh. Anh nghĩ xem, em chối có nỗi không? Và lại như ai đã nói, điều ấy cũng chẳng can hệ gì.

Chồng tôi rên rĩ:

- Không! Chẳng can hệ gì cả!

Ấy cái ghen của đàn ông là như thế đấy. Họ tò mò, họ bắt mình cung khai sự thật, để họ phải đau khổ, và làm mình cũng đau khổ. Họ có hàng trăm cô nhân tình, họ ngủ với hàng nghìn con đĩ thì không sao. Vợ họ mà để ý một người nào trước khi biết họ, thế cũng đủ họ muốn tự tử.

Chồng tôi lại đứng lên, đau đớn nói:

- Bây giờ thì tôi đã rõ sự thật, đã rõ rằng cái hạnh phúc của tôi không hoàn toàn, và chỉ có giới hạn mà thôi.

Tức thì tôi hiểu ngay rằng thế là xong, vợ chồng mà đã thế thì không thể nào có hạnh phúc được nữa. Tôi bùng mặt ngồi khóc như đứa trẻ không có tội mà bị cha mẹ đánh mắng, chị có biết trong bao lâu không? Ngót một tiếng đồng hồ! Tuy rằng không ai to tiếng với ai, song đêm ấy quả thật có một tấn kịch vô cùng thảm đạm. Sau cùng thì chồng tôi đứng lên, ra vuốt ve tôi.

- Thôi, nín đi, em ạ. Anh xin lỗi em. Anh sẽ quên đi, và anh cam đoan là sẽ quên được. Thật ra, trong việc này, em chẳng có một phần lỗi mọn nào.

Tôi đã phải tìm nhiều lời lẽ an ủi chị Hiền, và tôi đã cầm tay chị lôi lên miệng tôi mà hôn một cách đau thương như hôn một người yêu trong một cảnh ngộ xót xa.

Năm sau, vì có giấy bổ tôi đi Thái Nguyên, tôi không được cùng anh giáo Hiền dạy một trường, và do thế, phải cách biệt chị Hiền. Thỉnh thoảng lắm mới lại có một lá thư trao đổi tin tức cho nhau. Không bao giờ quên những tâm sự của mình, có khi chị Hiền gửi tôi những lá thư dài sáu trang, tám trang, và tôi đã phải nhiều phen tùy chuyện kể trong thư mà hoặc vui hoặc buồn cho bạn.

Một lần tôi rất vui vẻ vì chị Hiền báo tin rằng đã tìm thấy cái hạnh phúc tưởng đã mất tích. Lời lẽ trong thư đại khái rằng:

- "Chị Giao Đài ơi, em hồi hộp báo tin mừng rằng có lẽ chồng em đã không còn muốn làm một người vô nghĩa lý nữa. Nhà em đã biết nói đại khái như thế này: "Theo ý tôi, một cuộc tình duyên hoàn toàn tốt đẹp phải là: Hai người, trước khi yêu nhau đều chưa để ý đến người thứ ba hay là người thứ tư nào cả, và sau khi đã ăn đời ở kiếp với nhau rồi, tất nhiên cũng phải giữ chung tình như trước, nghĩa là vợ cũng như chồng không ai được có một phút diên rồ, mặc dầu là chỉ trong một phút, ngoại tình bằng tinh thần. Như thế cho đến lúc chết.

Vì lẽ người đời không ai lại vợ chồng cùng chết cả một lúc, tất nhiên phải còn lại một người góa vợ hoặc một người góa chồng. Vậy thì các người sống lại ấy cũng không bao giờ mơ tưởng

đến một người thứ ba. Mãi cho đến lúc chết nốt! Ấy đó. Nhưng mà trên thế gian này, làm gì có cuộc tình duyên nào lại duy nhất, lại tự nó chịu những sự kiềm chế như thế được. Vậy ta có thể kết luận rằng không có cuộc tình duyên nào lại hoàn toàn cũng như không ai được hưởng cái "không thể có được" thì chỉ là điên.

Nói thế rồi, chồng em kết luận rằng không quan tâm đến cái điều của em mà xưa kia chàng coi như một cái tội lỗi. Em sung sướng vô cùng".

Tôi để ý đến cách phân tích nghĩa lý cuộc "tình duyên hoàn toàn" của anh giáo Hiền thì nhiều, và mừng cho người bạn gái thì ít. Nhân một dịp nghỉ, tôi về, đến chơi người bạn đồng nghiệp hiểu sự và điên ấy, thấy hai vợ chồng đều vui tươi như hai cái hoa. Tôi đã toan đem cái ghen của anh Hiền ra làm đầu đề câu chuyện mà chỉ vì sợ nhắc lại chuyện cũ thì không tốt cho vợ chồng người ta lúc đương yên lành, nên lại thôi.

Ấy thế mà một tháng về sau, tôi lại nhận được một bức thư của bạn trong đó bạn khóc lóc rầm rĩ, lại khổ sở đau đớn. Rõ sốt ruột làm sao! Thật là chuyện trẻ con! Anh Hiền nhất định buồn rầu, vì cho rằng chỉ có sự trinh tiết của tinh thần mới là đáng quý, và, chị Hiền đã yêu một người khác trước khi lấy anh ấy, thế là đủ không còn trinh tiết nữa rồi, và anh ấy tất phải khổ sở! Chị Hiền viết dưới cuối thư:

"Trong khi nói là quên, chồng em đã dùng hết thời giờ, hết cả tâm trí để nhớ, để buồn rầu!".

Cái ghen của anh Hiền có một thứ thế lực ở tâm giới anh đến nỗi khiến anh hóa ra tầm thường, hóa ra đê hèn, hóa ra "bất thành nhân dạng".

Năm ngoái, chị Hiền sinh được một mụn con gái rồi lại bỏ mất. Có lẽ vì phiền não quá nhiều.

Chị đã lâm sản mà thiệt phận. Vì nhằm vào ba tháng hè nên tôi thường ở bên giường chị ta.

Lúc thở hắt ra, chị cũng lại có tôi để chứng kiến cái khổ của chị, và tôi cũng không hiểu tại một lẽ huyền bí gì của tạo hoá mà lại cứ tình cờ phải nhìn thấy tất cả những cái đau đớn của người bạn khốn khổ ấy.

Khi thấy ông đốc tờ đã lắc đầu thất vọng ở một góc phòng rồi, biết rằng cái giờ cuối cùng của mình đã đến, chị Hiền bèn gọi chồng vào để "rối rãng". Tôi đứng lên bước ra cửa thì chị bảo cứ ngồi lại. Trước mặt tôi, chị Hiền kéo hai bàn tay của chồng về lòng, run rẩy nói bằng một thứ giọng kỳ lạ:

- Em chết rồi, anh ơi! Quan đốc chẳng nói thì em cũng biết! Chẳng còn bao lâu nữa! Em kiểm soát lại cuộc đời thì thấy rằng cũng không đến nỗi thiếu thốn gì mấy, mà cũng đã hưởng nhiều thứ lắm, nhất là lại được làm vợ anh để tự do yêu quý anh!... Em có thiếu thì chỉ thiếu cái lòng yêu của anh, không phải cái yêu thương nhưng mà cái yêu hoàn toàn của anh, mà thôi... Xin anh cho em được mang cái lòng yêu hoàn toàn ấy, cái ái tình bất vong bất diệt ấy, xuống cửu tuyền! (Vì sắp chết nên chị nói văn chương kiểu cách lắm). Từ khi em ốm nặng đã nhiều lần anh an ủi em là quên hẳn chuyện xưa. Bây giờ xin anh cam đoan lần nữa trước mặt người bạn thân của em đây, cho linh hồn em được thỏa. Anh nói đi, cho em nhờ!

Vào trường hợp này, trí người ta thông minh sáng suốt lắm. Vì rằng khi thấy chồng ôm đầu nghĩ ngợi thì chị nói một cách xót xa:

- Giời ơi! Thì ra anh không yêu em, anh chưa quên hẳn chuyện xưa! Anh còn phải nghĩ lâu như thế cơ mà!

Tôi rùng mình run sợ vì thấy anh Hiền đáp:

- Phải, anh đã nghĩ. Bây giờ nói thế nào, chắc em cũng không tin đâu! Đây em xem: anh không thể thật thà với em được!

Người vợ đáng thương ấy nấc lên mấy cái thì người chồng chữa một cách đã quá muộn:

- Tuy vậy anh cũng vẫn yêu em, vì anh còn có bổn phận của một người chồng.

Chị Hiền nấc lên một cái cuối cùng. Thế là tắt nghỉ. Và cách đấy một phút chị còn ai oán nhìn tôi. Cái nhìn ấy phân vua với tôi về những sự thống khổ của một linh hồn phải ôm một mối hận để lên cái thế giới của những linh hồn.

Giao Đài thuật chuyện xong thì im lặng để chờ mọi người bình phẩm.

Một người trong bọn chúng tôi đứng lên bực tức nói:

- Tội nghiệp! Một cuộc tình duyên như thế mà để đến nỗi một điều nhỏ mọn vô nghĩa lý như thế phá hoại được.

Một người khác nói tiếp:

- Vì ái tình là một vật mỏng manh, chóng hỏng và dễ vỡ.

Người thứ ba thờ dài mà rằng:

- Cái anh chồng trẻ con đáng khờ hài như thế mà không ngờ là một tác giả của tấn thảm kịch như thế!

Người thứ tư nói:

- Tôi, tôi muốn nói rằng người vợ ấy không thật thà với chồng ngay từ lúc mới bước chân về nhà chồng.

Nhưng anh Lê Văn Thư đứng lên hậm hực:

- Nhưng mà tôi thì tôi muốn cái thằng chồng khốn nạn ấy không nên thật thà với vợ nó nữa vào lúc vợ nó đã thờ hất ra!

Giao Đài mỉm cười phân vua cả bọn:

- Ấy đấy! Anh Thư bây giờ đã phản đối cái anh Thư lúc tôi chưa kể chuyện rồi đấy nhé! Sao anh không chủ trương cái lòng thật thà mãi đi!

Tưởng chừng không ai phê phán gì nữa, sắp nói sang chuyện khác, thì chị giáo Bích - một người từ nãy chưa nói gì - đứng lên cầm cái chặn giấy gỗ xuống bàn như lúc ra lệnh im lặng cho học trò và hỏi cả bọn:

- Các anh các chị nghĩ về anh giáo Hiền ấy thế nào? Một người đàn ông mà tầm thường như thế ư? Mà khi người ta đã ghen đến như thế thì liệu người ta còn có biết được cái hạnh phúc nữa không? ừ, ghen đến thế thì cuộc đời có thấy sướng gì nữa không?

Vì chị giáo Bích cũng sắp lấy chồng nên người ta mỉm cười nhìn nhau một cách kín đáo và nói lảng sang chuyện khác.

*Đông Dương tạp chí,
số 13; ngày 7.8.1937*

Nhân 70 năm ngày mất nhà văn Vũ Trọng Phụng (1939 - 2009):

Dấu ấn Vũ Trọng Phụng

Phong Lê

Cuộc hội thảo đầu tiên để nhận lại giá trị của Vũ Trọng Phụng được tổ chức vào ngày 12 tháng 10 năm 1989, nhân chẵn 50 năm ngày mất của ông. Vậy là sau 50 năm Vũ mới gỡ được một cái án oan.

Nói đúng hơn là 40 năm, nếu tính từ Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc năm 1949, hoặc 30 năm khi cái gọi là Vấn đề Vũ Trọng Phụng chính thức được đặt ra. Cuộc hội thảo do Viện Văn học chủ trì, phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam và Sở Văn hóa Hà Nội, được tổ chức ở Văn Miếu, trong bầu không khí đổi mới đang đi những bước không còn rụt rè sau khởi động là Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm định lại giá trị của Vũ Trọng Phụng, như một sự xác nhận những gì của César phải trả lại cho César; và nhằm giải thích vì sao rơi vào giòng xoáy những tranh luận và quy kết không chỉ về nghệ thuật mà còn là về chính trị và đạo đức, về thế giới quan và nhân sinh quan, trong cả một thời dài, lại rơi vào Vũ Trọng Phụng, chứ không phải là một tên tuổi nào khác trong giòng văn học hiện thực trước 1945. Còn trào lưu lãng mạn thì đã bị chính những đại diện sáng giá của họ như Hoài Thanh, Xuân Diệu từ bỏ ngay từ sau 1945. Có nghĩa là một số phận không suôn sẻ, không may mắn đã rơi vào Vũ Trọng Phụng, người thuộc giòng hiện thực (tức tả chân, tả thực theo cách nói trước 1945), trong khi số lớn

những tên tuổi thuộc giòng này đều được xem là bạn đồng minh của văn học cách mạng. Bởi, người ta đã không khó tìm trong tác phẩm của Vũ những nhân tố của chủ nghĩa tự nhiên - được xem như là một bước đi lạc, hoặc làm hỏng, chứ không phải là sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực (như trong văn học phương Tây); và tìm thấy trong một, hai bài báo viết trước 1945, những quan niệm mơ hồ hoặc sai lạc về chính trị. Và thế là Vũ Trọng Phụng bỗng trở thành vừa là tội nhân vừa là nạn nhân trong một cuộc giao tranh về ý thức hệ, về quan niệm nhân sinh và nghệ thuật trong cả một thời dài. Phải chờ đến Đổi mới, thì vị trí của Vũ Trọng Phụng mới được khẳng định như là người "thuộc vào con số ít người có công đầu trong việc làm giàu cho gia tài văn chương Việt Nam hiện đại" như trong Báo cáo khai mạc Hội thảo. Và mục tiêu của Hội thảo là để cho "giới nghiên cứu, sáng tác và bạn đọc tìm về chính Vũ Trọng Phụng - nhà văn, Vũ Trọng Phụng - nhà nghệ sĩ, Vũ Trọng Phụng với thế giới nhân vật cực kỳ sống động, và sự huyền diệu, sắc nhọn của ngôn ngữ tiếng Việt trong văn ông. Để tìm về và đón nhận những gì ông đã đem lại cho văn xuôi hiện đại nói riêng và văn học dân tộc Việt Nam nói chung như một văn mạch xuyên suốt", chứ không hề có sự đứt đoạn...

*

Ở trên tôi có nói một lịch sử chìm nổi của Vũ Trọng Phụng không phải 50 năm mà là 40 năm. Tức là không phải ngay sau khi ông mất, hoặc ngay sau 1945. Mà là từ sau cuộc Hội nghị tranh luận văn nghệ năm 1949 ở Việt Bắc. Qua những thảo luận khá sôi nổi, cởi mở và tự do lúc này, chúng ta thấy các giá trị văn chương trước 1945 vẫn còn được tiếp nhận, trong đó Vũ Trọng Phụng là tên tuổi được nhắc đến qua ý kiến của Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu.

Xin được lược trích như sau:

Nguyên Hồng: "... tôi không đồng ý là nghệ thuật chép lại thực tại. Không, nghệ thuật phải là sáng tạo. Trong giai đoạn đả phá, tạo đúng cũng chưa toát lên được cái hiện thực. Cái xã hội của Xuân tóc đỏ, của bà Phó Đoan là cái xã hội thối nát, nhầy nhụa làm cho người ta ngấy lên. Tạo Số đỏ, Vũ Trọng Phụng đã có một thái độ không công nhận cái xã hội ấy. Nếu không, Vũ Trọng Phụng dù có tả nguyên xi cái xã hội ấy, chúng ta cũng không lợm. Tả đúng không đủ. Phải có thái độ cách mạng".

Nguyễn Đình Thi: "Khi nền nghệ thuật tiến bộ cần đánh đổ một trật tự xã hội, một cách sống, công việc chính của nó là vạch rõ bộ mặt thực của cách sống ấy, của xã hội ấy. Một tác giả chép đúng thực tại cũng đã có giá trị cách mạng rồi (ví dụ Balzac, Vũ Trọng Phụng). Nhưng hình thức hiện thực ấy vẫn còn thấp".

Tố Hữu: "Ta phải phân biệt một hiện thực không dẫn dắt đến đâu cả, chỉ đả phá mà thôi. Tạm đặt cho nó cái tên là hiện thực Vũ Trọng Phụng (...). Lối hiện thực Vũ Trọng Phụng chưa phải là hiện thực xã hội. Vũ Trọng Phụng không phải là cách mạng nhưng cách mạng cảm ơn Vũ Trọng Phụng đã vạch rõ cái thực xấu xa thối nát của xã hội lúc ấy. Nếu Vũ Trọng Phụng đi vào cuộc đời cách mạng thì anh ta đã thành công"(1).

Như vậy là giá trị hiện thực ở Vũ Trọng Phụng vẫn được khẳng định; và sự hạn chế của Vũ chỉ là ở chỗ chưa vươn đến tả thực mới (tức hiện thực xã hội chủ nghĩa); dẫu theo đánh giá của cả ba, Vũ Trọng Phụng là cây bút hiện thực "có thái độ cách mạng", hoặc "có giá trị cách mạng" và xứng đáng được "cách mạng cảm ơn".

Trước đó, trong tạp chí Văn nghệ số 13 (6-1949), Nguyễn Đình Thi cũng đã viết: "Cuộc kháng chiến của ta hiện thời kỳ thực nguồn gốc đã ở bao nhiêu đấu tranh ngày trước. Những đấu tranh ấy trước ngày khởi nghĩa thể hiện trong văn chương thời đó gọi là "tả chân", sau khởi nghĩa thì tiến lên như sóng. Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, nhất là Vũ Trọng Phụng và các nhà văn nhóm Tự lực: Nhất Linh, Thạch Lam v.v... khi công kích xã hội cũ đều ở chính giữa hoặc bên cạnh cái dòng đi lên của văn chương". Thế nhưng chỉ dăm năm sau, trong các cuộc chỉnh huấn tư tưởng cho công chức- cán bộ, thì sự phê phán các độc tổ của văn học trước 1945 (tức là những gì liên quan đến chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên và các biểu hiện của chủ nghĩa "suy đồi"), mới diễn ra, cùng với những quy kết gắt gao, những sám hối quá mức chân thành...

*

Nhìn lại lịch sử đánh giá Vũ Trọng Phụng diễn ra sau 1954, có một thời Vũ Trọng Phụng được bàn luận sôi nổi. Thời có những cuốn sách, những bài giảng, những hội thảo, những tranh luận, những khẳng định Vũ Trọng Phụng ở vị trí cao nhất trong giòng hiện thực. Và trong chiều hướng ngược lại, thì sự phê phán cũng khá nặng nề, trên hai phương diện: sự gọi dâm - để tiếp tục câu chuyện "văn chương dâm uế" trước 1945; và sự mơ hồ về chính trị, trong cách hiểu, cách miêu tả người cách mạng, qua nhân vật Hải Vân trong Giông tố mà tác giả hoặc ai đó muốn vận vào người cộng sản. Việc đẩy tới hai cực trong đánh giá Vũ Trọng Phụng, với những khen- chê trái ngược nhau, là có nguyên cớ trong bối cảnh phức tạp của cuộc đấu tranh chống Nhân văn- Giai phẩm, có thể xem là màn dạo đầu cho việc trở lại đánh giá Vũ Trọng Phụng. Phải từ sau 1960 thì "Vấn đề Vũ Trọng Phụng" mới chính thức được đặt ra sau một hội thảo của Viện Văn học, trong tình hình một cuộc đấu tranh ý thức hệ bỗng trở nên gay gắt khi cuộc chiến chống Mỹ là gắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong một thế giới chia làm hai phe. Nếu trong chính trị người ta cương quyết "đập cho nát chủ nghĩa xét lại" - như tên một bài báo lúc này, thì trong hoạt động văn chương- nghệ thuật người ta phải hết sức cảnh giác với mọi biểu hiện vi phạm tính Đảng và đi chệch khỏi con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa. Do vậy mà từ đây, với Vũ Trọng Phụng không còn là câu chuyện tả thực hoặc tả thực xã hội mà là câu chuyện chủ nghĩa hiện thực hay chủ nghĩa tự nhiên. Và vượt ra ngoài các khuynh hướng nghệ thuật còn là câu chuyện chính trị, qua hai bài báo Vũ Trọng Phụng viết vào năm 1937, được phát hiện khá muộn vào đầu 60 mà trở nên thích hợp và thuận lợi cho việc nhận xét thế giới quan và lập trường chính trị ở Vũ. Đó là bài Những việc đáng ghi chép của năm Bính Tý (Tương lai: số 18-2-1937) và Nhân sự chia rẽ giữa Đệ tam và Đệ tứ ta thử ngó lại cuộc cách mạng cộng sản ở Nga từ lúc khởi thủy cho đến nay (Đồng Dương tạp chí, in 3 kỳ, tháng 9 và 10-1937). Một bài báo tỏ ra người viết muốn theo sát đời sống chính trị nhưng lại không phân biệt được Đệ tam và Đệ tứ; lại còn nói xấu cả Đệ tam và xúc phạm đến cả Lênin và Staline; trong khi thế giới mới sau Cách mạng tháng Mười ở Nga đang được kiến tạo theo tinh thần của Đệ tam quốc tế dưới ngọn cờ của Lênin. ấy là một cái lỗi nặng về tư tưởng, về chính trị. Dẫu có là vô tình, hoặc ngây thơ về chính trị thì cũng không thể tha thứ... Còn nhớ, vào năm 1937, thời Mặt trận Dân chủ ở Đông Dương, khi Vũ viết bài này thì không xảy ra chuyện gì gây tranh cãi. Chỉ có chuyện nhóm torótxkit Huỳnh Văn Tài in lại bài Nhân sự chia rẽ... của Vũ vào năm 1939 là năm Vũ chuyển bệnh rất nặng, rồi qua đời.

Tôi sẽ không đi sâu vào hai phương diện này để giải thích và biện minh vì sao Vũ Trọng Phụng bỗng bị lâm vào một tình thế khó khăn, rồi bị quy thành tội trọng trong một thời dài, kể từ sau 1960. Chỉ muốn nói thế kỷ XX trong lịch sử dân tộc đã trải nhiều giai đoạn, với những chuyện, những vấn đề, những yêu cầu đặt ra mà không một bậc tiên tri nào, một đầu óc thông tuệ nào trên các lĩnh vực hoạt động tinh thần mà lường hết được, để mà không mắc... sai lầm. Sa vào những Đệ tứ và Đệ tam, trong phân biệt, hoặc phân hóa của phong trào cộng sản quốc tế hồi 1936-1939, đó là câu chuyện lớn của các sử gia, chính trị gia, chứ đâu phải là chuyện của một người viết văn, nhất là người viết văn như Vũ Trọng Phụng. Sau Đệ tam và Đệ tứ, rồi còn là Đệ tam và Đệ nhị... đó là cả một chuyện dài mà sau các thể nghiệm của nhân loại suốt thế kỷ XX vẫn còn chưa có hồi kết trong toan tính và suy ngẫm của các chiến lược gia thời đại. Đem những vấn đề có tầm vĩ mô như thế mà so với một ít nhận thức mỏng manh, bất chợt, tùy hứng của một người viết văn trong xã hội cũ; một người chọn nghề viết văn để tồn tại, chứ không hề có ý nguyên gì khác; một nhà văn chuyên nghiệp; một người chưa từng được nhận "sự giáo dục của Đảng" như cách ta quen nói trước đây, thì quả là việc dùng dao giết trâu để mổ chim sê. Còn vấn đề "dâm hay không dâm" thì trong tranh luận trước 1945 đã là bất phân thắng phụ, bởi số người bênh vực Vũ cũng không ít, và những biện luận của Vũ là khá sắc sảo; còn sau 1945, dẫu nhu cầu giáo dục đạo đức phải đưa lên hàng đầu thì thực tiễn vẫn cứ đi theo con đường của nó, khiến cho người bị dồn vào phía "văn chương dâm uế" là Vũ Trọng Phụng vẫn chẳng là cái đinh gì so với khắp mặt văn chương của các bậc hậu sinh - hậu hiện đại trong

nước và thế giới sau này. Hóa ra chặng đường 50 năm, rồi 70 năm của dân tộc và văn chương dân tộc đã trải một hành trình đáng kể trên tất cả các phương diện của sáng tác và tiếp nhận, để đến được với quỹ đạo đích thực của nó. Trên hành trình đó, lịch sử đã có biết bao lần lầm lẫn, ngộ nhận, khiến cho không ít người viết phải chịu những thất thiệt, hoặc những cái án oan mà Vũ Trọng Phụng lại là một cas tiêu biểu. Điều được an ủi là lúc sinh thời Vũ đã quyết liệt bảo vệ được mình trong sự đồng tình của không ít các đồng nghiệp, chiến hữu - những người rồi sẽ cùng nhau làm một cuộc tiến đưa Vũ rất mực cảm động vào ngày 13-10-1939, ở Cầu Mới Ngã Tư Sở, không kém cuộc đưa thi sĩ Tản Đà trước đó bốn tháng. Một lễ tang lớn và một số Tao đàn - đặc biệt về Vũ Trọng Phụng vào tháng 12-1939, đủ xác định giá trị và vị thế của Vũ lúc đương thời. Chỉ có điều từ bấy giờ, ở thế giới bên kia, hẳn chắc Vũ sẽ không ngờ suốt nửa thế kỷ sau khi qua đời những gì mình viết ra sẽ phải chịu nhiều phán xét như thế, do từ trường chính trị và yêu cầu của đấu tranh tư tưởng nhằm giải quyết triệt để vấn đề Ai thắng ai, khiến cho một bài báo băng quơ về thời sự bỗng trở thành nguyên cớ chính gây nên tai nạn, và một ít đặc tả hoặc lý thuyết về quan hệ nam nữ và tính dục, do chịu ảnh hưởng ít nhiều học thuyết Freud bỗng trở thành nguy hại cho việc giáo dục con người mới, theo yêu cầu của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Còn bây giờ, kể từ thập niên cuối thế kỷ XX, khi quan niệm nghệ thuật đã được trả về cho chính nó, mà bớt đi sự ràng buộc với quan niệm chính trị và đạo đức vốn có truyền thống rất dài và rất đậm ở phương Đông; và khi chính bản thân quan niệm chính trị và đạo đức cũng thay đổi một cách nhanh gấp theo thời cuộc thì vấn đề Vũ Trọng Phụng sẽ chẳng còn gì là căng thẳng, là gay cấn trong các mối quan tâm của người đọc.

*

Kể từ 1989 trở đi Vũ Trọng Phụng đã trở lại vị trí một gương mặt tiêu biểu và xuất sắc trong trào lưu văn học hiện thực nói riêng và văn học hiện đại nói chung. Từ đây là việc tái bản đầy đủ các tác phẩm, và sự xuất hiện lần lượt các Tuyển tập và Toàn tập; là các hội thảo và kỷ yếu; là chuyên khảo và luận án, luận văn về Vũ Trọng Phụng; là việc đặt tên đường, và xây nhà tưởng niệm... Nếu được chọn sáu sáu người, hoặc vài ba người tiêu biểu nhất cho giòng hiện thực trước 1945 thì phần tôi, không thể thiếu Vũ Trọng Phụng. Bởi giá trị nhận thức mà ông đem đến qua tác phẩm là những gam màu chói gắt, những đường nét sắc nhọn nhất trên bức tranh với nhiều góc khuất của hiện thực xã hội cũ. Những góc khuất được Vũ soi tìm qua rất nhiều phóng sự, khiến cho ông từng được vinh danh là "Ông vua phóng sự đất Bắc". Tất cả những gì được gọi là tệ nạn, hoặc ung nhọt xã hội qua khảo sát và nhận diện của Vũ như cờ bạc, hút xách, tiêm chích, mãi dâm, buôn người... đã lùi sâu vào lịch sử ngót một thế kỷ, thế mà không hiểu trời xui đất khiến như thế nào bỗng trở lại gần như nguyên vẹn trong hiện thực hôm nay với quy mô và hiểm họa còn lớn gấp nhiều lần... Nhìn đời với cảm quan chua chát, thất vọng, hoài nghi, nói Vũ Trọng Phụng trước hết là nói đến một tiếng chửi vỗ mặt vào những gương mặt đại diện của xã hội cũ với bao khinh ghét và căm phẫn, khiến cho mỗi cảnh đời, hoặc mỗi hình tượng, mỗi biểu tượng nhà văn đưa ra đều gây nên rất nhiều ám ảnh cho người đọc. Cùng với tiếng chửi trong đối mặt với một xã hội "chó đều", như trong Giông tố, còn là một chuỗi cười dài, rất dài, với rất nhiều âm vực và giọng điệu nơi Số đỏ, về cảnh và người một thời nhố nhăng, ông hóa ra thẳng, thẳng hóa ra ông của Hà Nội cũ. Thiên kiệt tác về một gã ư may chó ngáp phải ruồi này quả là có sức sống thế kỷ; nếu thiếu nó thì làm sao mà hình dung được một khái quát nghệ thuật tuyệt vời đến thế về trò đời và nhân thế, ở bất cứ đâu, và vào bất cứ thời nào. Cái sức khái quát luôn luôn sống động, đến như sò mó được trong những chân dung thực của một thời - Hà Nội, và cũng không riêng Hà Nội: những cụ Cố Hồng, bà Phó Đoan, cậu Phước - Em chả, ông Típ-phờ-nờ... nơi Hàng Ngang, Hàng Đào, hoặc Tràng Tiền, Tràng Thi...; những lang Tỳ, lang Phế ở Thuốc Bắc, Lăn Ông; những thầy Mindơ, Mintoa trên những lộ trình dọc dài các đại lộ nội thành; những sân quần xem ra còn phảng phất hình tích biết bao Xuân tóc đỏ.

Chỉ với 27 năm tuổi đời và trên dưới 10 năm tuổi nghề thế mà Vũ Trọng Phụng đã để lại một khối lượng có thể nói là đồ sộ các tác phẩm trên nhiều thể loại, gồm 11 tiểu thuyết, 4 phóng sự dài, 2 vở kịch dài cùng nhiều chục truyện ngắn, vở kịch, bút ký, tiểu luận, bản dịch... Có năm như năm 1936, ở tuổi 24, Vũ đồng thời cho in trên báo bốn tiểu thuyết lớn và một phóng sự dài, trong đó có những tác phẩm xứng đáng vào hàng kiệt tác trong văn học Việt Nam thế kỷ XX. Đó là một kỷ lục viết không chỉ người đương thời mà cho đến nay chắc chắn chưa có ai sánh bằng. Từ đó mà suy, giá trời cho Vũ một cơ thể khỏe mạnh và một tuổi thọ dài, ít ra cho đến ngoài 50, thì có lẽ số trang, số quyển của Vũ cũng chẳng kém gì Balzac - người thường được dẫn ra khi nói đến Vũ. Tất nhiên đây chỉ là một giả định cho vui, vì còn phải xét đến sự chi phối, thậm chí là quyết định, của hoàn cảnh... Cùng với Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng là người khai mở và giành ưu thế tuyệt đối cho trào lưu hiện thực vào nửa sau những năm 30, với những gương mặt rất khác nhau, trong sự kế tục nhau, để có Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, rồi Tô Hoài, Nam Cao... mà làm nên những mùa màng thật ngoạn mục cho văn học 1930-1945. Với Vũ Trọng Phụng, những dấu ấn mà ông để lại cho văn học Việt Nam là cực kỳ đặc sắc. Cho đến hôm nay, sau bao thăng trầm của lịch sử, và chìm nổi của bản thân, Vũ Trọng Phụng vẫn còn đây, tác giả của Giông tố, Số đỏ, Kỹ nghệ lấy Tây, Cạm bẫy người, Cơm thầy cơm cô...; người khai sinh và đem lại sự bất tử cho những Nghị Hách, Xuân tóc đỏ, Thị Mịch, bà Phó Đoan, cụ cố Hồng, "Em chả"...

Bất chấp một tuổi đời quá ngắn ngủi trong nghèo túng, bệnh tật; vượt thoát ra khỏi giới hạn lịch sử 1945, văn phẩm Vũ Trọng Phụng mang trong nó giá trị thế kỷ, bởi sự nhận diện sắc nét gương mặt xã hội, qua biết bao là chân dung con người - gồm cả phần con và phần người; bởi sự soi sáng những vấn đề lớn của dân tộc và số phận của nhân dân, trên một hành trình dài hướng tới sự thật, gắn bó với sự thật, không có gì khác ngoài sự thật, tìm chân lý trong sự thật, nhằm vào mục tiêu nhân đạo hóa hoàn cảnh và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Thái Hà 17 - 20/10/2009

(1) Tạp chí Văn nghệ, số 17-18; tháng 11 và 12-1949. Biên bản Nguyễn Huy Tường ghi.

(Nguồn: hnv.vn)

Một cái chết

1.

Bây giờ tối.

Hai chúng tôi, cơm chiều xong, vừa định thẳng bộ vào dạo chơi loanh quanh mấy phố thì trời bỗng đổ cơn mưa như trút.

Phải bó cổng ngồi nhà cặm cụi với mấy tờ báo, chúng tôi xem đã uể oải, mắt đã thấy mờ thì cửa vẫn khép chặt, bỗng có người đẩy đánh xầm một cái tung ra.

Giật mình, chúng tôi ngơ ngác nhìn lên thì một ông lão ăn mày vừa lòa vừa cụt chân, người quắt như con mumm nướng, áo to, nón lá, chống nạng lê vào.

Lạy ông, lạy bà... bố thí cho con đồng cơm bát cháo trong lúc khốn cùng...

Không sẵn! Đi đi!!! Cửa nhà người ta khép thế mà cũng đẩy ra được...

Đã bực mình sẵn, lại thấy ông lão xông xáo quá đáng thế, tôi không chút thương mà gắt rầm lên. Bạn tôi vội xua tay ngăn lại, đứng dậy, ra ân cần đỡ vào tay ông lão một xu. Ông lão cúi rạp xuống đất tạ ơn rồi lúi thủi bước ra, để lại chỗ đứng một vũng nước dầy ở cái áo tôi trút xuống. Bạn tôi cài then cửa rồi vào:

- Không bao giờ tôi nỡ đuổi một người ăn mày như anh đã đuổi.

Tôi mỉm cười một cách nhạo báng. Bạn tôi xưa nay vẫn hay giảng đạo đức, thuyết luân lý.

- Anh đừng tưởng chuyện đùa. Những chuyện rất thường mà đối với người ngoài cuộc, lắm khi có ảnh hưởng lại rất sâu xa. Một người ăn mày đến kê nhè bên ngoài. Người trong nhà chạy ra mắng đuổi hất đi rồi đóng cửa đánh xầm một tiếng. Tưởng chẳng có chuyện gì bình thường hơn thế nữa. Thế mà cũng chỉ vì một chuyện đuổi ăn mày mà chính tôi đây, tôi đã được mục kích một tấn kịch rất đổi bi thương.

Nói đến đó, bạn tôi ngồi xuống ghế, vớ lấy bao thuốc lá lấy ra một điếu đánh diêm châm, rồi tiếp.

Bên ngoài trời vẫn rả rích mưa to.

2.



Về đâu...?(ảnh Trần Cao Lĩnh)

- Hồi ấy, cách đây sáu bảy năm trời, phải, sáu bảy năm trời rồi mà câu chuyện xảy ra tôi còn nhớ mồn một như mới hôm qua.

Năm mười sáu tuổi, học lớp nhất trường Hàng Vôi, tôi ở trọ phố Bờ Sông, nhà một thầy cai lấy thuê chợ. Con trai thầy mới lên mười một, học lớp dự bị, ngày ngày bốn buổi đi về có tôi dắt dìu. Tối đến dưới ngọn đèn dầu cũng tôi chỉ bảo.

Gia thế thầy cai tôi không được rõ. Vì có người quen mách giúp nên việc tôi đến trọ nhà thầy là việc ngẫu nhiên. Chỉ biết hôm tôi khuan hòm đến thì, trên chòm mũ trắng điểm vành băng đen, thằng Họi - con thầy - đã ngót hai năm trở mẹ.

Thằng Họi! Tôi nhắc đến tên thì người, tôi cũng nhớ được ngay. Anh thử tưởng tượng xem, một thằng bé mới mười một tuổi đầu, mặt mũi sáng sủa, ăn nói lễ phép, đến trường học hành

đã chăm chỉ, về nhà việc vặt lại hay làm. Thầy cai rất yêu quý con trai, sợ cảnh di ghê con chồng, chuyện lấy vợ kể thầy không hằng nghĩ đến.

Nhưng xem ý tôi biết, thằng Hợi không yêu bố nó chút nào. Chắc anh cũng chẳng lạ gì, một đứa trẻ, rất ngoan mà không ưa bố, một người bố cũng thương yêu con như trăm nghìn người bố khác, chỉ vì cái nghề mà đến con đẻ ruột nó cũng không yêu.

Anh thử tính xem, cái nghề mà cửa miệng thiên hạ vẫn nói... nó đầy dọa con người một thời xông pha mưa nắng, chỉ vì bốn phận mà đối với người nghèo hèn, buôn thúng bán mẹt đã bị họ coi như kẻ tử thù

Mỗi lần thầy cai đi "sơ vít" ⁽¹⁾ qua cửa trường Hàng Vôi là lại một phen thằng Hợi khóc. Nó khóc vì nó chẳng đang tâm trông thấy bố nó thẳng cánh đánh đập một bà lão bán bún hay đá túi bụi một thằng bé con cho hòm kẹo đổ xuống đất tung tành, nó khóc vì bạn bè trong trường khinh bỉ nó vô cùng, thường rõ rọ vào mặt nó mà rằng: *"Chúng tao không chơi với mày! Bố mày làm cai lấy vé chợ"*.

Sau những trận đau lòng ấy, chẳng biết trông cậy vào ai, thằng Hợi chỉ còn ôm đầu lủi thủi lại cầm tay tôi, ngược mắt nhìn lên tỏ ý kêu van, dưới ánh sáng mặt trời xiên qua bóng mấy cây bàng, tôi con thoảng nhớ cái nét mặt ủ rũ của thằng Hợi, hai hàng nước mắt chạy quanh rơm rớm. Anh, nếu anh có đứng vào địa vị tôi bây giờ, anh mới rõ được cái cảnh thương tâm ấy.

Thành thử nó coi tôi như một người anh, có lẽ hơn một người anh nữa, vì càng khinh bỉ bố nó bao nhiêu, tôi lại càng ái ngại cho thằng Hợi bấy nhiêu. Nó cũng hiểu lòng tôi thế lắm.

Nhưng có lẽ anh đã nóng ruột rồi, câu chuyện "đuổi ăn mày" anh để tâm, đây, tôi kể đến rồi đây.

3.

Buổi tối hôm ấy, cũng vào độ bảy, tám giờ, cũng về cuối tháng giêng ta như hôm nay, chỉ khác là bây giờ thời tiết dễ chịu mà năm ấy thì rét như cắt.

Cái nhà chênh vênh hứng gió, cửa trông thẳng ra bờ sông, chúng tôi ngồi trong, nghe bên ngoài tiếng gió ào ào, cột nhà chuyển lắc rắc mà những rừng mình.

Phải, cái cảnh tượng đêm hôm ấy trí tôi chẳng quên mất một mảy may: cửa đóng kín im im, ngồi chụm đầu trong một cái chăn bông mà hai hàm răng tôi vẫn thấy chọi nhau lập cập. Thằng Hợi ngồi học cùng bàn với tôi nhưng không biết nó nghĩ vơ vẩn điều gì, mắt nó thường không nhìn đến sách. Thầy cai thì ngồi chễm chệ giữa giường, bên đùi kê một hỏa lò than đỏ rực, trên để mấy con mực khô đang sèo sèo, mùi mực nướng pha lẫn mùi rượu ngang thơm nức cả nhà, nghĩ đến mà thêm rỏ dãi.

Chợt có người khẽ gõ vào cửa mấy tiếng rồi đánh "huych" một cái như có vật gì rơi xuống đó. Vừa toan bỏ chăn, xỏ chân vào đôi guốc bước ra thì thầy cai giơ tay ngăn lại, cầm khăn ung dung chùi nồm, vuốt lại bộ râu cong đầu đấy rồi mới cau đôi lông mày sâu róm lại, lên tiếng đồng dục:

- Ai hỏi gì...?

Bên ngoài lại thấy mấy tiếng gõ vào cánh cửa.
Thầy Cai lộn tiết, quát:

Hỏi gì, nói lên!!!

Nhưng gió vẫn ào ào, bạt cả lời thầy muốn nói. Chúng tôi lắng tai nghe, bên ngoài đưa vào một cơn ho lụ khụ, rờn rạc như của một người mắc bệnh kinh niên, rồi thấy giọng run run đưa qua hơi thở hỗn ha hỗn hển:

- Lạy ông lạy bà, ông bà cứu con, vừa đói vừa rét thế này con chết mất...

Chẳng cần nói tất anh cũng hiểu là một người ăn mày. Trong lúc đó túi tôi cũng có sẵn vài xu rúc rích, vừa toan mở cửa cho thì con người vô lương tâm kia đã lên giọng quát tháo ầm ầm:

- Bước ngay! Đi nhà khác! Đây không sẵn...!



Người ăn xin (tranh bé Ký)

Anh tính, người ta đang đuổi thế mà mình lại cho tiền chả hóa ra chửi mắng người ta hay sao? Nghĩ thế, tôi đành khoanh tay ngồi nín lặng xem cái tấn kịch ấy nó diễn ra trong ba, bốn phút.

- Ôi trời ơi! Con lạy ông... ông... không thương, con chết mất!!!

- À... Quân này lại muốn ra gan... Muốn sống thì xéo đi thông lại vào bóp sớm.

Bên ngoài, tiếng nói lẫn tiếng khóc:

- Ôi trời đất ơi! Con chết mất rồi đây, ông có cứu con không...?

.....

Gớm! Đến cái con người tàn nhẫn ấy thì không thể nào kể được. Tôi không ngờ lão ta nỡ đứng phắt dậy, sẵn chậu thau nước lạnh để gần đấy, liền nhấc ngay lên nhằm khe cửa đổ hắt ra đánh "rào" một cái rồi khoanh tay đứng nhìn.

Mỗi phút một xa, mấy tiếng gậy lộc cộc chống vào hè lát gạch, theo sau một tiếng thở dài... trư ngọn gió ào ào thổi mạnh, bốn bề lại im phẳng phắc.

Nét mặt vẫn thản nhiên như không, thầy cai lại ngồi vào mâm, gật gù mãi đến nửa đêm. Nằm trong chăn, thấy khác hẳn mọi khi, thằng Hợi hôm ấy vừa đặt mình đã ngủ say như chết. Nhưng gần về sáng bỗng bàng hoàng tỉnh giấc, tôi thấy nó quay mặt vào tường mà khóc tỉ tê. Tôi nghĩ mà thương nhưng cũng không khuyên giải, biết rằng có nói cũng chỉ gọi thêm một mối thương tâm.

4.

Hôm sau, nhằm ngày thứ năm, phải buổi chữ nho, thằng Hợi ở nhà, còn tôi đi học.

Đến trưa, cặp cặp về, đã thấy nó đứng cửa, mắt đỏ hoe:

- Anh ơi, hãy ra đây mà xem đã...

Rồi chẳng để tôi kịp hỏi, nó đã xốc lấy tay tôi. Đi thẳng ra bãi, trèo qua dải đê, tôi thấy xa xa một đám đông, vừa trẻ con, người lớn. Đến gần lặng nghe họ bàn tán, tôi hiểu ngay tất có chuyện buồn:

- Thôi, thế cũng xong! Chết là may, chết là hết... Nhiều người muốn chết mà chẳng được cơ...!

Lời nói lạnh lùng của một ông lão trên đầu hai thứ tóc, mắt kèm nhèm, quần áo rách như tổ đĩa. Một thằng bé độ sáu tuổi nhăn răng bảo thằng đứng bên cạnh:

- Mày ạ! Trông đầu ông ấy như một quả bóng sanh (cinq).

Rồi mấy người đàn bà cười ồ.

Chẳng để ý đến mấy người họ lấy khuỷu tay đẩy mình, chúng tôi rẽ đám đông ấy, cố len lỏi vào cho được.

Anh ạ, tôi quyết không bao giờ quên được cái cảnh buồn tê buồn tái ấy nó hiện ra trước mắt tôi, lần ấy là lần đầu.

Trời vẫn rét, gió vẫn thổi ào ào.

Trong miệng cái cổng tròn bằng xi măng một cái xác ông lão ăn mày nằm còng queo, hai chân co lên bụng, còn hai tay vẫn như ôm lấy bị gãy. Cái nón lá rơi ra một bên, bộ tóc lơ thơ, mấy chòm râu lốm đốm phát phơ bay theo ngọn gió, cái thân da bọc ngoài xương nằm đó cho ruồi bâu nặng bám phải chẳng là người hành khất đêm qua lê đến cửa nhà tôi mà đã bị một chậu nước lạnh đuổi đi...?

Nghĩ thế rồi chẳng nữa nhìn lâu cảnh ấy, tôi dắt tay thằng Hợi kéo ra chỗ khác. Nào ngờ, nó cũng nghĩ như tôi, rầu rầu nét mặt mà rằng:

- Chính người ăn mày đêm qua rồi, anh ạ.

Lời nói của một đứa trẻ ngây thơ ấy theo sau một tiếng thở dài mới tha thiết làm sao... Một khối óc còn non mà đã thất cái chân tướng cuộc đời, trong lòng xúc cảm bao mối thương tâm mà chỉ biết phát lộ ra bằng một tiếng thở dài, một tiếng thở dài mà ngụ bao nỗi đắng cay, ý vị...

Tuy chúng tôi không đứng lại xem lúc xe "măng ca" đến xe cái xác ấy đi ra sao mà buổi chiều hôm ấy, như bị một sức mạnh vô hình xô đẩy, lòng tôi bỗng thất buồn tê tái, bài chẳng muốn học, cơm chẳng muốn ăn. Muốn giải trí, tôi rủ thằng Hợi đi xem chiếu bóng thì nó cười, cái cười giả dối ấy, tôi còn nhớ mãi. Rồi nó hỏi vay tôi năm hào, nói là để mua đèn anh em quả bóng mà nó đã nhờ chân đá vỡ cách đây mấy hôm. Tôi cho vay ngay, nào ngờ chỉ vì chẳng nghĩ xa xôi mà một đời tôi, rồi đây tôi còn phải lấm phen ân hận.

5.



Tranh Pablo Picasso

Đi xem về, tôi vừa gặp thằng nhỏ còn xách thùng đi gánh nước. Bấy giờ thầy cai đang giờ "service" thành cũng vắng nhà. Mở cửa bước vào, tôi thấy thằng Hợi đã nằm kín mít trong chăn. Tường cũng như mọi khi, thấy rét thì đi ngủ, tôi đến bên giường khẽ lật chăn ra, ý muốn kể lại câu chuyện vừa xem với nó. Anh ơi! Thật một đời tôi, chưa bao giờ tôi phải một phen lo sợ mà cảm động như lúc bấy giờ.

Đây này, anh...! Trái tim tôi đã thấy đập thành thành, chẳng khác gì lúc ấy, lật cái chăn ra, tôi thấy mặt nó xám ngắt, mắt nó nhắm nghiền mà tay nó thì lạnh giá như đồng, một thứ lạnh của những xác chết khiến ta chỉ hơi chạm vào là đủ rung mình ghê sợ.

Tôi biết ngay là có chuyện, cố nén cái sợ, ôm lấy ngang lưng nó mà lay gọi một hồi, chẳng thấy gì, tôi đưa mắt nhìn ra bàn thì bộ chén để úp đáy thấy lè bên ngoài một cái. Tôi vội cầm đến thì còn thấy cạn...

Chao ôi! Cạn dấm thanh thuốc phiện mùi hầy còn sức nước đưa lên.

không biết sao, lúc bấy giờ tôi đã toan chạy đăm bổ ra ngoài đường kêu cứu mà rồi tôi lại quay vào, ôm lấy cái xác mà kêu, mà gọi một hồi lâu nữa... Mặt mũi nó trắng trẻo, phương phi, trông mà thương, mà tiếc vô cùng, tôi tưởng chừng như ôm vào lòng xác một đứa em.

Rồi không biết tôi nghĩ lẫn thần thể nào mà tôi nâng đầu nó dậy, in cặp môi tôi vào trán nó mà hôn... như hôn một người yêu đang ngủ... thì mắt nó bỗng thấy mở hé ra, tôi còn nhớ mãi đến giờ, hai con mắt ấy lơ lơ mà nhìn tôi như người ngái ngủ. Bỗng nó trợn mắt lên, há miệng như muốn nói, cổ vùng tay giơ lên như muốn ôm lấy cổ tôi nà toan gọi: anh anh!...

Thương thay! Thằng Hợi chưa kịp nói được điều gì thì, chừng như thuốc độc đã thấm đến ruột gan nó, nó nhắm mắt giã mạnh một cái rồi buông xuôi hai tay mà ngật cổ xuống giường... bệt mép sùi ra...

Chuyện về sau thế nào, tưởng anh đoán lấy cũng hiểu.

Riêng tôi, tôi coi cái ngày hôm ấy như một ngày mà tôi phải để tang, nhân thấy anh đuổi một ông lão ăn mày nên tôi kể chuyện lại anh nghe...

Mars 1931

Nguồn: Tuyển tập truyện ngắn Vũ Trọng Phụng

Nxb Văn Học, 2015

(1) Service: Thi hành công vụ (tiếng Pháp) - B.T.